



Chuyển đổi Chuẩn mực Kế toán Việt Nam sang Chuẩn mực Báo cáo Tài chính Quốc tế

Ấn phẩm 1: Phạm vi ảnh hưởng

Mục lục

Lời nói đầu	5
Giới thiệu chung	6
Phần 1: Khởi đầu lộ trình chuyển đổi	7
Chặng đường của Quý Công ty sẽ bắt đầu từ đâu?	8
Phạm vi ảnh hưởng: Thứ tự ưu tiên là gì?	12
IFRS 1 – Lần đầu áp dụng IFRS	14
Minh họa về Thuyết minh chuyển đổi sang IFRS	17
Các thuật ngữ liên quan	19
Khuôn khổ báo cáo tài chính	20
Phần 2: Chuyển đổi từ chuẩn mực kế toán Việt Nam (VAS) sang chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế (IFRS)	27
Một số chuẩn mực quan trọng	28
Nhóm 1: Chuẩn mực về trình bày và công bố báo cáo tài chính	31
<i>IAS 1 Trình bày báo cáo tài chính</i>	31
<i>IFRS 7 Công cụ tài chính: Thuyết minh</i>	34
<i>IFRS 17 Hợp đồng bảo hiểm</i>	36
Nhóm 2: Chuẩn mực kế toán tài sản và nợ phải trả	39
<i>IAS 12 Thuế thu nhập doanh nghiệp</i>	39
<i>IAS 16 Tài sản, nhà máy và thiết bị</i>	42
<i>IAS 19 Phúc lợi cho người lao động</i>	44
<i>IAS 36 Tổn thất giá trị tài sản</i>	48
<i>IAS 37 Các khoản dự phòng, tài sản và nợ tiềm tàng</i>	50
<i>IFRS 9 Công cụ tài chính</i>	52
<i>IFRS 13 Xác định giá trị hợp lý</i>	56
<i>IFRS 15 Doanh thu từ các hợp đồng với khách hàng</i>	59
<i>IFRS 16 Thuê tài sản</i>	53

Nhóm 3: Chuẩn mực kế toán về hợp nhất	66
<i>IAS 27 Báo cáo tài chính riêng</i>	66
<i>IAS 28 Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết</i>	68
<i>IFRS 3 Hợp nhất kinh doanh</i>	70
<i>IFRS 10 Báo cáo tài chính hợp nhất</i>	73
Phần 3: Xem lại các vấn đề chuyển đổi – một góc nhìn toàn diện	76
Xem lại các vấn đề chuyển đổi: Một góc nhìn toàn diện	77
Lộ trình chuyển đổi IFRS	78
Một quá trình chuyển đổi được chuẩn bị tốt	79
Học hỏi kinh nghiệm trong quá khứ từ các quốc gia khác	80
Ảnh hưởng và sự chuẩn bị về công nghệ thông tin (IT)	81
Phần 4: Minh họa về cách mà deloitte có thể hỗ trợ quý công ty	82
Minh họa về cách mà Deloitte có thể hỗ trợ Quý Công ty	83
Ví dụ về các quy trình mà Deloitte có thể hỗ trợ ở mỗi giai đoạn IFRS	84
Một số khóa đào tạo IFRS đã triển khai	85
Tổng quan về cam kết triển khai IFRS-ERP	86
Dịch vụ sau sáp nhập – Chuyển đổi IFRS	87
Các chuyên gia IFRS của chúng tôi	88
Văn phòng của chúng tôi	88

Lời nói đầu

Ấn phẩm này là ấn phẩm đầu tiên trong chuỗi ấn phẩm do Deloitte Việt Nam xuất bản để hỗ trợ các Doanh nghiệp Việt Nam chuyển đổi từ Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (VAS) sang Chuẩn mực Báo cáo Tài chính Quốc tế (IFRS).

Theo tinh thần của Quyết định số 345/QĐ-BTC được ban hành tháng 3/2020, thời gian chuyển đổi tự nguyện sẽ bắt đầu từ năm 2022 đến 2025, đồng nghĩa các doanh nghiệp sẽ có thời gian tiếp cận một cách kỹ lưỡng, xem xét phạm vi của công việc chuyển đổi và tất cả các ảnh hưởng có liên quan trước khi đi sâu vào quá trình chuyển đổi chi tiết. Chuỗi ấn phẩm của chúng tôi dự kiến sẽ đưa ra các hướng dẫn liên quan về phương pháp tiếp cận đến các vấn đề mà chúng tôi cho rằng có mức độ ưu tiên cao trong quá trình chuyển đổi áp dụng IFRS này.

Chuyển đổi áp dụng IFRS không phải là một sự cải tiến đơn thuần trong lĩnh vực báo cáo tài chính kế toán mà là cuộc chuyển đổi có ảnh hưởng rộng lớn đến tất cả các khía cạnh khác của một doanh nghiệp chẳng hạn như quy trình sản xuất kinh doanh, hệ thống công nghệ thông tin, các thủ tục kiểm soát có liên quan, hệ thống đánh giá và khen thưởng, và các vấn đề về quản lý thuế...

Sử dụng ấn phẩm hướng dẫn của Deloitte Việt Nam, Quý Doanh nghiệp có thể bắt đầu chuẩn bị cho quá trình chuyển đổi bằng việc liệt kê các bước cần thiết và thứ tự ưu tiên để tiến hành chuyển đổi một cách hợp lý.

Ấn phẩm này tập trung khoanh vùng và lập kế hoạch cho lộ trình chuyển đổi từ VAS sang IFRS. Trong các ấn phẩm tiếp theo, chúng tôi sẽ đề cập chi tiết về những khía cạnh khác của lộ trình chuyển đổi này, với hướng dẫn cụ thể hơn về các vấn đề phát sinh tại mỗi giai đoạn của lộ trình.



Giới thiệu chung

Ấn phẩm này nhằm hỗ trợ các doanh nghiệp lập báo cáo tài chính tại Việt Nam khoanh vùng các nhiệm vụ quan trọng của việc chuyển đổi từ VAS sang IFRS. Việc áp dụng hoàn toàn IFRS được dự đoán hoàn thành sau 2025, nhưng hiện tại có một số nhiệm vụ quan trọng cần phải hoàn thành trước đó để đáp ứng các yêu cầu và quy định về báo cáo tài chính, hoặc để chắc chắn rằng khi giai đoạn áp dụng bắt buộc đến, mọi thứ đã sẵn sàng để đảm bảo lộ trình chuyển đổi thành công.

Ấn phẩm này được chia thành bốn phần với mục tiêu giúp người lập báo cáo tài chính xác định những nhiệm vụ chuyển đổi nào quan trọng cần thực hiện ngay và những nhiệm vụ nào có thể thực hiện sau. Bằng cách lập và thực hiện chiến lược được cân nhắc kỹ lưỡng để cho việc chuyển đổi sang IFRS hiệu quả về mặt quy trình và chi phí.

Khi Quý Công ty trải nghiệm hết tập ấn phẩm cuối cùng, chúng tôi hy vọng Quý Công ty sẽ có các công cụ hoặc có khả năng truy cập các công cụ để giải quyết giai đoạn đầu tiên của lộ trình chuyển đổi IFRS – Phạm vi ảnh hưởng.

Phần 1

Cung cấp cái nhìn tổng quan về IFRS, những vấn đề cần cân nhắc cho những người lập báo cáo tài chính ở Việt Nam và giới thiệu về các thuật ngữ và khái niệm cốt lõi.

Phần 2

Tập trung vào những vấn đề chuyển đổi quan trọng. Đây là những phần thuộc báo cáo tài chính mà chúng tôi xác định là có tầm quan trọng ở giai đoạn đầu của lộ trình chuyển đổi. Quý Công ty sẽ cần để lập kế hoạch cho việc thực hiện lộ trình chuyển tiếp hoặc chuyển đổi dữ liệu giữa VAS và IFRS trên cơ sở kịp thời và hiệu quả về mặt chi phí.

Phần 3

Xem xét lại lộ trình tổng thể sau khi đã cân nhắc xong các vấn đề quan trọng được nêu trong Phần 2. Phần 3 này cũng thuộc lộ trình chuyển đổi, tiếp theo sau từ giai đoạn đầu tiên, liệt kê những hành động cần thực hiện và sẽ được chia sẻ trong các tập tiếp theo của chuỗi ấn phẩm này.

Phần 4

Nguồn lực và sự hỗ trợ từ phía Deloitte Việt Nam, bao gồm chuỗi các ấn phẩm liên quan, các chuyên gia về IFRS, và khả năng truy cập các chương trình đào tạo về từng vấn đề cốt lõi, miễn phí thông qua trang web IFRS của chúng tôi www.IASplus.com.

Ấn phẩm này được cung cấp như một dịch vụ thông tin và không đề cập đến tất cả các hình mẫu thực tế có thể và hướng dẫn có thể thay đổi. Thông tin được cung cấp về các vấn đề chuyển đổi dựa trên đánh giá của chúng tôi về các lĩnh vực có thể quan trọng đối với nhiều doanh nghiệp. Chúng tôi nhận thấy rằng có nhiều vấn đề chuyển đổi bổ sung tồn tại và (có thể) có tầm quan trọng lớn hơn đối với hoàn cảnh thực tế của từng doanh nghiệp. Deloitte Việt Nam không sử dụng ấn bản này để: cung cấp dịch vụ kế toán, kinh doanh, tài chính, đầu tư, pháp lý, thuế, hoặc tư vấn hoặc dịch vụ chuyên nghiệp khác.

Ấn phẩm này không thay thế cho bất kỳ sự tư vấn hoặc dịch vụ chuyên nghiệp nào, Quý Công ty cũng không nên sử dụng để làm cơ sở cho bất kỳ quyết định hoặc hành động nào có thể ảnh hưởng đến doanh nghiệp. Trước khi đưa ra bất kỳ quyết định hoặc thực hiện bất kỳ hành động nào có thể ảnh hưởng, Quý Công ty nên xem xét tìm đến một bên tư vấn chuyên nghiệp. Deloitte Việt Nam sẽ không chịu trách nhiệm cho bất kỳ tổn thất của bất kỳ đối tượng nào dựa vào ấn phẩm này.

The background of the slide features a hand in a blue sleeve holding a black pen, pointing at a line graph. The graph is plotted on a grid with dashed vertical lines and solid horizontal lines. The x-axis at the bottom is labeled with the months 'Jun', 'Jul', 'Aug', 'Sep', 'Oct', 'Nov', and 'Dec'. Several lines are plotted, including a prominent dashed line that slopes downwards from the top left and a solid line with multiple peaks and valleys. A semi-transparent blue rectangle is positioned in the upper left, containing the title text.

Phần 1: Khởi đầu lộ trình chuyển đổi

Chặng đường của Quý Công ty sẽ bắt đầu từ đâu?

Khởi đầu lộ trình

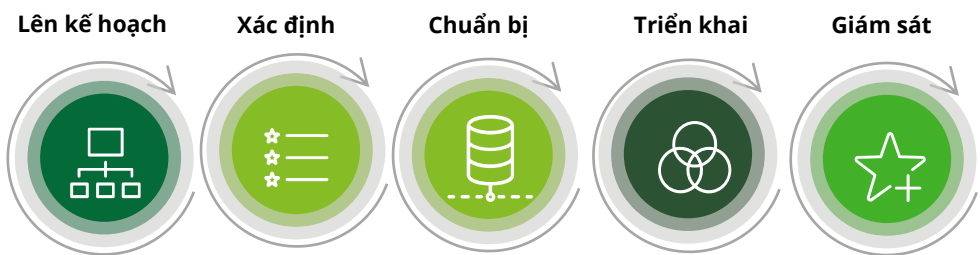
Bộ Tài chính đã ban hành Quyết định số 345/QĐ-BTC về việc phê duyệt “Đề án áp dụng chuẩn mực báo cáo tài chính tại Việt Nam”. Theo đó, lộ trình thực hiện thay thế VAS bằng IFRS sẽ chính thức áp dụng bắt buộc sau năm 2025. Trong khoảng thời gian này, các doanh nghiệp thuộc quy định trên nên có lộ trình cụ thể để chuyển đổi từ VAS sang IFRS.

“Chuyển đổi từ Chuẩn mực Kế toán Việt Nam sang Chuẩn mực Báo cáo Tài chính Quốc tế là một lộ trình, không phải là một cuộc cải tiến.”

Điều này có đồng nghĩa với việc VAS hiện tại trở nên lỗi thời vào thời điểm chuyển giao sau năm 2025? Hay sẽ có một sự thay đổi mang tính bước ngoặt vào ngày đó, đòi hỏi những nỗ lực thực sự để tuân thủ sau năm 2025? Câu trả lời cho cả hai câu hỏi trên là “Không”.

Đây không phải là một cuộc cải tiến về kế toán, mà là một lộ trình chuyển đổi từ một cơ sở toàn diện của những nguyên tắc kế toán được chấp nhận chung sang một cơ sở khác.

Cơ sở mới này bao gồm các vấn đề cốt lõi cần được thực hiện ngay lập tức, một số vấn đề quan trọng cần được thực hiện trong quá trình chuyển đổi trong khi một số vấn đề khác có thể được giải quyết sau nhưng dự kiến sẽ được hoàn thành trước ngày triển khai tổng thể. Ngoài ra, có một loạt các vấn đề, bao gồm các yêu cầu trình bày thông tin bổ sung sẽ cần được thực hiện trước ngày chuyển đổi. Về mặt tích cực, đa phần đã có những tương đồng với cơ sở báo cáo tài chính của Việt Nam hiện tại, nhưng một vài chuẩn mực sẽ cần được thay thế.



Đích đến là gì?

Đích đến cuối cùng là sự chuyển đổi hoàn chỉnh tất cả các báo cáo tài chính từ VAS sang IFRS cho các năm tài chính sau 2025, với sự điều chỉnh tương ứng cột số liệu so sánh của năm trước (bao gồm cả kết quả hàng quý).

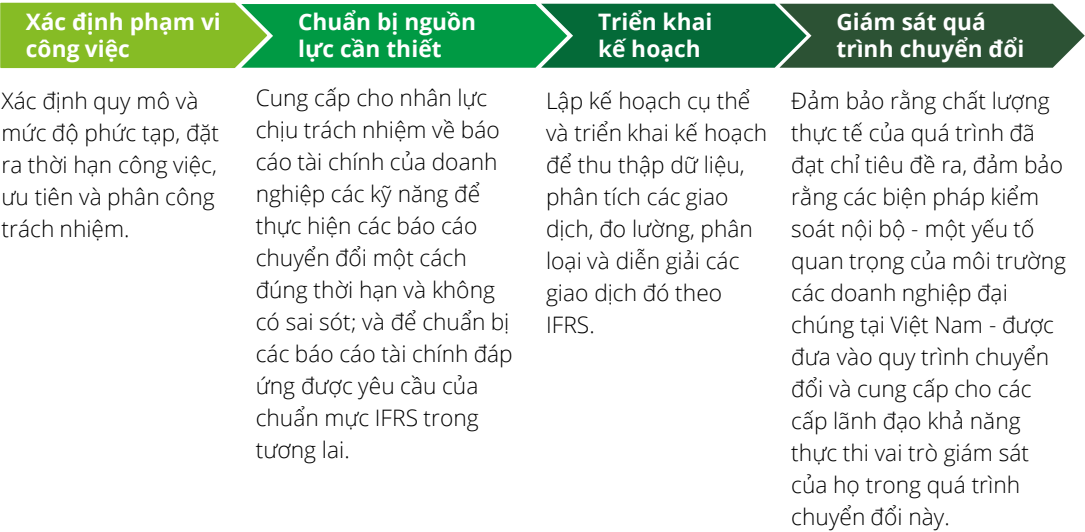
Viễn cảnh này bao gồm việc thay đổi tất cả các hoạt động, nguồn lực và hệ thống bên trong doanh nghiệp, cũng như sự thay đổi về nhận thức của thị trường, bao gồm tất cả các bên liên quan.

Yếu tố cốt lõi trong quá trình này là thuyết minh về các tác động có thể xảy ra trong báo cáo tài chính cho các năm kết thúc vào hoặc sau ngày 31 tháng 12 năm 2024, 2025 và 2026.

Làm thế nào để đến đích?

Bất kỳ hành trình nào cũng có thể được kiểm soát dễ dàng với kế hoạch và chỉ dẫn cụ thể. Về cơ bản, để hoàn thành kế hoạch chuyển đổi, có bốn giai đoạn trong lộ trình gồm: xác định phạm vi công việc, chuẩn bị các nguồn lực, triển khai kế hoạch và giám sát quá trình. Ấn phẩm đầu tiên nằm trong chuỗi hướng dẫn hàng năm phục vụ cho lộ trình chuyển đổi IFRS của Deloitte Việt Nam tập trung vào các yếu tố chuyển đổi quan trọng ở giai đoạn tiền đề này.

Bốn giai đoạn của quá trình chuyển đổi

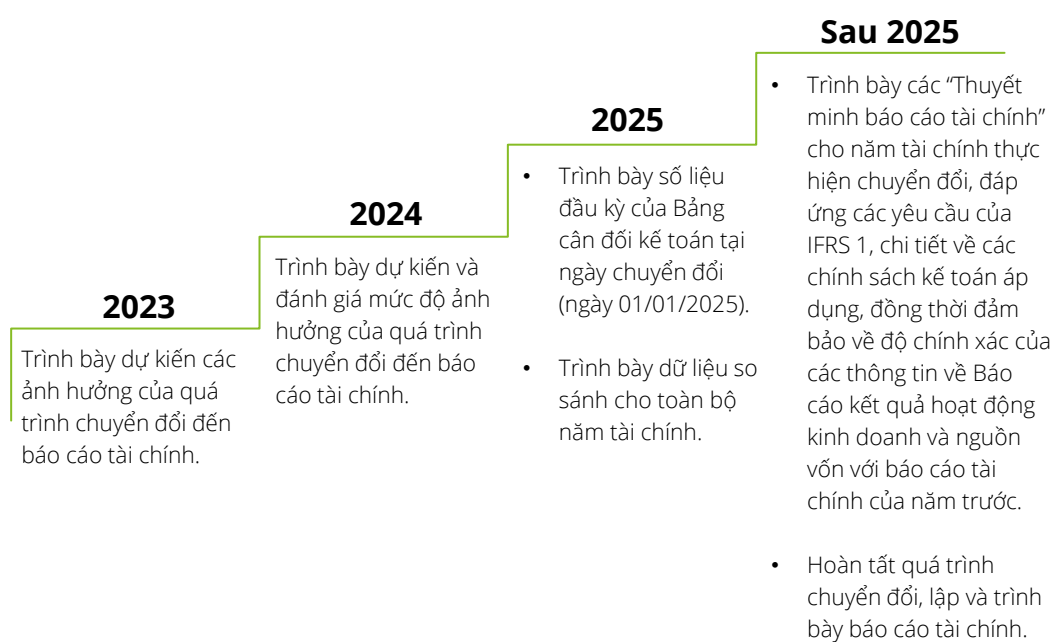


Một số ấn phẩm Deloitte có liên quan và bổ sung cho ấn phẩm này như “**Khơi gợi các giá trị tiềm năng của Hệ thống Tài khoản Kế toán**” và “**Tuân thủ chuẩn mực IFRS trong triển khai hệ thống ERP**” giúp lập kế hoạch cho quá trình chuyển đổi đảm bảo được hiệu quả về chi phí và kết quả.

Những ấn phẩm này đề cập đến giai đoạn đầu tiên của quá trình chuyển đổi - Phân tích phạm vi công việc, bao gồm: mô tả việc xem xét các yếu tố quyết định quy mô và mức độ ảnh hưởng của các yếu tố cần chuyển đổi, đưa ra lời khuyên về việc thiết lập thời hạn và ưu tiên, và phân công trách nhiệm cũng như chuẩn bị nguồn lực phù hợp.

Hành trình chuyển đổi sẽ kéo dài bao lâu?

Điều đầu tiên mà các doanh nghiệp cần chuẩn bị là xác định những việc cần làm và thời gian thực hiện. Các yếu tố cụ thể được yêu cầu khi áp dụng IFRS lần đầu tiên như sau (các mốc thời gian dưới đây dựa trên giả định công ty có năm tài chính kết thúc vào cuối năm dương lịch).

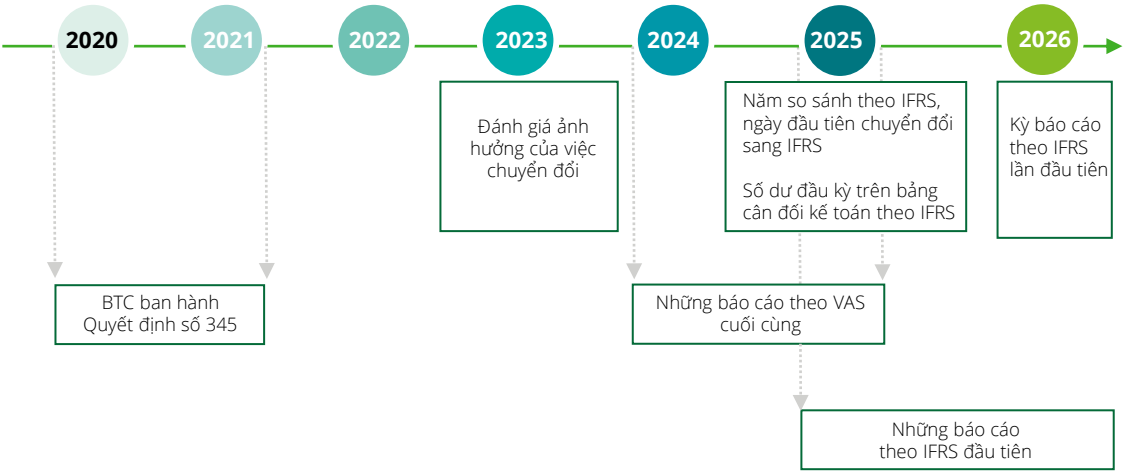


Trong suốt quá trình chuyển đổi, hệ thống báo cáo theo chuẩn mực IFRS của công ty sẽ phải đảm bảo được các chuẩn mực về kiểm soát thông tin nội bộ.

Tiếp theo trong ấn phẩm này, chúng tôi sẽ cung cấp một số hướng dẫn về những điểm sẽ bị ảnh hưởng lớn nhất trong quá trình chuyển đổi, và các yếu tố cần thiết cho các bước chuyển đổi ban đầu cần được tập trung. Tuy nhiên, trong mọi trường hợp, các vấn đề có thể phức tạp hoặc đơn giản hơn so với dự kiến, tốc độ triển khai có thể thay đổi, một số các chuẩn mực kế toán, mô hình kinh doanh, điều kiện tài chính và các vấn đề tương tự có thể thay đổi trong quá trình chuyển đổi. Các quyết định về phạm vi, chuẩn bị, thực hiện và giám sát do chính doanh nghiệp thực hiện và doanh nghiệp sẽ chịu trách nhiệm cho những quyết định đó.

Những mốc thời gian chủ yếu

Để xác định các mốc thời gian phù hợp, cần phải đánh giá các yếu tố sau:
Các mốc đích đến – tham khảo đến các mốc thời gian sau:



Yêu cầu thuyết minh liên quan đến quá trình chuyển đổi sang IFRS bắt đầu vào năm 2023; thời điểm này không còn quá xa nữa. Những ảnh hưởng của việc chuyển đổi phải được thuyết minh định kỳ vào những năm sau đó.

Theo như kinh nghiệm thực tế trong quá khứ, các doanh nghiệp ở Châu Âu đã mắc phải một sai lầm khi chuyển đổi sang IFRS, đó là họ đã không bắt đầu đủ sớm, mặc dù họ đã biết trước ngày chuyển đổi trong tương lai. Nhiều doanh nghiệp đã không xác định rõ ràng phạm vi công việc khi ở giai đoạn lập kế hoạch và cũng không xác định các vấn đề cốt lõi cần được xử lý trước.

Quá trình chuyển đổi có thể mất bao lâu? Có lẽ không có câu trả lời cụ thể, nhưng theo kinh nghiệm chuyển đổi cho các doanh nghiệp, chúng tôi có các nhận định sau:

-  Quá trình chuyển đổi nên bắt đầu từ sớm và tận dụng nhất quán hệ thống nhân sự phụ trách từ khi bắt đầu cho đến giai đoạn lập báo cáo tài chính, điều này sẽ giúp giảm chi phí liên quan và đem lại các lợi ích lâu dài sau khi chuyển đổi.
-  Cần đánh giá các yếu tố của sự suy giảm giá trị đang tiềm ẩn trong nhóm tài sản mà không được thể hiện theo báo cáo VAS, việc xác định những vấn đề này theo IFRS giúp nhận biết trước ảnh hưởng và thận trọng hơn so với việc phản ánh ngay lập tức trên báo cáo, khiến cho doanh nghiệp không kịp thời có phương pháp để giảm thiểu ảnh hưởng.
-  Doanh nghiệp có phân cấp chức năng báo cáo càng lớn, thì mức độ khó khăn trong việc đảm bảo tuân thủ chương trình chuyển đổi lại càng cao. Điều này sẽ trở nên nghiêm trọng hơn với các doanh nghiệp không sử dụng các phương thức kiểm soát và không bị ép buộc phải chuyển đổi, chẳng hạn như các nhà đầu tư tư nhân, liên doanh với các doanh nghiệp không chuyển đổi.
-  Tốn thời gian thu thập dữ liệu và công cụ tính hoặc thay đổi hệ thống sổ cái chung có thể cần thực hiện thử nghiệm nhiều lần, chi phí cơ hội hoặc yêu cầu sẽ phát sinh làm thay đổi quá trình cũng như các đánh giá.
-  Lập các thuyết minh cũng sẽ tốn nhiều thời gian như việc chuyển đổi các số dư.
-  Cần tính đến thời gian xử lý các vấn đề, khi các nguồn lực ngoài phạm vi của bộ phận lập báo cáo tài chính, như hệ thống công nghệ thông tin, quy trình tài chính.
-  Một số yếu tố bên ngoài hoạt động kế toán cần lưu ý và xem xét như báo cáo của Ban Lãnh đạo, các phương pháp đánh giá nằm ngoài chuẩn mực kế toán chung, các thỏa thuận nợ, bồi thường và kế hoạch quyền chọn cổ phiếu.

Xác định phạm vi: thứ tự ưu tiên là gì?

Những điểm cần chú ý?

Xác định phạm vi gồm quy mô, thời hạn, mức độ ưu tiên, phân công trách nhiệm và mức độ ảnh hưởng lên báo cáo của công cuộc chuyển đổi.

Có hai khía cạnh chính cần được giải quyết trong khi xác định phạm vi chuyển đổi như sau:

Quá trình chuyển đổi

01

Quá trình chuyển đổi bao gồm các vấn đề cần được cân nhắc tới như các bộ phận có liên quan, địa điểm, khả năng tập hợp dữ liệu kịp thời cho mục đích lập báo cáo của doanh nghiệp, hoạt động kiểm soát (cả các kiểm soát nội bộ và chất lượng đối với các quy trình đó) và kế hoạch cung cấp cho toàn bộ nhân sự các hiểu biết về IFRS trong thời gian trước khi tiến hành chuyển đổi.

Xác định nguyên tắc kế toán

02

Xác định nguyên tắc kế toán gồm cách áp dụng trong quy trình chuyển đổi. Việc xác định các nguyên tắc này cần được ưu tiên chú trọng trước những yếu tố không quá cấp thiết trong quá trình chuyển đổi.

01 Quá trình chuyển đổi

Quá trình chuyển đổi: Cách quản lý quá trình này có mức độ quan trọng tương đương với việc lựa chọn các nguyên tắc kế toán.

Hiện nay, Ban Quản trị đặt ra những yêu cầu rất cao về kiểm soát nội bộ đối với quy trình liên quan đến việc xác định và áp dụng nguyên tắc kế toán mới. Khi xem xét phạm vi này, các ví dụ thực tiễn đã chỉ ra rằng việc tập hợp dữ liệu kịp thời từ tất cả các bộ phận, văn phòng, chi nhánh và các công ty thành viên ở các vị trí địa lý khác nhau để tổng hợp số liệu và trình bày thành báo cáo hợp nhất thường được xem là một thách thức. Điều này có nghĩa rằng kế hoạch chuyển đổi nên cân nhắc đến các yếu tố:

- Quá trình thu thập và luân chuyển thông tin từ tất cả các bộ phận, văn phòng, chi nhánh khác nhau để tổng hợp số liệu và trình bày thành báo cáo hợp nhất;
- Dữ liệu kế toán của các khoản đầu tư và liên doanh sử dụng để hợp nhất trên báo cáo tài chính;
- Thông tin của các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán riêng, ví dụ như ủy thác đầu tư chứng khoán hoặc các khoản đầu tư có quyền kiểm soát nhưng không có quyền biểu quyết (VIE), sẽ thuộc đối tượng phải trình bày trên báo cáo hợp nhất theo IFRS.

Ngoài ra, cần xem xét thêm khả năng cung cấp dữ liệu đầu vào từ các bên liên quan cho mục đích lập báo cáo, chẳng hạn như các chỉ số dùng để tính toán lương hưu và phụ cấp, định giá để đánh giá mức độ suy giảm giá trị của tài sản. Các chuẩn mực cần được xem xét chi tiết để kịp thời xử lý, đánh giá liệu các bên liên quan có cần chuẩn bị các chỉ tiêu để phục vụ cho việc lập báo cáo tài chính hợp nhất hay không. Việc chuẩn bị trước này sẽ giúp giảm thiểu thời gian trong quá trình chuyển đổi.

02 Nguyên tắc kế toán

Chúng ta nên bắt đầu từ đâu? Thoạt nhìn, đây không phải là một nhiệm vụ dễ dàng. Tuy nhiên, chúng tôi đề nghị ưu tiên giải quyết bài toán bằng cách xác định các yếu tố hoặc thách thức đối với doanh nghiệp trước. Từ đó, doanh nghiệp có thể xác định được yếu tố nào cần lập kế hoạch, chuẩn bị và thu thập dữ liệu trước năm 2025.

Ấn phẩm này được trình bày theo góc nhìn của người lập báo cáo tài chính theo VAS để xét đoán các yếu tố quan trọng như sau:

- Các chuẩn mực kế toán Việt Nam được xác định là điểm khởi đầu - nơi chúng ta bắt đầu quá trình chuyển đổi.
- Ba điểm lưu ý - để tối ưu hóa thời gian:

Yếu tố cần chú ý ngay lập tức

Đây là nội dung chính của ấn phẩm này, bao gồm đó là các chuẩn mực có khác biệt trọng yếu giữa VAS và IFRS, dự kiến sẽ chưa được áp dụng trước năm 2025 hoặc sẽ cần thời gian và sự chuẩn bị để đáp ứng các yêu cầu của các chuẩn mực này. Các chuẩn mực này gồm một số hướng dẫn sẽ có ảnh hưởng đặc biệt đến một số ngành nhất định. Ngoài ra, chúng tôi cũng sẽ cung cấp các ấn phẩm liên quan đến từng ngành nghề cụ thể.

Yếu tố cần phải chú ý, nhưng chưa cần thiết

Bao gồm các điểm quan trọng, tuy nhiên mức độ ảnh hưởng không lớn, cũng như không mang tính lan tỏa. Ngoài ra, các chuẩn mực này có thể được thực hiện sau khi đã hoàn thành công việc chuẩn bị cho chuẩn mực quan trọng khác trước.

Yếu tố cần được tập trung

Là các phạm vi mang tính chất đơn giản, đã được lên kế hoạch chuyển đổi từ trước năm 2025, tùy thuộc vào tốc độ chuyển đổi của các yếu tố khác trong suốt quá trình.

Tuy nhiên, sẽ có một số các yêu cầu về thuyết minh khi áp dụng IFRS – đòi hỏi nguồn lực làm việc độc lập và nên được chú ý tới trong quy trình lập kế hoạch chuyển đổi. Một số yêu cầu này đã được đề cập đến trong ấn phẩm này, theo quan điểm của chúng tôi thuộc vào nhóm **“Cần chú ý ngay lập tức”**. Một ấn phẩm khác từ Deloitte – **“Mô hình báo cáo tài chính dựa trên IFRS”** – hỗ trợ cung cấp một đánh giá toàn diện về các yêu cầu công bố thông tin theo chuẩn mực IFRS.

Điều này sẽ hỗ trợ Quý Công ty trong việc tìm kiếm, xác định phạm vi của công việc chuyển đổi ngay từ khi bắt đầu hành trình. Đồng thời, khi các hướng dẫn khác được phát hành trong tương lai, các phạm vi tiếp theo đó sẽ trở thành đề tài kế tiếp trong các cuộc hội thảo của chúng tôi.

IFRS 1 – Lần đầu áp dụng IFRS

Cuộc chuyển đổi thành công

Trước khi bắt đầu quá trình chuyển đổi từ VAS sang IFRS, Quý Công ty cần chọn lộ trình chuyển đổi để đảm bảo hoàn thành mục tiêu theo hướng thuận lợi nhất. IFRS 1 liệt kê một số lựa chọn mà doanh nghiệp có thể thực hiện trên lộ trình chuyển đổi gồm hướng dẫn, lựa chọn, yêu cầu, và nếu lộ trình này không được xem xét cẩn thận, thì nguy cơ sẽ dẫn đến mất phương hướng, cũng như mất thời gian và nguồn lực trong quá trình chuyển đổi.

Ngoài ra, IFRS 1 cũng có các lựa chọn cho phép miễn trừ, ngoại lệ và không yêu cầu bắt buộc hồi tố. Miễn trừ là quyền tự chọn, do đó cung cấp cho doanh nghiệp một số lựa chọn và các ngoại lệ, nếu có, là bắt buộc. Doanh nghiệp phải nghiên cứu chuẩn mực này ngay từ ban đầu, lựa chọn kế hoạch chuyển đổi tốt nhất cho doanh nghiệp, đặc biệt là những lựa chọn tối ưu giúp làm giảm khối lượng công việc cần thực hiện cho chuyển đổi.

Ngoài việc lập kế hoạch cho quá trình chuyển đổi, doanh nghiệp cần xác định được hiện trạng thực tế của mình, các mốc thời điểm quan trọng và đích đến của quá trình chuyển đổi. Việc triển khai các sự chuẩn bị này sẽ đến từ hai hình thức chủ yếu là thuyết minh và đối chiếu so sánh.

Để hỗ trợ doanh nghiệp trong quá trình tìm hiểu IFRS 1, dưới đây là tóm tắt về chuẩn mực, các yêu cầu của chuẩn mực và tầm quan trọng đối với sự chuyển đổi sang IFRS. Điều quan trọng cần lưu ý là việc áp dụng chuẩn mực này trong quá trình chuyển đổi thực tế có thể khác nhau giữa các doanh nghiệp.

Tổng quan

IFRS 1 được áp dụng cho các đơn vị lập báo cáo tài chính theo IFRS lần đầu tiên. Theo đó, chuẩn mực này sẽ được áp dụng cho tất cả các doanh nghiệp Việt Nam áp dụng IFRS theo Kế hoạch chiến lược của Bộ Tài chính.

Mục tiêu của IFRS 1 là hướng dẫn người lập báo cáo tài chính về cách thiết lập điểm bắt đầu cho hệ thống kế toán theo IFRS. Điều này được thực hiện thông qua số đầu kỳ của bảng cân đối kế toán, trong đó các mục trong bảng cân đối kế toán thường thông qua vốn chủ sở hữu để ghi lại các điều chỉnh cần thiết khi áp dụng lần đầu các chuẩn mực theo IFRS.

Để đạt được điểm bắt đầu nhất quán cho tất cả các doanh nghiệp lần đầu áp dụng, Ủy ban Chuẩn mực Kế toán Quốc tế (IASB) đã đưa vào chuẩn mực này một danh sách bao gồm các việc “nên” và “không nên” khi áp dụng IFRS lần đầu.

Danh sách này bao gồm các yêu cầu về thuyết minh được quy định để đảm bảo rằng áp dụng nhất quán và phản ánh đúng tác động của việc áp dụng IFRS lần đầu tiên được truyền đạt tới người sử dụng báo cáo tài chính.

Chúng tôi đã chỉ ra các bước cơ bản quy định trong chuẩn mực IFRS 1 như phần bên dưới. Lưu ý rằng, các thông tin dưới đây chỉ mang tính chất tham khảo, không mang tính đại diện cho toàn bộ chuẩn mực, tuy nhiên sẽ giúp cho các doanh nghiệp có thể dễ dàng hơn trong việc tiếp cận các hướng dẫn trong chuẩn mực này.

01 Lập bảng cân đối kế toán đầu kỳ

- Điểm đầu tiên của việc chuyển đổi IFRS là việc lập sổ dư đầu kỳ của bảng cân đối kế toán tại “Ngày chuyển đổi”. Đây là ngày đầu tiên của năm đầu tiên được so sánh theo IFRS (ví dụ: ngày 1 tháng 1 năm 2023 cho các công ty áp dụng niên độ cuối năm dương lịch).
- Điều này cần được lập nhưng không cần phải công bố trong thuyết minh báo cáo tài chính. Tuy nhiên, vẫn cần phải thuyết minh phần so sánh và đối chiếu của khoản mục vốn chủ sở hữu tại ngày chuyển đổi.
- Số đầu kỳ của bảng cân đối kế toán sẽ phản ánh tất cả các điều chỉnh từ VAS sang IFRS tại ngày chuyển đổi. Chúng thường được thực hiện thông qua tài khoản lợi nhuận chưa phân phối, trừ khi một tài khoản cụ thể khác được chỉ định.
- Số đầu kỳ của bảng cân đối kế toán thường được lập trên cơ sở áp dụng hồi tố tất cả các hướng dẫn IFRS có hiệu lực vào ngày chuyển đổi cuối cùng. Tuy nhiên, có một số miễn trừ khỏi các quy tắc chung. Ngoài ra, có một số trường hợp ngoại lệ bắt buộc, nằm ngoài các quy tắc chung.

02 Xác định các trường hợp được miễn trừ khỏi quy định hồi tố

Trong các phương pháp đánh giá, có một số các lựa chọn miễn trừ trong việc trình bày hồi tố. Các miễn trừ này đều mang tính tùy chọn riêng lẻ như:

- hợp nhất kinh doanh
- các nghiệp vụ chi trả bằng cổ phần
- hợp đồng bảo hiểm
- giá trị hợp lý, giá trị ghi sổ và giá trị mang tính ước lượng
- hoạt động thuê
- chênh lệch tỷ giá
- các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết, các hình thức hợp tác kinh doanh
- tài sản và các nghĩa vụ nợ phải trả của các công ty con, công ty liên doanh liên kết và các hình thức liên kết kinh doanh
- các công cụ tài chính
- thay đổi tính chất các công cụ tài chính được ghi nhận từ trước đây
- giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tại thời điểm ghi nhận ban đầu
- chi phí cải tạo mặt bằng đang được ghi nhận trong nguyên giá của tài sản cố định
- tài sản tài chính và tài sản vô hình được thỏa thuận trong hoạt động nhượng quyền (IFRIC 12)
- chi phí lãi vay
- các khoản ứng trước từ khách hàng
- thanh lý các nghĩa vụ tài chính với các công cụ vốn
- ảnh hưởng của siêu lạm phát
- hợp tác kinh doanh, và
- chi phí dọn dẹp bề mặt trong gia đoạn khai thác (hoạt động sản xuất quặng)

03 Các ngoại lệ khi áp dụng hồi tố các IFRS khác

Hiện tại có 5 ngoại lệ khi áp dụng IFRS lần đầu tiên:

- IAS 39 – Hoàn ghi nhận các công cụ tài chính
- IFRS 9 – Kế toán phòng ngừa rủi ro
- IAS 27 – Lợi ích của cổ đông không kiểm soát
- Giá trị tài sản liên quan đến lĩnh vực dầu khí
- Xác định một thỏa thuận có phải là hoạt động thuê mượn

04 Lập và trình bày thuyết minh cho báo cáo tài chính bán niên

Yêu cầu đối với thuyết minh cho báo cáo tài chính bán niên:

- Đối chiếu khoản mục vốn chủ sở hữu VAS và IFRS tại ngày chuyển đổi và tại ngày kết thúc năm tài chính;
- Đối chiếu khoản mục vốn chủ sở hữu theo VAS và IFRS tại ngày lập báo cáo tài chính;
- Đối chiếu báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa VAS và IFRS cho năm tài chính – áp dụng cho cả báo cáo quý và báo cáo kết thúc năm;
- Đối chiếu báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa VAS và IFRS cho năm tài chính gần nhất;
- Chi tiết các điều chỉnh trọng yếu trên báo cáo lưu chuyển tiền tệ; và
- Chi tiết ảnh hưởng của việc suy giảm giá trị của tài sản hoặc hoàn nhập các khoản ghi nhận suy giảm giá trị đối với lần đầu áp dụng IFRS.

05 Lập và trình bày thuyết minh cho báo cáo tài chính năm

Các yêu cầu đối với báo cáo tài chính được công bố như sau:

- Đối chiếu khoản mục vốn chủ sở hữu theo VAS và IFRS tại ngày chuyển đổi (và tại ngày kết thúc năm tài chính nếu 2 ngày này khác nhau);
- Đối chiếu báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa VAS và IFRS cho năm tài chính gần nhất;
- Chi tiết ảnh hưởng của việc suy giảm giá trị của tài sản hoặc hoàn nhập các khoản ghi nhận suy giảm giá trị đối với lần đầu áp dụng IFRS; và
- Chi tiết các điều chỉnh trọng yếu trên báo cáo lưu chuyển tiền tệ.

Một số lưu ý

- IFRS 1 - Bảng cân đối kế toán đầu kỳ là điểm bắt đầu theo IFRS
- Các điều chỉnh khi chuyển đổi từ VAS sang IFRS được phản ánh thông qua tài khoản Vốn chủ sở hữu
- Chú ý đến các trường hợp được miễn khi áp dụng nguyên tắc hồi tố - điều này sẽ tiết kiệm thời gian và giảm thiểu chi phí liên quan
- Quan sát chặt chẽ việc áp dụng chuẩn mực IFRS 1 cho các doanh nghiệp tại Việt Nam trong suốt quá trình chuyển đổi, vì Bộ Tài chính có thể thay đổi hoặc loại bỏ một số trường hợp được miễn giảm này
- Một số ngoại lệ nhất định đối với áp dụng hồi tố phải được tuân thủ
- Các điều chỉnh từ VAS sang IFRS thông qua nguồn vốn
- Đừng quên, đối với báo cáo bán niên hay cả năm, thuyết minh báo cáo đều cần phải được công bố trong năm chuyển đổi
- Lập kế hoạch thu thập dữ liệu để đáp ứng các yêu cầu này

Các công bố nhằm giải thích rõ ràng về cách Quý Công ty chuyển đổi từ VAS sang IFRS. Ví dụ IFRS 1 sau đây minh họa quá trình có thể kéo dài bao lâu và nhấn mạnh rằng việc lập kế hoạch một cách cẩn thận là bắt buộc ngay từ đầu.

Minh họa về Thuyết minh chuyển đổi sang IFRS

Thuyết minh sau đây cung cấp tổng quan về yêu cầu đối với thông tin công bố khi áp dụng IFRS lần đầu tiên. Vì tác động của chuyển đổi có thể thay đổi đáng kể giữa các doanh nghiệp với nhau, nên không có dữ liệu nào được đưa vào ví dụ này.

Các ví dụ về các yêu cầu trình bày và công bố báo cáo tài chính theo IFRS có thể được tham khảo tại một ấn phẩm khác của Deloitte - "Chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế: Báo cáo tài chính mẫu và danh sách các thuyết minh".

Ví dụ về chuyển đổi sang IFRS

Đây là năm đầu tiên công ty trình bày báo cáo tài chính theo chuẩn mực IFRS. Những công bố thông tin sau đây là bắt buộc trong năm chuyển đổi. Báo cáo tài chính cuối cùng tuân theo chuẩn mực VAS là cho năm kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 20YY và ngày chuyển sang chuẩn mực IFRS là ngày 1 tháng 1 năm 20YY

Đối chiếu vốn chủ sở hữu tại ngày 01 tháng 01 năm 20YY (ngày chuyển đổi sang IFRS)

Thuyết minh	Chuẩn mực Việt Nam	Ảnh hưởng chuyển đổi sang IFRS	IFRS
Tài sản cố định			
Lợi thế thương mại			
Tài sản vô hình			
Tài sản tài chính			
Tổng tài sản dài hạn			
Hàng tồn kho			
Khoản phải thu khác			
Tiền và các khoản tương đương tiền			
Tổng tài sản ngắn hạn			
1. Tổng tài sản			
Lãi vay và các khoản phải trả khác			
Phải trả người lao động			
Dự phòng tái cấu trúc và các khoản thuế phải trả			
Thuế hoãn lại phải trả			
Tổng các khoản phải trả			
Tổng nợ phải trả			
2. Tổng tài sản trừ nợ phải trả			
Vốn cổ phần			
Đánh giá lại giá trị tài sản			
Dự phòng rủi ro			
Lợi nhuận chưa phân phối			
Các khoản khác			
3. Tổng nguồn vốn			

Thuyết minh cho việc đối chiếu khoản mục vốn chủ sở hữu tại ngày 01 tháng 01 năm 20YY

Các thuyết minh cần phải phù hợp với việc đối chiếu vốn chủ sở hữu để giải thích việc chuyển đổi từ VAS sang IFRS ảnh hưởng đến tình hình tài chính của đơn vị như thế nào. Cần có đủ chi tiết để cho phép người dùng hiểu các điều chỉnh trọng yếu.

Một số ví dụ được đưa ra trong Hướng dẫn thực hiện cho IFRS 1 nhưng những điều này không nhất thiết phải áp dụng cho bối cảnh của doanh nghiệp tại Việt Nam.

Đối chiếu vốn chủ sở hữu tại ngày 31 tháng 12 năm 20YY (ngày lập báo cáo tài chính theo chuẩn mực VAS cuối cùng)

Việc đối chiếu nằm trong yêu cầu của IFRS 1, giống như quy định được nêu ở trên, ngoại trừ thông tin sẽ ở cuối kỳ kế toán gần nhất, được trình bày trong báo cáo tài chính gần nhất theo VAS. Các thuyết minh liên quan cũng được yêu cầu như sau:

Ví dụ về thuyết minh chuyển đổi của Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính 20YY

Thuyết minh	Chuẩn mực Việt Nam	Ảnh hưởng chuyển đổi sang IFRS	IFRS
Doanh thu			
Giá vốn hàng bán			
Lợi nhuận thuần			
Chi phí bán hàng			
Chi phí quản lý doanh nghiệp			
Doanh thu từ hoạt động tài chính			
Chi phí tài chính			
Lợi nhuận (lỗ) trước thuế			
Chi phí thuế			
Lợi nhuận (lỗ) sau thuế			

Thuyết minh chuyển đổi của Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính 20YY

Các thuyết minh cần phải phù hợp với việc đối chiếu kết quả hoạt động kinh doanh để giải thích việc chuyển đổi từ VAS sang IFRS ảnh hưởng đến tình hình tài chính của đơn vị như thế nào. Cần có đủ chi tiết để cho phép người dùng hiểu các điều chỉnh trọng yếu. Một số ví dụ được đưa ra trong Hướng dẫn thực hiện cho IFRS 1 nhưng những điều này không nhất thiết phải áp dụng cho bối cảnh của doanh nghiệp tại Việt Nam.

Giải thích các điều chỉnh trọng yếu đối với Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

Các thuyết minh cần phù hợp để giải thích việc chuyển đổi từ VAS sang IFRS đã ảnh hưởng đến dòng tiền của doanh nghiệp như thế nào. Các chi tiết nên được cung cấp đầy đủ để cho phép người dùng hiểu các điều chỉnh trọng yếu.

Các thuật ngữ liên quan

Thuật ngữ	Định nghĩa	Hướng dẫn
IAS	Chuẩn mực kế toán quốc tế (ví dụ: IAS 1, IAS 2....).	Các chuẩn mực được ban hành bởi cơ quan tiền nhiệm và đã được IASB phê duyệt và thông qua làm điểm khởi đầu cho IFRS. Có giá trị tương đương như các chuẩn mực được giới thiệu bởi IASB.
IFRS	Chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế (ví dụ: IFRS 1, IFRS 2....).	Các chuẩn mực được ban hành bởi tổ chức có thẩm quyền hiện tại – ví dụ như IASB.
IFRIC	Ủy ban diễn giải các chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế.	Các diễn giải của phòng ban thuộc IASB.
Ngày chuyển đổi	Là ngày đầu tiên của kỳ gần nhất mà doanh nghiệp trình bày đầy đủ các số liệu so sánh, cho báo cáo tài chính năm hiện hành, đáp ứng đầy đủ quy định của chuẩn mực IFRS.	Với một doanh nghiệp có ngày kết thúc năm tài chính là 31 tháng 12 và năm đầu tiên áp dụng IFRS là năm 2025 thì ngày chuyển đổi là ngày 01 tháng 01 năm 2024.
Số đầu kỳ của bảng cân đối kế toán	Bảng cân đối kế toán của doanh nghiệp tại ngày chuyển đổi.	Bảng cân đối kế toán phù hợp với chuẩn mực IFRS là bảng cân đối kế toán bao gồm tất cả các điều chỉnh quy định trong IFRS 01 tại ngày lập báo cáo tài chính chuyển đổi.
Áp dụng hồi tố	Áp dụng hồi tố có ý nghĩa là doanh nghiệp áp dụng IFRS từ thời điểm thành lập, và từ đó sẽ phải điều chỉnh số liệu đầu kỳ liên quan.	Yêu cầu một doanh nghiệp phải trở về thời điểm ban đầu và áp dụng IFRS từ thời điểm đó trở đi. Thông thường sẽ yêu cầu đối với các thay đổi trong nguyên tắc kế toán, IFRS cho phép một vài sự lựa chọn, miễn trừ, ngăn cản đối với lần chuyển đổi đầu tiên.

Khuôn khổ báo cáo tài chính

Quý Công ty đang tìm định hướng? Đây là khác biệt giữa VAS và IFRS? Có chuẩn mực kế toán quốc tế tương ứng với chuẩn mực Việt Nam? Để mang lại một góc nhìn tổng quan về sự giống và khác nhau giữa VAS và IFRS, chúng tôi đã lập sơ đồ đối chiếu các yếu tố của báo cáo tài chính như sau:

	IFRS	VAS
Tài sản		
Tài sản dài hạn		
Tài sản cố định	IAS 16	VAS 3
	IAS 20	Không có chuẩn mực tương đương
	IAS 23	VAS 16
	IAS 36	Không có chuẩn mực tương đương
Quyền sử dụng tài sản	IFRS 16	VAS 6
Bất động sản đầu tư	IAS 40	VAS 5
Lợi thế thương mại	IFRS 3	VAS 11
Các tài sản vô hình khác	IAS 38	VAS 4
	IAS 36	Không có chuẩn mực tương đương
Tài sản tài chính	IFRS 9	Không có chuẩn mực tương đương
Các khoản đầu tư sử dụng phương pháp vốn chủ sở hữu	IAS 1	VAS 21
Hợp đồng tài sản	IFRS 15	VAS 14
Hợp đồng chi phí	IFRS 15	VAS 14
Tài sản ngắn hạn		
Tài sản sinh học	IAS 41	Không có chuẩn mực tương đương
Hàng tồn kho	IAS 2	VAS 2
Khoản phải thu	IFRS 9	Không có chuẩn mực tương đương
Hợp đồng tài sản	IFRS 15	VAS 14
Hợp đồng chi phí	IFRS 15	VAS 14
Công cụ tài chính phái sinh	IFRS 9	Không có chuẩn mực tương đương
Tài sản ngắn hạn khác	IAS 1	VAS 21
Tiền và tương đương tiền	IAS 7	VAS 24
Tài sản nắm giữ để bán	IFRS 5	Không có chuẩn mực tương đương
Tổng tài sản		

	IFRS	VAS
Vốn và nợ phải trả		
Nguồn vốn chủ sở hữu		
Vốn cổ đông		
Thặng dư vốn cổ phần		
Lợi nhuận giữ lại chưa phân phối		
Các yếu tố khác của vốn chủ sở hữu		
Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	IFRS 10	VAS 25
Tổng nguồn vốn		
Nợ phải trả		
Nợ phải trả dài hạn		
Nợ thuê tài chính dài hạn	IFRS 16	VAS 6
Các khoản vay dài hạn	IFRS 9	Không có chuẩn mực tương đương
Thuế hoãn lại phải trả	IAS 12	VAS 17
Dự phòng phải trả dài hạn	IAS 37	VAS 18
Doanh thu chưa thực hiện – Hỗ trợ từ chính phủ	IAS 1	VAS 21
Nghĩa vụ hợp đồng	IFRS 15	VAS 14
Nợ phải trả ngắn hạn		
Phải trả hàng hóa dịch vụ và phải trả khác	IFRS 9	Không có chuẩn mực tương đương
Các khoản thuế phải trả	IAS 12	VAS 17
Nợ thuê tài chính ngắn hạn	IFRS 16	VAS 6
Vay ngắn hạn	IFRS 9	Không có chuẩn mực tương đương
Phải trả ngắn hạn cho các khoản vay dài hạn	IFRS 9	Không có chuẩn mực tương đương
Công cụ tài chính	IFRS 9	Không có chuẩn mực tương đương
Các nghĩa vụ tài chính khác	IFRS 9	Không có chuẩn mực tương đương
Dự phòng ngắn hạn	IAS 37	VAS 18
Doanh thu chưa thực hiện – Hỗ trợ từ chính phủ	IAS 1	VAS 21
Nghĩa vụ hợp đồng	IFRS 15	VAS 14
Tổng nợ phải trả		

	IFRS	VAS
Doanh thu	IFRS 15	VAS 14
Giá vốn	IAS 1.99 - 103	VAS 21
Lãi gộp	IAS 1.85	VAS 21
Thu nhập khác		
Chi phí bán hàng	IAS 1.99 - 103	VAS 21
Chi phí quản lí doanh nghiệp	IAS 36	Không có chuẩn mực tương đương
Chi phí khác	IAS 1.99 - 103	VAS 21
Chi phí tài chính	IAS 23	VAS 16
Kết quả kinh doanh của các công ty con	IAS 1.82	VAS 21
Lãi và lỗ phát sinh từ việc không công nhận tài sản tài chính được tính theo giá trị khấu hao	IFRS 7	Không có chuẩn mực tương đương
Lãi và lỗ khi phân loại lại tài sản tài chính từ phương pháp khấu hao sang phương pháp giá trị hợp lý thông qua kết quả kinh doanh	IAS 1.82	VAS 21
Lãi và lỗ khi phân loại lại tài sản tài chính từ giá trị hợp lý thông qua báo cáo OCI sang giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả kinh doanh	IAS 1.82	VAS 21
Lãi hoặc lỗ do suy giảm giá trị đối với tài sản tài chính	IAS 1.82	VAS 21
Các khoản lãi hoặc lỗ khác		
Lợi nhuận trước thuế		
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	IAS 12	VAS 17
Lợi nhuận từ hoạt động của doanh nghiệp		
Các khoản lỗ (sau thuế) đối với việc ngưng hoạt động doanh nghiệp	IFRS 5	Không có chuẩn mực tương đương
Lợi nhuận trong năm		

	IFRS	VAS
Các khoản thu nhập toàn diện khác		
Các chỉ tiêu sẽ không được phân loại lại sang báo cáo kết quả kinh doanh		
Lãi/(lỗ) đánh giá lại tài sản	IAS 16	VAS 3
Lãi/(lỗ) đánh giá lại các khoản lợi ích cho người lao động trong tương lai	IAS 19	Không có chuẩn mực tương đương
Tăng/giảm giá trị hợp lý đối với các khoản đầu tư vào các công cụ vốn chủ sở hữu được ghi nhận thông qua báo cáo các khoản thu nhập toàn diện	IFRS 7	Không có chuẩn mực tương đương
Lãi/(lỗ) giá trị hợp lý đối với các khoản nợ tài chính được ghi nhận thông qua báo cáo kết quả kinh doanh do các thay đổi về rủi ro tín dụng	IFRS 9, IFRS 7	Không có chuẩn mực tương đương
Phần lãi/(lỗ) được hưởng từ hoạt động đánh giá lại của tài sản thuộc công ty liên kết	IAS 28	VAS 7, VAS 8
Thuế thu nhập doanh nghiệp liên quan đến các chỉ tiêu sẽ không được phân loại lại	IAS 12	VAS 17
Các chỉ tiêu sẽ được phân loại lại sang báo cáo kết quả kinh doanh		
Chênh lệch tỷ giá khi đánh giá lại đối với tài sản và nợ phải trả	IAS 21	VAS 10
Bảo hiểm rủi ro dòng tiền và các điều chỉnh liên quan	IFRS 9, IFRS 7	Không có chuẩn mực tương đương
Lãi/(lỗ) giá trị hợp lý của khoản đầu tư vào các công cụ nợ được ghi nhận vào báo cáo các khoản thu nhập toàn diện khác	IFRS 7	Không có chuẩn mực tương đương
Thuế thu nhập doanh nghiệp liên quan đến các chỉ tiêu sẽ được phân loại lại	IAS 12	VAS 17
Các chỉ tiêu sẽ được phân loại lại sang báo cáo kết quả kinh doanh		

	IFRS	VAS
Chênh lệch tỷ giá khi đánh giá lại đối với tài sản và nợ phải trả	IAS 21	VAS 10
Bảo hiểm rủi ro dòng tiền và các điều chỉnh liên quan	IFRS 9, IFRS 7	Không có chuẩn mực tương đương
Lãi/(lỗ) giá trị hợp lý của khoản đầu tư vào các công cụ nợ được ghi nhận vào báo cáo các khoản thu nhập toàn diện khác	IFRS 7	Không có chuẩn mực tương đương
Thuế thu nhập doanh nghiệp liên quan đến các chỉ tiêu sẽ được phân loại lại	IAS 12	VAS 17
Các khoản thu nhập toàn diện khác trong năm (sau thuế)		

Tổng các khoản thu nhập toàn diện khác trong năm

Lợi nhuận được phân phối cho:		
Chủ sở hữu của công ty mẹ	IAS 1	VAS 21
Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	IAS 1	VAS 21
Tổng các thu nhập toàn diện khác phân bổ cho:		
Chủ sở hữu của công ty mẹ	IAS 1	VAS 21
Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	IAS 1	VAS 21
Thu nhập trên mỗi cổ phần		
Cơ bản và pha loãng	IAS 33	VAS 30

Tập đoàn XYZ - Báo cáo thay đổi vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc tại 31/12/20xx										
	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Lợi nhuận giữ lại	Chuyển đổi các hoạt động tại nước ngoài	Đầu tư vào chứng khoán vốn	Bảo hiểm rủi ro dòng tiền	Lợi nhuận từ đánh giá lại tài sản	Tổng cộng	Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	Tổng nguồn vốn
	P&L + IAS 19			IAS 21	IFRS 9		IAS 16		IFRS 10	
	Không có chuẩn mực tương đương			VAS 10	Không có chuẩn mực tương đương		VAS 3		VAS 25	
Số dư tại 01/01/20xx-1										
Thay đổi chính sách kế toán										
Thay đổi số dư										
Thay đổi vốn chủ sở hữu cho năm 20xx-1										
Cổ tức										
Các khoản chi trả bằng cổ tức - IFRS 2										
Tổng thu nhập toàn diện trong năm										
Số dư tại 31/12/20xx-1										
Thay đổi trong vốn chủ sở hữu cho năm 20xx										
Phát hành cổ phiếu										
Cổ tức										
Chuyển các khoản lãi từ bảo hiểm rủi ro dòng tiền và giá gốc của hoạt động bảo hiểm rủi ro sang giá trị ghi nhận ban đầu										
Ghi nhận khoản hoàn nhập rủi ro tài chính liên quan đến việc ghi giảm các khoản công cụ tài chính										
Chuyển từ các khoản dự phòng đánh giá lại đầu tư khi các khoản đầu tư bị thanh lý										
Cổ phiếu sở hữu được mua trong năm										
Tổng thu nhập toàn diện trong năm										
Chuyển sang thu nhập giữ lại										
Số dư tại 31/12/20xx										

Tập đoàn XYZ - Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc tại 31/12/20xx		
	IFRS	VAS
Lợi nhuận trong năm		
Các khoản điều chỉnh:		
Phần lợi nhuận của công ty liên kết		
Phần lợi nhuận của công ty liên doanh		
Doanh thu tài chính		
Lãi/lỗ khác		
Chi phí tài chính		
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp		
Thu nhập có được khi xử lý các hoạt động đã ngừng hoạt động		
Khấu hao tài sản cố định hữu hình		
Đánh giá lại tài sản cố định		
Khấu hao tài sản thuê		
Các khoản lỗ do suy giảm ròng của các khoản hoàn nhập trên các tài sản tài chính		
Khấu hao tài sản cố định vô hình		
Suy giảm lợi thế thương mại		
Chi phí thanh toán dựa trên cổ phần		
Lãi/lỗ giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư		
Thu được từ việc xử lý tài sản, nhà máy và thiết bị		
Tăng/(giảm) dự phòng		
Lãi/lỗ giá trị hợp lý đối với các công cụ phái sinh và các tài sản tài chính khác được giữ để kinh doanh		
Sự khác biệt giữa các khoản đóng góp tài trợ hưu trí đã trả và chi phí lương hưu		
Hoạt động của dòng tiền trước khi luân chuyển vốn lưu động		
Giảm/(tăng) hàng tồn kho		
Giảm/(tăng) các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác		
Giảm/(tăng) tài sản theo hợp đồng		
Giảm/(tăng) chi phí theo hợp đồng		
Giảm/(tăng) quyền đối với tài sản hàng hóa bị trả lại		
Tăng/(giảm) các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác		
Tăng/(giảm) nợ hợp đồng		
Tăng/(giảm) trách nhiệm hoàn trả		
Tăng/(giảm) thu nhập hoãn lại		
Dòng tiền được tạo do hoạt động kinh doanh thông thường		
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	IAS 7.35-36	VAS 24
Tiền nhận được từ việc thanh toán các công cụ tài chính phái sinh được sử dụng để phòng ngừa rủi ro lãi suất		
Tiền mặt do thanh toán các công cụ tài chính phái sinh được sử dụng để phòng ngừa rủi ro lãi suất		
Tiền ròng (sử dụng vào)/từ hoạt động kinh doanh	IAS 7	VAS 24
Hoạt động đầu tư		
Tiền lãi nhận được	IAS 7.31	VAS 24
Cổ tức nhận được từ công ty liên kết	IAS 7.38, IAS 24.19	VAS 24
Cổ tức nhận được từ công ty liên doanh	IAS 7.38, IAS 24.19	VAS 24
Cổ tức nhận được từ các công cụ vốn chủ sở hữu theo FVOCI	IAS 7.31	VAS 24
Tiền thu được từ việc thanh lý các công cụ vốn sở hữu theo FVOCI		
Tiền thu được từ thanh lý công ty con	IAS 7.39	VAS 24
Tiền thu được từ thanh lý tài sản cố định		
Mua sắm tài sản cố định		
Tiền đầu tư vào công ty liên kết	IAS 7.39	VAS 24
Mua các công cụ vốn chủ sở hữu được chỉ định tại FVOCI		
Mua bằng sáng chế và nhãn hiệu		
Mua sắm các công ty con		
Tiền nhận được từ việc thanh toán các công cụ tài chính phái sinh được giữ cho mục đích bảo hiểm rủi ro		
Tiền mặt được thanh toán do các khoản thanh toán của các công cụ tài chính phái sinh được giữ cho mục đích phòng ngừa rủi ro		
Dòng tiền thuần từ hoạt động đầu tư		
Hoạt động tài chính		
Cổ tức đã trả	IAS 7.31, 7.34	VAS 24
Lãi vay đã trả	IAS 7.31, IFRS 16.50	VAS 24
Chi phí giao dịch liên quan đến các khoản vay và đi vay	IAS 7.21	VAS 24
Hoàn trả các khoản vay và đi vay	IAS 7.17(d)	VAS 24
Tiền thu được từ các khoản cho vay và đi vay	IAS 7.17(c)	VAS 24
Mua lại cổ phiếu quỹ	IAS 7.17(b)	VAS 24
Hoàn trả các khoản nợ thuế	IAS 7.17, IFRS 16.50	VAS 24
Tiền thu được từ việc phát hành giấy vay chuyển đổi	IAS 7.17(c)	VAS 24
Tiền thu được khi phát hành cổ phiếu	IAS 7.17(a)	VAS 24
Tiền bán cổ phiếu		
Tiền thu được từ việc chuyển nhượng một phần lãi trong một công ty con không liên quan đến việc mất quyền kiểm soát		
Tiền thuần (sử dụng vào)/từ hoạt động tài chính		
Tăng/(giảm) tiền và các khoản tương đương tiền		
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm		
Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái	IAS 7.28	VAS 24
Tiền và tương đương tiền cuối năm	IAS 7	VAS 24

Phần 2:
Chuyển đổi từ Chuẩn mực
Kế toán Việt Nam (VAS)
sang Chuẩn mực Báo cáo
Tài chính Quốc tế (IFRS)

Một số chuẩn mực quan trọng

Mục tiêu của báo cáo tài chính là để theo dõi, hỗ trợ phân tích và báo cáo tình hình kinh doanh của doanh nghiệp. Mục đích của các báo cáo này là kiểm tra việc sử dụng các nguồn lực, dòng tiền, hiệu quả kinh doanh và tình trạng tài chính hiện tại của doanh nghiệp. Thông qua đó, Ban Quản lý và các nhà đầu tư có thể đưa ra những quyết định đúng đắn trong vấn đề quản lý doanh nghiệp. Ba mục tiêu chính được xác định cụ thể:



Cung cấp thông tin cho nhà đầu tư

Các nhà đầu tư sẽ quan tâm đến dòng tiền được tái đầu tư vào doanh nghiệp và hiệu quả sử dụng vốn như thế nào. Báo cáo tài chính giúp các nhà đầu tư xem xét các rủi ro và cơ sở không đảm bảo ảnh hưởng đến tình hình kinh doanh của doanh nghiệp. Ngoài ra, báo cáo tài chính cũng thể hiện tình hình đầu tư hiện tại của đơn vị, đánh giá hiệu quả kinh doanh với tư cách hoạt động độc lập hoặc hoạt động hợp nhất với Tập đoàn.



Quản trị dòng tiền

Báo cáo tài chính dùng để so sánh nguồn thu nhập do doanh nghiệp tạo ra, tình trạng và hiệu suất hiện tại so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành và trên thị trường, lợi nhuận mà doanh nghiệp tạo ra so với chi phí hoạt động trong kỳ.



Phân tích tình hình tài chính của doanh nghiệp

Báo cáo tài chính cung cấp thông tin về tài sản, nợ phải trả, vốn chủ sở hữu, doanh thu, thu nhập khác, chi phí sản xuất kinh doanh và chi phí khác, lãi, lỗ cùng với việc phân chia kết quả kinh doanh và dòng tiền. Bằng cách lập báo cáo tài chính, Ban Quản lý và nhà đầu tư có thể xác định được các thay đổi và tìm ra các cơ hội tiềm năng, từ đó xác định những vấn đề cần điều chỉnh ngay bây giờ để tận dụng hoặc chuẩn bị cho những khó khăn và rủi ro trong tương lai.

Các chuẩn mực của IFRS đặt ra quy tắc trình bày báo cáo tài chính được chấp nhận toàn cầu để xác định và hỗ trợ hiệu quả nhất cho mục đích trên của báo cáo tài chính. Trong kỷ nguyên toàn cầu hóa, Việt Nam được xem là một trung tâm đầu tư tiềm năng, vì vậy doanh nghiệp và các Tập đoàn nên làm quen với các chuẩn mực toàn cầu, mức độ minh bạch cũng như nên có sự chuẩn bị đầy đủ để tận dụng các cơ hội sắp tới.

Hướng dẫn này hỗ trợ cung cấp đến doanh nghiệp bức tranh tổng quan về VAS và IFRS trong báo cáo tài chính, sau đó, tập trung vào các chuẩn mực có thể có tác động đáng kể đến lộ trình áp dụng IFRS của doanh nghiệp. Cách tiếp cận của chúng tôi chia thành ba (3) nhóm, trong đó:

01 Nhóm 1: Chuẩn mực về trình bày và công bố báo cáo tài chính: Chỉ ra hướng dẫn cơ bản về cấu trúc báo cáo tài chính theo yêu cầu của IFRS, giúp doanh nghiệp có một cái nhìn tổng quan về những thay đổi của báo cáo tài chính.

02 Nhóm 2: Chuẩn mực quy định về các khoản mục trên Báo cáo Kết Quả Hoạt Động Kinh Doanh và Bảng cân đối kế toán: Đưa ra những ghi nhận liên quan đến tình hình tài chính hiện tại theo yêu cầu IFRS, bao gồm sự khác biệt giữa các chỉ số tài chính theo VAS và IFRS, hay bức tranh tổng thể về các khoản mục trên báo cáo tài chính sẽ thay đổi thế nào nếu chuẩn mực IFRS được áp dụng.

03 Nhóm 3: Chuẩn mực về các chính sách kế toán cho Tập đoàn: Mô tả sự khác biệt liên quan đến thông tin được trình bày cho nhà đầu tư với tư cách là một Tập đoàn nói chung. Nêu ra sự khác biệt đáng kể liên quan đến việc ghi nhận kế toán cho báo cáo của Tập đoàn theo VAS và IFRS.

Bảng dưới đây bao gồm các chuẩn mực ảnh hưởng lớn nhất đến thông tin do doanh nghiệp trình bày tại Việt Nam, tập trung chủ yếu vào cách thức trình bày báo cáo tài chính, giá trị tài sản do doanh nghiệp kiểm soát theo quan điểm của Chuẩn mực IFRS và những gì cần thiết cho báo cáo hợp nhất:

Chuẩn mực về trình bày và công bố báo cáo tài chính

IFRS	VAS tương đương	Nội dung
IAS 1	VAS 21	Trình bày báo cáo tài chính
IAS 7	VAS 24	Báo cáo lưu chuyển tiền tệ
IAS 8	VAS 29	Thay đổi chính sách kế toán, ước tính kế toán
IAS 10	VAS 23	Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm
IAS 20	Không có chuẩn mực VAS tương đương	Các khoản trợ cấp từ Chính phủ
IAS 29	Không có chuẩn mực VAS tương đương	Báo cáo tài chính trong điều kiện nền kinh tế siêu lạm phát
IAS 32	Không có chuẩn mực VAS tương đương	Trình bày các công cụ tài chính
IAS 24	VAS 26	Thông tin về các bên liên quan
IAS 33	VAS 30	Lãi trên cổ phiếu
IAS 34	VAS 27	Báo cáo tài chính bán niên
IFRS 1	Không có chuẩn mực VAS tương đương	Áp dụng lần đầu IFRS
IFRS 7	Không có chuẩn mực VAS tương đương (được quy định một phần trong VAS 22 và Thông tư số 210/2009/TT-BTC)	Công bố các công cụ tài chính
IFRS 8	VAS 28	Bộ phận kinh doanh
IFRS 17 (thay thế IFRS 4)	VAS 19	Hợp đồng bảo hiểm

Chuẩn mực về các khoản mục Báo cáo thu nhập toàn diện và Bảng cân đối kế toán

IFRS	VAS tương đương	Nội dung
IAS 2	VAS 2	Hàng tồn kho
IAS 12	VAS 17	Thuế thu nhập doanh nghiệp
IAS 16	VAS 3	Tài sản cố định hữu hình
IAS 19	Không có chuẩn mực VAS tương đương	Phúc lợi của người lao động
IAS 23	VAS 16	Chi phí đi vay
IAS 36	Không có chuẩn mực VAS tương đương	Đánh giá tài sản
IAS 37	VAS 18	Các khoản dự phòng, tài sản và nợ tiềm tàng
IAS 38	VAS 4	Tài sản cố định vô hình
IAS 40	VAS 5	Bất động sản đầu tư
IAS 41	Không có chuẩn mực VAS tương đương	Nông nghiệp

IFRS	VAS tương đương	Nội dung
IFRS 2	Không có chuẩn mực VAS tương đương	Thanh toán trên cơ sở cổ phiếu
IFRS 5	Không có chuẩn mực VAS tương đương	Tài sản dài hạn được giữ để bán và ngừng hoạt động
IFRS 6	Không có chuẩn mực VAS tương đương	Thăm dò đánh giá tài nguyên khoáng sản
IFRS 9 (thay thế IAS 39)	Không có chuẩn mực VAS tương đương	Công cụ tài chính
IFRS 13	Không có chuẩn mực VAS tương đương	Xác định giá trị hợp lý
IFRS 15 (thay thế IAS 18)	VAS 14	Doanh thu và thu nhập khác
IFRS 16 (thay thế IAS 17)	VAS 6	Thuê tài sản

Chuẩn mực về các chính sách kế toán cho Tập đoàn

IFRS	VAS tương đương	Nội dung
IAS 21	VAS 10	Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái
IAS 27	Không có chuẩn mực VAS tương đương	Báo cáo tài chính riêng
IAS 28	VAS 7, VAS 8	Kế toán các khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết
IFRS 3	VAS 11	Hợp nhất kinh doanh
IFRS 10	VAS 25	Báo cáo tài chính hợp nhất
IFRS 11	VAS 8	Thỏa thuận liên doanh
IFRS 12	Không có chuẩn mực VAS tương đương	Thuyết minh lợi ích từ các đơn vị khác

Chúng tôi trình bày một số điểm về các chuẩn mực mà chúng tôi đánh giá là có sự khác biệt đáng kể giữa VAS và IFRS, với các yêu cầu cơ bản cần thiết để chuyển đổi số dư hiện tại sang số dư để tuân thủ IFRS tại ngày chuyển đổi. Trong các trường hợp cụ thể, các chuẩn mực khác có thể được cân nhắc. Đây không phải là các chuẩn mực ảnh hưởng chính, và người sử dụng có thể tự xem xét các chuẩn mực còn lại phù hợp với quyết định của mình.

Nhóm 1: Chuẩn mực về trình bày và công bố báo cáo tài chính

IAS 1 - Trình bày báo cáo tài chính

Ảnh hưởng chung

IAS 1 yêu cầu trình bày báo cáo thu nhập toàn diện thành hai phần: Báo cáo thu nhập toàn diện khác (OCI) và Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (P/L).

Cùng với việc ghi nhận Báo cáo thu nhập toàn diện khác, IAS 1 cũng yêu cầu trình bày một khoản mục Vốn chủ sở hữu trên Bảng cân đối kế toán, được gọi là chỉ tiêu “Thành phần khác của Vốn chủ sở hữu (Other Components of Equity)”. Việc ghi nhận Thu nhập toàn diện khác cho thấy rằng một số khoản mục ban đầu được ghi là Lãi hoặc Lỗ theo chuẩn mực hiện tại sẽ được ghi nhận vào Thu nhập toàn diện khác, tạo ra xu hướng ổn định về kết quả hoạt động tài chính của công ty.

Theo yêu cầu của IAS 1 - Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh thể hiện tất cả thu nhập và tổn thất của đơn vị trong kỳ, ngoại trừ các trường hợp thu nhập hoặc chi phí phát sinh từ việc thay đổi giá trị còn lại của tài sản hoặc nợ phải trả được ghi nhận vào trong “Báo cáo thu nhập toàn diện khác” và chỉ tiêu “Thành phần khác của Vốn chủ sở hữu” trên Bảng cân đối kế toán. Các chỉ tiêu “Thành phần khác của Vốn chủ sở hữu (Other Components of Equity)” sẽ được chuyển sang Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ kế toán tiếp theo khi chúng đáp ứng điều kiện được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Theo yêu cầu này, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hiện tại sẽ thay đổi, một số khoản lãi/lỗ sẽ được loại trừ và chuyển sang Báo cáo thu nhập toàn diện khác.

Ví dụ minh họa: Báo cáo thu nhập toàn diện khác (OCI):

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020		
Đơn vị triệu USD	2020	2019
Thu nhập toàn diện khác, sau thuế:		
Các giao dịch sẽ không được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh:		
Đo lường lại nghĩa vụ sau nghỉ hưu	xx	xxx
Thay đổi ròng về giá trị hợp lý của các khoản đầu tư FVOCI	xx	xxx
Các khoản mục sau đó sẽ được ghi nhận thành lãi hoặc lỗ:		
Chênh lệch tỷ giá	xx	xxx
Thay đổi giá trị hợp lý của dự phòng đầu tư ròng (investment hedges)	xx	xxx
Thay đổi giá trị hợp lý cho dự phòng rủi ro dòng tiền (cash flow hedges)	xx	xxx
Dự phòng rủi ro dòng tiền được phân loại vào báo cáo lãi lỗ	xx	xxx
Thay đổi ròng về giá trị hợp lý của các khoản đầu tư FVOCI	xx	xxx
Chi phí bảo hiểm rủi ro	xx	xxx
Chia sẻ thu nhập toàn diện khác của công ty liên kết/liên doanh	xx	xxx
Thu nhập toàn diện khác sau thuế	xx	xxx
Tổng thu nhập toàn diện	xx	xxx
Phân bổ cho:		
Cổ đông của Công ty	xx	xxx
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	xx	xxx
Tổng thu nhập toàn diện	xx	xxx

Báo cáo OCI trình bày hai loại giao dịch cụ thể:

- Giao dịch được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh bao gồm chênh lệch tỷ giá, thay đổi giá trị hợp lý (ngoại trừ đánh giá lại tài sản cố định), phòng ngừa rủi ro dòng tiền.
- Giao dịch không được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh: Đánh giá lại tài sản cố định, lãi hoặc lỗ từ các tài sản tài chính, v.v.

Tổng quát

IAS 1 - Trình bày báo cáo tài chính đưa ra các yêu cầu chung cho báo cáo tài chính, bao gồm cấu trúc, các yêu cầu tối thiểu cho nội dung và các yêu cầu trọng tâm khác như hoạt động liên tục, cơ sở dồn tích của việc ghi nhận kế toán, và phân biệt ngắn hạn và dài hạn.

Chuẩn mực yêu cầu một bộ báo cáo tài chính đầy đủ bao gồm: Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và thu nhập toàn diện khác, Báo cáo thay đổi vốn chủ sở hữu và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ.

Các vấn đề chuyển đổi

Nội dung		IFRS	VAS
IAS 1 và VAS 21 – Trình bày báo cáo tài chính			
Các thành phần của Báo cáo tài chính		Yêu cầu bắt buộc tối thiểu: a) Bảng cân đối kế toán b) Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (P/L) và thu nhập toàn diện khác trong kỳ (tách hoặc kết hợp) c) Báo cáo thay đổi vốn chủ sở hữu trong kỳ d) Báo cáo lưu chuyển tiền tệ trong kỳ e) Thuyết minh, bao gồm một bản tóm tắt các chính sách kế toán quan trọng và thông tin giải thích khác f) Thông tin so sánh với giai đoạn trước g) Bảng cân đối kế toán tại ngày bắt đầu của kỳ so sánh gần nhất (khi áp dụng thay đổi/hồi tố trong chính sách kế toán, phân bổ lại, phân loại lại các khoản mục)	Yêu cầu bắt buộc tối thiểu: a) Bảng cân đối kế toán b) Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (P/L) c) Báo cáo thay đổi vốn chủ sở hữu trong kỳ như được trình bày trong thuyết minh d) Báo cáo lưu chuyển tiền tệ trong kỳ e) Thuyết minh báo cáo tài chính
Sự khác biệt giữa ngắn hạn và dài hạn		Báo cáo sẽ được trình bày tách biệt giữa tài sản ngắn hạn và tài sản dài hạn, nợ ngắn hạn và nợ dài hạn. Hoặc các khoản mục trên báo cáo được trình bày dựa trên tính thanh khoản giảm dần nhằm cung cấp thông tin đáng tin cậy và phù hợp hơn.	Báo cáo nên được trình bày tách biệt giữa tài sản ngắn hạn và tài sản dài hạn, nợ ngắn hạn và nợ dài hạn. Khi báo cáo không thể phân loại, thì báo cáo sẽ được trình bày dựa trên tính thanh khoản giảm dần.

Ngày đáo hạn của tài sản và nợ phải trả	Báo cáo phải thuyết minh ngày thực hiện của cả tài sản và nợ phải trả để đánh giá tính thanh khoản và khả năng thanh toán của khoản mục đó.	Các yêu cầu khác nhau cho từng yếu tố của báo cáo tài chính, phụ thuộc vào kỳ hạn gốc hoặc thời hạn thanh khoản còn lại.
Mẫu biểu của bảng cân đối kế toán	Không yêu cầu.	Bảng cân đối kế toán được trình bày trong các quy định và hướng dẫn cụ thể.
Báo cáo thu nhập/Báo cáo thu nhập toàn diện	Có hai định dạng tùy chọn: a) Chỉ lập một báo cáo thu nhập toàn diện b) Tách biệt hai báo cáo gồm: Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (P/L) và Báo cáo thu nhập toàn diện khác (OCI) Phân loại: theo chức năng của chi phí hoặc theo bản chất của chi phí (theo tiêu chí thích hợp và đáng tin cậy và có liên quan).	Chỉ lập một Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Phân loại: theo chức năng của chi phí sau đó bản chất của chi phí.
Thuyết minh cổ tức	Trình bày trong thuyết minh hoặc trong báo cáo thay đổi vốn chủ sở hữu.	Doanh nghiệp nên trình bày số cổ tức trên mỗi cổ phiếu, ngày công bố hoặc đề xuất chi trả. Thông tin này được trình bày trong thuyết minh.
Thay đổi vốn chủ sở hữu	Trình bày theo các mục dưới đây (4): a) Giá trị lãi lỗ thuần (P/L). b) Giao dịch vốn với chủ sở hữu và phân phối cho chủ sở hữu. c) Lãi hoặc lỗ lũy kế đầu kỳ, cuối kỳ và biến động trong kỳ. d) Bảng đối chiếu giữa giá trị còn lại của từng loại vốn cổ phần, thặng dư vốn cổ phần, mỗi khoản hoàn nhập đầu kỳ, từng biến động trong kỳ.	Như được trình bày trong thuyết minh.



Những việc cần thực hiện?

- Cần lập báo cáo thay đổi vốn chủ sở hữu tại ngày chuyển đổi báo cáo tài chính.
- Hiểu bản chất và yêu cầu của Báo cáo thu nhập toàn diện khác, phân loại rõ ràng giữa “các khoản mục không được phân loại lại” và “các khoản mục sẽ được phân loại lại”.
- Xác định các giao dịch thuộc Thu nhập toàn diện khác tại ngày chuyển đổi.
- Ước tính tác động của việc áp dụng các thay đổi đối với Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và thu nhập toàn diện khác.
- Xác định sự khác biệt chính giữa các khoản mục ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán, tác động đến các chỉ số tài chính và điều kiện giao ước cho vay.

IFRS 7 - Công cụ tài chính: Thuyết minh

Ảnh hưởng chung

IFRS 7 - Công cụ tài chính: Thuyết minh yêu cầu thuyết minh các thông tin về tầm quan trọng của các công cụ tài chính đối với một công ty, bản chất và mức độ rủi ro phát sinh từ các công cụ tài chính đó, cả về mặt định tính và định lượng. Thuyết minh cụ thể được yêu cầu liên quan đến tài sản tài chính được chuyển nhượng và một số vấn đề khác.

Tổng quan

IFRS 7 yêu cầu trình bày thông tin (a) về mức độ trọng yếu của các công cụ tài chính đối với tình hình tài chính và kết quả kinh doanh của doanh nghiệp; và (b) bản chất và phạm vi của khả năng rủi ro phát sinh từ các công cụ tài chính, bao gồm các yêu cầu công bố tối thiểu về rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường. Các thuyết minh định tính mô tả các mục tiêu, chính sách và quy trình quản lý các chương trình quản lý rủi ro này. Các thuyết minh định lượng cung cấp thông tin về mức độ rủi ro mà một công ty có thể gặp, dựa trên thông tin nội bộ được cung cấp cho cấp quản lý chủ chốt của công ty.

Các vấn đề chuyển đổi

Tại Việt Nam, không có chuẩn mực VAS tương đương với IFRS 7. Tuy nhiên, vào ngày 06/11/2009, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2009/TT-BTC, yêu cầu các đơn vị phải thuyết minh các công cụ tài chính theo IFRS 7. Các yêu cầu trong Thông tư số 210 trở thành tùy chọn theo Thông tư số 200, được áp dụng từ năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01/01/2015.

Nội dung	IFRS
IFRS 7 - Công cụ tài chính: Thuyết minh	
Mục đích	Để quy định các thuyết minh cho phép người dùng báo cáo tài chính đánh giá tầm quan trọng của các công cụ tài chính đối với tình hình và hiệu suất tài chính của một công ty, bản chất và mức độ rủi ro phát sinh từ các công cụ tài chính, và cách thức công ty quản lý các rủi ro đó. IFRS 7 và Thông tư số 210 về cơ bản là giống nhau. Tuy nhiên, trên thực tế, các thuyết minh báo cáo tài chính theo Thông tư số 210 không cung cấp đủ thông tin vì VAS không cung cấp cách thức ghi nhận và đo lường các công cụ tài chính và kế toán giá trị hợp lý.
Phạm vi	IFRS 7 được áp dụng cho tất cả các loại công cụ tài chính, ngoại trừ những loại được loại trừ khỏi phạm vi của IFRS 7. IFRS 7 áp dụng cho cả các công cụ tài chính được ghi nhận và không được ghi nhận.
Nguyên tắc chính	IFRS 7 yêu cầu thuyết minh theo loại công cụ tài chính, một công ty sẽ nhóm các công cụ tài chính thành các loại phù hợp với bản chất của thông tin được công bố và có tính đến các đặc điểm của các công cụ tài chính đó. Một công ty sẽ phải cung cấp đủ thông tin để cho phép đối chiếu với các khoản mục chi tiết được trình bày trong Bảng cân đối kế toán. IFRS 7 yêu cầu các công ty cung cấp các thuyết minh cho phép người dùng đánh giá: • Tầm quan trọng của các công cụ tài chính đối với tình hình và hiệu suất tài chính của công ty; • Bản chất và mức độ rủi ro phát sinh từ các công cụ tài chính mà có thể phát sinh trong kỳ và tại ngày báo cáo, và cách thức công ty quản lý các rủi ro đó.

Nội dung	IFRS
Tầm quan trọng của các công cụ tài chính	Thuyết minh Bảng cân đối kế toán: • Giá trị ghi sổ của các công cụ tài chính theo danh mục; • Tài sản hoặc công nợ tài chính được đo lường theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (FVTPL); • Các khoản đầu tư vào các công cụ vốn với thay đổi theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo thu nhập toàn diện (FVOCI); • Phân loại lại; • Bù trừ tài sản và công nợ tài chính; • Tài sản đảm bảo; • Dự phòng cho các khoản tổn thất tín dụng; • Công cụ tài chính phức hợp với nhiều loại công cụ tài chính phái sinh; • Mặc định và vi phạm. Thuyết minh Báo cáo thu nhập toàn diện khác: • Lãi hoặc lỗ thuần trên mỗi danh mục công cụ tài chính; • Tổng doanh thu và chi phí lãi; • Chi phí và doanh thu phí; hoặc • Phân tích lãi hoặc lỗ trong Báo cáo thu nhập toàn diện từ việc ngừng ghi nhận tài sản tài chính tại giá trị được phân bổ. Các thuyết minh khác: • Các chính sách kế toán; • Thuyết minh chính sách kế toán phòng ngừa rủi ro (chiến lược quản lý rủi ro, hiệu quả của kế toán phòng ngừa rủi ro,...); • Giá trị hợp lý (phương pháp xác định, giá trị hợp lý của tài sản và công nợ tài chính, các giải thích khi giá trị hợp lý không thể xác định).
Bản chất và mức độ rủi ro phát sinh từ các công cụ tài chính	Rủi ro tín dụng: liên quan đến tài sản tài chính và nói một cách đơn giản, đó là rủi ro mà công ty sẽ chịu tổn thất tài chính do đối tác không thanh toán nghĩa vụ của mình: • Kinh nghiệm quản lý rủi ro tín dụng; • Thông tin về số tiền phát sinh từ tổn thất tín dụng dự kiến; • Trình bày rủi ro tín dụng; • Tài sản thế chấp và các sản phẩm nâng cao tín dụng khác. Rủi ro thanh khoản: liên quan đến các khoản công nợ tài chính và đó là một “đối nghịch” với rủi ro tín dụng: • Phân tích thời gian đáo hạn còn lại dựa trên hợp đồng của các khoản nợ tài chính (tách riêng cho các công cụ tài chính phái sinh và không phái sinh); • Mô tả phương pháp quản lý rủi ro thanh khoản. Rủi ro thị trường: là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc dòng tiền trong tương lai từ tài sản hoặc công nợ tài chính sẽ dao động do thay đổi giá thị trường: • Rủi ro tiền tệ: rủi ro do tác động của thay đổi tỷ giá hối đoái gây ra sự biến động của dòng tiền hoặc giá trị hợp lý; • Rủi ro lãi suất: biến động được gây ra bởi những thay đổi của lãi suất thị trường; • Rủi ro giá khác: biến động được gây ra bởi những thay đổi của giá cả thị trường khác, chẳng hạn như giá hàng hóa, giá cổ phiếu, v.v.



Những việc cần thực hiện?

- Áp dụng các yêu cầu ghi nhận và đo lường của GAAP trước đó (VAS) cho thông tin so sánh về các tài sản trong phạm vi IFRS 9.
- Xem xét tất cả các công cụ tài chính đã được ban hành về sự phù hợp của phân loại và đo lường.
- Cung cấp thông tin bổ sung khi việc tuân thủ các yêu cầu cụ thể trong IFRS không đủ để cho phép người dùng hiểu tác động của các giao dịch, các sự kiện và điều kiện khác đối với tình hình tài chính và hiệu quả tài chính.
- Có thể đánh giá lại các giao dịch với các bên liên quan.

IFRS 17 - Hợp đồng bảo hiểm

Ảnh hưởng chung

IFRS 17 - Hợp đồng bảo hiểm ảnh hưởng tới Bảng cân đối kế toán, Báo cáo thu nhập toàn diện khác, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính.

Các mô hình đo lường của IFRS 17 sẽ có tác động khác nhau đến các chỉ tiêu nhất định trên báo cáo tài chính, chủ yếu là "phí bảo hiểm" và "nghĩa vụ hợp đồng bảo hiểm".

Phí bảo hiểm: việc ghi nhận không còn dựa trên phí bảo hiểm hoặc phí bảo hiểm nhận được, mà chủ yếu sẽ bao gồm các thay đổi về trách nhiệm đối với phần bảo hiểm còn lại và việc giải phóng dòng tiền mua bảo hiểm.

Nghĩa vụ hợp đồng bảo hiểm: theo cả IFRS 4 và IFRS 17, các khoản nợ hợp đồng bảo hiểm bao gồm trách nhiệm đối với các khiếu nại phát sinh và trách nhiệm đối với phần bảo hiểm còn lại. Sự khác biệt nổi bật nhất trong IFRS 17 là trách nhiệm đối với bảo hiểm còn lại bao gồm biên dịch vụ theo hợp đồng.

Do đó, biên dịch vụ hợp đồng có thể được coi là yếu tố chính để phản ánh sự phát triển hiện tại và tương lai của các công ty bảo hiểm thông qua phí bảo hiểm và trách nhiệm hợp đồng bảo hiểm.

Tổng quan

Tháng 05 năm 2017, Hội đồng Chuẩn mực Kế toán Quốc tế đã ban hành chuẩn mực IFRS 17 - Hợp đồng bảo hiểm và chuẩn bị một chuẩn mực kế toán mới cho các công ty bảo hiểm. Mặc dù chuẩn mực hiện tại là IFRS 4 cho phép các công ty bảo hiểm sử dụng chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng tại từng quốc gia, thì IFRS 17 định nghĩa các quy tắc rõ ràng và nhất quán sẽ làm tăng đáng kể khả năng so sánh của báo cáo tài chính và tác động đến quy mô toàn cầu. Khi IFRS 17 có hiệu lực sẽ thay thế IFRS 4.

IFRS 17 được áp dụng cho các giai đoạn hàng năm bắt đầu vào hoặc sau ngày 01/01/2021. Doanh nghiệp được quyền áp dụng sớm khi đã áp dụng IFRS 9 - Công cụ tài chính và IFRS 15 - Doanh thu từ hợp đồng với khách hàng tại hoặc trước ngày áp dụng IFRS 17.

Chuẩn mực có thể được áp dụng hồi tố theo như IAS 8, nhưng cũng bao gồm "phương pháp điều chỉnh hồi tố" và "phương pháp giá trị hợp lý" cho việc chuyển đổi, tùy thuộc vào sự sẵn có của dữ liệu.

Các vấn đề về chuyển đổi

Ở Việt Nam, chỉ có VAS 19 tương đương với IFRS 4; về sau là IFRS 17.

Nội dung		IFRS	VAS
		Hợp đồng bảo hiểm – IFRS 4	Hợp đồng bảo hiểm - VAS 19 và hướng dẫn khác của Bộ Tài chính liên quan đến bảo hiểm nhân thọ và phi nhân thọ
Phạm vi và định nghĩa		IFRS 4 - Hợp đồng bảo hiểm cung cấp hướng dẫn về kế toán cho các hợp đồng bảo hiểm để thực hiện theo chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng tại từng quốc gia. IFRS 4 áp dụng cho tất cả các hợp đồng bảo hiểm và tái bảo hiểm mà doanh nghiệp phát hành. Chuẩn mực không đề cập cụ thể đến các khía cạnh khác của kế toán áp dụng cho các doanh nghiệp bảo hiểm, chẳng hạn như kế toán các tài sản tài chính mà doanh nghiệp nắm giữ hoặc các khoản nợ tài chính mà doanh nghiệp phát hành, ngoài việc cho phép một công ty bảo hiểm trong các trường hợp cụ thể phân loại lại một số hoặc tất cả tài sản tài chính của họ theo giá trị hợp lý thông qua lãi hoặc lỗ và có các miễn trừ tạm thời liên quan đến việc áp dụng IFRS 9. Hợp đồng bảo hiểm là hợp đồng mà một doanh nghiệp (tổ chức phát hành) chấp nhận rủi ro bảo hiểm đáng kể từ một bên khác (chủ hợp đồng) bằng cách đồng ý bồi thường cho chủ hợp đồng nếu một sự kiện không chắc chắn trong tương lai (sự kiện được bảo hiểm) ảnh hưởng xấu đến chủ hợp đồng.	VAS 19 - Hợp đồng bảo hiểm dựa trên IFRS 4 và phù hợp với IFRS 4 hơn là các phiên bản sửa đổi sau đó của IFRS 4. Tuy nhiên, do Bộ Tài chính không có hướng dẫn nào cho việc triển khai VAS 19. Do đó, các công ty bảo hiểm áp dụng hướng dẫn cụ thể cho kế toán thay vì VAS 19, bao gồm hướng dẫn kế toán tại Thông tư số 199/2014/TT-BTC ngày 19/12/2014 của Bộ Tài chính (đối với tổ chức bảo hiểm nhân thọ và tái bảo hiểm) và trong Thông tư số 232/2012/TT-BTC ngày 28/12/2012 của Bộ Tài chính (đối với tổ chức bảo hiểm phi nhân thọ và tổ chức tái bảo hiểm). Do đó, các chính sách kế toán được sử dụng phổ biến cho hợp đồng bảo hiểm có một số điều khoản khác với IFRS 4, chẳng hạn như các yêu cầu để dự phòng tổn thất do thảm họa và dự phòng cho yêu cầu bồi thường trong tương lai, hoặc thiếu sót trong kiểm tra trách nhiệm pháp lý, suy giảm tài sản được bảo hiểm và thuyết minh giá trị thị trường.

IFRS		
Hợp đồng bảo hiểm – IFRS 17 (không có VAS tương đương)		
Ghi nhận	Rủi ro chuyển giao trong hợp đồng phải là rủi ro bảo hiểm trừ rủi ro tài chính. Chuẩn mực cho phép các doanh nghiệp tiếp tục với các chính sách kế toán hiện tại của họ cho các hợp đồng bảo hiểm nếu các chính sách đó đáp ứng các tiêu chí tối thiểu nhất định. Một trong những tiêu chí tối thiểu là số tiền trách nhiệm bảo hiểm phải chịu kiểm tra về tính thỏa đáng của trách nhiệm pháp lý. Thử nghiệm này xem xét các ước tính hiện tại của tất cả các dòng tiền theo hợp đồng và liên quan như chi phí xử lý khiếu nại, cũng như các luồng tiền phát sinh từ các tùy chọn và bảo đảm. Nếu kiểm tra tính thỏa đáng trách nhiệm xác định rằng trách nhiệm bảo hiểm là không thỏa đáng, toàn bộ thiếu hụt được ghi nhận vào lãi hoặc lỗ.	Bên cạnh những yêu cầu nâng cao khác, việc tiết lộ thông tin về rủi ro bảo hiểm, chẳng hạn như trước tiên, phân tích độ nhạy cho thấy mức độ lãi hoặc lỗ và vốn chủ sở hữu sẽ bị ảnh hưởng bởi biến rủi ro liên quan (ví dụ: tỷ lệ tử vong và bệnh tật, lãi suất, .v.v.). Sau đó, các phương pháp và giả định được sử dụng trong việc chuẩn bị phân tích độ nhạy. Cuối cùng, thông tin định tính về độ nhạy và thông tin về các điều khoản và điều kiện của hợp đồng bảo hiểm có ảnh hưởng trọng yếu đến số tiền, sự không chắc chắn về thời gian của công ty bảo hiểm đối với dòng tiền trong tương lai.

Ghi nhận	Theo IFRS 17, “mô hình chung” yêu cầu doanh nghiệp đánh giá một hợp đồng bảo hiểm tại ngày ghi nhận ban đầu theo tổng số dòng tiền hoàn thành (bao gồm các dòng tiền ước tính trong tương lai, sự điều chỉnh để phản ánh giá trị thời gian của tiền và rủi ro tài chính liên quan đến dòng tiền trong tương lai, rủi ro tài chính không được bao gồm trong ước tính của dòng tiền trong tương lai, và điều chỉnh cho các rủi ro phi tài chính) và ký quỹ dịch vụ theo hợp đồng. Dòng tiền hoàn thành được đo lường lại trên cơ sở hiện tại của mỗi kỳ báo cáo. Lợi nhuận chưa được ghi nhận (lợi nhuận cận biên từ hợp đồng) được ghi nhận khi kết thúc thời gian bảo hiểm. Bên cạnh mô hình chung này, Chuẩn mực cũng cung cấp cách tiếp cận đơn giản gọi là “phương pháp phân bổ phí bảo hiểm”. Cách tiếp cận đơn giản này được áp dụng cho một số loại hợp đồng, bao gồm cả những người có thời gian bảo hiểm từ một năm trở xuống. Đối với các hợp đồng bảo hiểm có tính năng tham gia trực tiếp, “phương pháp phí biến đổi” sẽ được áp dụng. Phương pháp phí biến đổi là một biến thể của mô hình chung. Khi áp dụng phương pháp phí biến đổi, phần chia sẻ của doanh nghiệp từ các thay đổi giá trị hợp lý của các khoản mục cơ bản được bao gồm trong lợi nhuận cận biên từ hợp đồng. Do đó, thay đổi giá trị hợp lý không được ghi nhận vào lãi hoặc lỗ trong kỳ khi thời gian xảy ra vượt quá thời gian còn lại của hợp đồng.
------------------------	---



Những việc cần thực hiện?

- Xác định các điều khoản của hợp đồng bảo hiểm
- Lập kế hoạch lại cho các hoạt động chính và dòng thời gian dự án
- Dự kiến sẽ có nhiều hoạt động kiểm tra hơn
- Đánh giá hồi tố theo IAS 8
- Phạm vi tùy chọn cho các hợp đồng cho vay và các hợp đồng thẻ tín dụng nhất định
- Gia hạn tùy chọn giảm thiểu rủi ro để bao gồm các hợp đồng đầu tư
- Liên kết với IFRS 9, IFRS 15

Nhóm 2: Chuẩn mực kế toán tài sản và nợ phải trả

IAS 12 - Thuế thu nhập doanh nghiệp

Ảnh hưởng chung

IAS 12 - Thuế thu nhập doanh nghiệp có thể ảnh hưởng đến Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính. Khoản lợi ích liên quan đến lỗ tính thuế có thể sử dụng để bù trừ với thuế phải trả của kỳ trước phải được ghi nhận như là một tài sản trong kỳ phát sinh lỗ tính thuế. Điều này có thể ảnh hưởng đến tài sản/ nghĩa vụ thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành.

Sự khác biệt giữa IAS 12 và VAS 17 là khoản lỗ tính thuế có thể được chuyển sang các kỳ tính thuế trước đó. Các quy định chuyển lỗ tính thuế cho phép doanh nghiệp lựa chọn bù trừ toàn bộ hoặc một phần lỗ tính thuế đối với nghĩa vụ thuế của năm hiện hành hoặc các năm trước. Nhìn chung, các doanh nghiệp có thể chuyển các khoản lỗ tính thuế sang các năm trước thay vì cản trở cho các năm tiếp theo.

Ví dụ minh họa:

Công ty TNHH ABC đã hoạt động được nhiều năm và đã nộp thuế với số tiền 75.000 đô la Mỹ trong năm 20X8 (cụ thể, thu nhập chịu thuế là 250.000 đô la Mỹ). Công ty không có các khoản lỗ tính thuế chuyển tiếp vào cuối năm 20X8.

Trong năm 20X9, công ty bị lỗ tính thuế là 200.000 đô la Mỹ do khoản đầu tư đáng kể vào nhà máy, thiết bị mới và điều kiện kinh doanh kém hơn. Công ty có số dư tài khoản thuế đã nộp là 400.000 đô la Mỹ.

Khoản thuế được hoàn trả của công ty theo quy tắc chuyển lỗ sang các năm trước được giới hạn ở mức thấp hơn trong các số tiền sau:

Giá trị thuế của khoản lỗ tính thuế năm hiện tại là: $20\% \times \$200.000 = \40.000

Số thuế đã trả trong kỳ tính thuế trước là: \$75.000

Trong trường hợp này, công ty có thể chuyển lỗ tính thuế năm 20X9 với số thuế đã nộp trong năm trước và sẽ nhận được một khoản hoàn thuế là 40.000 đô la Mỹ.

Tổng quan

IAS 12 - Thuế thu nhập doanh nghiệp chủ yếu liên quan đến thuế hoãn lại. Chuẩn mực này yêu cầu thuế hoãn lại được ghi nhận là một khoản chênh lệch tạm thời. IAS 12 áp dụng “phương pháp bảng cân đối kế toán toàn diện” để kế toán thuế thu nhập doanh nghiệp, trong đó ghi nhận nghĩa vụ thuế hiện hành phát sinh từ các giao dịch và sự kiện hiện tại, và nghĩa vụ thuế tương lai của việc thu hồi hoặc xử lý giá trị còn lại của tài sản và nợ phải trả của một doanh nghiệp. Sự khác biệt giữa giá trị còn lại và cơ sở tính thuế của tài sản và nợ phải trả, các khoản lỗ tính thuế chưa sử dụng và các khoản lợi ích thuế chưa sử dụng, được ghi nhận, với các ngoại lệ hạn chế, như là một khoản thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại, với thử nghiệm “lợi nhuận có khả năng tính thuế” được áp dụng cho tài sản thuế thu nhập hoãn lại.

Các vấn đề chuyển đổi

Nội dung		IFRS	VAS
IAS 12 với VAS 17 – Thuế thu nhập doanh nghiệp			
Mục tiêu	Nghĩa vụ đối với cơ quan thuế trong mối quan hệ với hoạt động kinh tế tài chính trong kỳ. Thuế hiện hành được xác định bằng số tiền dự kiến sẽ được trả (hoặc thu hồi) từ cơ quan thuế.		
Ghi nhận thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành	Khoản lợi ích liên quan đến lỗ tính thuế có thể sử dụng để bù trừ với thuế phải trả của kỳ trước phải được ghi nhận như là một tài sản trong kỳ phát sinh lỗ tính thuế.		Không đề cập vấn đề này do lỗ tính thuế không được chuyển sang các kỳ tính thuế trước đó.
Ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả	Nguyên tắc chung của IAS 12 đó là công nợ thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, trừ ba (03) trường hợp sau: - Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của lợi thế thương mại; - Ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả của một giao dịch mà giao dịch này không phải trong quá trình hợp nhất kinh doanh và không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập tại thời điểm phát sinh giao dịch; - Các chênh lệch liên quan tới các khoản đầu tư vào công ty con, chi nhánh, công ty liên kết và các khoản đầu tư vào các công ty liên doanh (ví dụ: phát sinh từ lợi nhuận chưa phân phối), do công ty có thể kiểm soát được thời gian hoàn nhập của các khoản chênh lệch đó, việc hoàn nhập có thể không xảy ra trong tương lai gần và lợi nhuận chịu thuế sẽ bù đắp cho các chênh lệch này.		Chuẩn mực chỉ nêu một trường hợp ngoại lệ đối với việc không ghi nhận các khoản chênh lệch chịu thuế là khi tài sản thuế thu nhập hoãn lại phát sinh từ việc ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả trong một giao dịch, mà tại thời điểm giao dịch, không ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế (lỗ tính thuế).
Xác định giá trị	Khi các mức thuế suất khác nhau được áp dụng cho từng mức lợi nhuận tính thuế, tài sản và nợ thuế thu nhập hoãn lại được xác định sử dụng thuế suất trung bình dự tính áp dụng đối với lợi nhuận tính thuế (lỗ tính thuế) của các kỳ mà tại đó các khoản chênh lệch tạm thời dự tính được hoàn nhập.		Không đề cập.

Ghi nhận chi phí và thu nhập thuế	Thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại phải được ghi nhận là một khoản thu nhập hoặc chi phí trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, trừ các khoản thuế phát sinh từ: - Các giao dịch hoặc sự kiện được ghi nhận ngoài Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (Báo cáo thu nhập toàn diện hoặc Báo cáo vốn chủ sở hữu) – trong trường hợp đó, nghĩa vụ thuế liên quan cũng được ghi nhận ngoài Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. - Một giao dịch hợp nhất kinh doanh - trong trường hợp đó, nghĩa vụ thuế liên quan được ghi nhận là tài sản hoặc nợ phải trả có thể xác định tại ngày giao dịch mua, và theo đó có hiệu quả trong việc xác định lợi thế thương mại khi áp dụng IFRS 3 - Hợp nhất kinh doanh.	Không đề cập.
Thuế thu nhập đến từ việc chia cổ tức	Trong trường hợp việc chi trả cổ tức ảnh hưởng đến thuế suất hoặc phát sinh số tiền thuế phải nộp hoặc thuế hoàn lại, kết quả của thuế thu nhập đến từ việc chia cổ tức được coi là liên kết trực tiếp với các giao dịch hoặc sự kiện trong quá khứ và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả kinh doanh trừ khi các giao dịch hoặc các sự kiện trong quá khứ được ghi nhận ngoài Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Do đó, cổ tức có thể được thanh toán trong tương lai hoặc thuế hoàn lại sẽ không được dự đoán trước trong việc đo lường tài sản và công nợ thuế.	Không đề cập.
Trình bày	Tài sản thuế và công nợ thuế hiện hành chỉ có thể được bù trừ trong Bảng cân đối kế toán nếu công ty có quyền hợp pháp và ý định thực hiện trên cơ sở thuần. Tài sản thuế hoãn lại và nghĩa vụ thuế hoãn lại chỉ có thể được bù trừ trong Bảng cân đối kế toán nếu công ty có quyền hợp pháp để xử lý số tiền thuế hiện hành trên cơ sở thuần và số tiền thuế hoãn lại được đánh thuế bởi cùng một cơ quan thuế trên cùng một doanh nghiệp hoặc các doanh nghiệp khác nhau có ý định ghi nhận tài sản và xử lý công nợ cùng một thời điểm.	

Phạm vi lưu ý

IAS 12 lưu ý các điểm sau:

- Việc ghi nhận tài sản hoặc nợ phải trả mà tài sản hoặc nợ phải trả sẽ được thu hồi hoặc xử lý, và việc thu hồi hoặc xử lý này có thể làm phát sinh nghĩa vụ thuế trong tương lai thì nghĩa vụ này cần được ghi nhận cùng thời điểm với tài sản hoặc nợ phải trả;
- Một doanh nghiệp nên ghi nhận nghĩa vụ thuế phát sinh từ các giao dịch và các sự kiện giống như cách ghi nhận các giao dịch hoặc các sự kiện đó.



Những việc cần thực hiện?

- Xác định những chênh lệch tạm thời được ghi nhận trong năm.
- Xác định những chênh lệch theo thuế suất để thực hiện điều chỉnh tài khoản thuế hoãn lại.
- Điều chỉnh số dư đầu kỳ để xác định số dư cuối kỳ của tài khoản thuế hoãn lại.

IAS 16 - Tài sản, Nhà máy và Thiết bị

Ảnh hưởng chung

IAS 16 loại bỏ các tiêu chí giá trị tối thiểu cho một tài sản được ghi nhận là một tài sản hữu hình, điều này sẽ dẫn đến sự gia tăng đáng kể trong số dư của Tài sản hiện tại trên báo cáo tài chính.

Mô hình đánh giá lại - nếu áp dụng có thể tăng hoặc giảm giá trị của tài sản hữu hình của đơn vị - phản ánh giá trị hợp lý của tài sản tại ngày đánh giá lại. Tác động của mô hình đánh giá lại sẽ được trình bày trên Báo cáo thu nhập toàn diện khác (như được giới thiệu trong IAS 1 - Báo cáo tài chính). Đánh giá giá trị hợp lý bằng cách đánh giá lại được trình bày trong IFRS 13 - Đo lường giá trị hợp lý.

Bằng cách áp dụng IAS 16, tài sản sẽ không được ghi nhận cao hơn giá trị có thể thu hồi được (cao hơn giá trị hợp lý của tài sản). Quy định này được yêu cầu thực hiện khi tài sản không đạt đến công suất tối đa hoặc việc giảm lợi nhuận của dịch vụ hoặc sản phẩm được tạo ra từ tài sản.

Chính sách kế toán cho các chi phí khấu hao của công cụ và các tài sản hữu hình khác hiện đang ghi là khoản chi phí trả trước theo VAS sẽ thay đổi khi áp dụng IAS 16 - Tài sản, Nhà máy và Thiết bị.

Ví dụ minh họa:

Các doanh nghiệp hoạt động trong dịch vụ quản lý kho có thể có một lượng lớn máy quét mã vạch - được ghi là trả trước theo yêu cầu của chuẩn mực kế toán hiện hành. Bằng cách áp dụng IAS 16, các máy quét mã vạch này có thể được ghi nhận là thiết bị và được khấu hao trong thời gian dài hơn tùy thuộc vào lợi ích trong tương lai được tạo ra từ tài sản - trong khi chuẩn mực kế toán hiện tại chỉ cho phép khấu hao tối đa 3 năm đối với chi phí trả trước.

Tổng quan

IAS 16 phác thảo việc xử lý kế toán cho hầu hết các loại tài sản, nhà máy và thiết bị. Tài sản cố định ban đầu được ghi nhận bằng nguyên giá, sau đó được đo bằng cách sử dụng mô hình giá gốc hoặc mô hình đánh giá lại và khấu hao được phân bổ trên cơ sở có hệ thống trong suốt vòng đời hữu ích của nó.

Các vấn đề về chuyển đổi

Nội dung	IFRS	VAS
IAS 16 và VAS 3 – Tài sản cố định		
Ghi nhận tài sản	Không có ngưỡng ghi nhận tài sản cố định tối thiểu.	Yêu cầu hiện tại về giá trị tối thiểu là 30 triệu đồng.
Khấu hao từng cấu phần tài sản	Yêu cầu cụ thể để khấu hao các phần chính của một tài sản một cách riêng biệt. Có thể khác nhau giữa các phần còn lại của tài sản đó.	Hướng dẫn bị hạn chế về việc tách và theo dõi từng phần của tài sản.
Đo lường sau khi ghi nhận ban đầu	Cho phép sử dụng 2 mô hình: Mô hình giá gốc: Tài sản trình bày theo nguyên giá trừ đi giá trị đã khấu hao lũy kế và các khoản suy giảm giá trị. Mô hình đánh giá lại: Tài sản được trình bày theo mô hình đánh giá lại, là giá trị hợp lý tại ngày đánh giá lại trừ khấu hao và suy giảm sau đó, miễn là giá trị hợp lý có thể được đo lường một cách đáng tin cậy.	Chỉ được ghi nhận theo mô hình giá gốc. Tài sản chỉ được phép đánh giá lại trong một số trường hợp hạn chế.

Định nghĩa và yêu cầu mới của IAS 16	
Đo lường ban đầu – Nguyên giá	Một hạng mục tài sản ban đầu nên được ghi nhận theo giá gốc, bao gồm tất cả các chi phí cần thiết để đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nếu thanh toán cho một hạng mục tài sản bị hoãn lại, lãi suất theo tỷ giá thị trường phải được ghi nhận hoặc loại trừ.
Chính sách cho việc đánh giá lại	Nếu đánh giá lại làm tăng giá trị, thì nên được ghi nhận vào thu nhập toàn diện khác và được tích lũy vào vốn chủ sở hữu trên khoản mục “Thặng dư đánh giá lại” trừ khi đây là một khoản hoàn nhập của việc ghi giảm đánh giá lại của cùng một tài sản được ghi nhận vào chi phí trước đó, trong trường hợp đó nên được ghi nhận vào lãi hoặc lỗ. Việc giảm phát sinh do đánh giá lại phải được ghi nhận là chi phí khi vượt quá bất kỳ khoản nào được ghi có trước đó vào thặng dư đánh giá lại liên quan đến cùng một tài sản.
Chính sách cho dự phòng trong đánh giá lại	Khi một tài sản đánh giá lại được thanh lý, mọi khoản “Thặng dư đánh giá lại” có thể được chuyển trực tiếp sang “Thu nhập giữ lại”, hoặc có thể được ghi lại trong “vốn chủ sở hữu” ở khoản mục “Thặng dư đánh giá lại”. Việc chuyển sang “Thu nhập giữ lại” không nên được thực hiện thông qua lãi hoặc lỗ.
Suy giảm giá trị tài sản	Tài sản cố định được yêu cầu kiểm tra sự suy giảm và, nếu cần, sẽ được ghi nhận vào tài sản. Giá trị của tài sản cố định không được ghi nhận cao hơn giá trị có thể thu hồi của tài sản cố định đó. Số tiền có thể thu hồi là giá trị cao hơn giữa giá trị còn lại và giá trị hiện tại sau khi đã trừ đi chi phí để bán. Bất kỳ yêu cầu bồi thường nào từ bên thứ ba về suy giảm giá trị đều được tính vào lãi hoặc lỗ khi yêu cầu bồi thường được thực hiện.
Thuyết minh	Chuẩn mực yêu cầu thuyết minh chi tiết liên quan đến việc áp dụng mô hình đánh giá lại.



Những việc cần thực hiện?

- Đơn vị cần đảm bảo rằng nhóm kế toán được đào tạo bài bản cho chuẩn mực IAS 16 sắp tới.
- Chọn chính sách kế toán cho từng loại tài sản - mô hình giá gốc hoặc mô hình đánh giá lại.
- Đối với các tài sản được đề cập ở trên, doanh nghiệp cần thực hiện kiểm kê để đảm bảo sự tồn tại và số lượng thực tế của các tài sản này.
- Doanh nghiệp cần xây dựng phương pháp thích hợp để đo lường giá trị hợp lý của tài sản (thông qua các dịch vụ định giá chuyên nghiệp) để đáp ứng quy định của chuẩn mực.
- Xây dựng dự báo tác động đến dòng tiền, tình hình tài chính cho việc áp dụng chuẩn mực mới.

IAS 19 - Phúc lợi cho người lao động

Ảnh hưởng chung

IAS 19 có thể ảnh hưởng đến Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả kinh doanh, và Thuyết minh báo cáo tài chính.

IAS 19 ảnh hưởng trọng yếu đối với báo cáo tài chính do ghi nhận trực tiếp vào Báo cáo kết quả kinh doanh hoặc phương pháp ghi nhận vào Báo cáo thu nhập toàn diện có thể có tác động đáng kể đến báo cáo tài chính của công ty:

- Thỏa thuận chia sẻ lợi nhuận: Thỏa thuận chia sẻ lợi nhuận có thể bị ảnh hưởng bởi việc xử lý kế toán mới.
- Các tỷ lệ thường được sử dụng sau đây có thể bị ảnh hưởng: Tỷ lệ cổ tức, Tỷ lệ lợi nhuận gộp, Tỷ suất lợi nhuận ròng, Tỷ số lợi nhuận trên tài sản, Nợ/Vốn chủ sở hữu, ...
- Do thay đổi các chỉ số tài chính, các giao ước nợ có thể bị ảnh hưởng. Cần phải xem xét để đàm phán lại các giao ước nợ tiềm năng.
- Một số khía cạnh của thù lao và phúc lợi của người lao động có thể phụ thuộc vào một yếu tố nhất định trong báo cáo tài chính, ví dụ như doanh thu hoặc lợi nhuận. Việc triển khai IAS 19 có thể thay đổi các mục này và do đó, cấu trúc phúc lợi của người lao động có thể cần được sửa đổi.

Tổng quan

IAS 19 bao gồm các yêu cầu về kế toán cho phúc lợi của người lao động. Phúc lợi của người lao động là tất cả các hình thức xem xét được đưa ra bởi một doanh nghiệp để đổi lấy dịch vụ được cung cấp bởi người lao động hoặc chấm dứt việc làm. Phúc tạp nhất trong số này là kế toán cho các kế hoạch phúc lợi sau nghỉ hưu, nơi người sử dụng lao động đã đảm bảo số tiền trợ cấp phải trả cho người lao động. Các kế hoạch như vậy đòi hỏi phải có các chuyên gia tính toán và dẫn đến các khoản lãi hoặc lỗ do tính toán giá trị được ghi nhận trong báo cáo tài chính. Trước đây có ba (03) phương pháp kế toán cho các khoản lãi hoặc lỗ tính toán như vậy.

Chuẩn mực quy định quy tắc cơ bản:

- Nghĩa vụ phải được ghi nhận khi người lao động đã thực hiện công việc để đổi lấy các khoản phúc lợi được trả trong tương lai.
- Chi phí phải được ghi nhận khi doanh nghiệp sử dụng và nhận được lợi ích kinh tế từ công việc do người lao động thực hiện để đổi lấy các khoản phúc lợi cho người lao động.

IAS 19 áp dụng cho (một số phúc lợi của người lao động gồm):

- Phúc lợi người lao động ngắn hạn bao gồm, nếu dự kiến sẽ được thanh toán toàn bộ trong vòng 12 tháng sau khi hết năm tài chính, trong đó người lao động đã thực hiện các công việc liên quan:
 - tiền lương và tiền công;
 - đóng góp an sinh xã hội;
 - nghỉ phép có lương (nghỉ có lương và nghỉ ốm);
 - nghỉ thai sản/nghỉ thai sản có lương;
 - nghỉ để thực hiện nghĩa vụ bồi thẩm viên nghĩa vụ quân sự;
 - phúc lợi bảo hiểm y tế và nhân thọ trong khi làm việc;
 - các phúc lợi phi tiền tệ như nhà ở, xe hơi và hàng hóa hoặc dịch vụ miễn phí hoặc được trợ cấp.
- Phúc lợi sau khi làm việc, ví dụ: trợ cấp hưu trí (lương hưu hoặc thanh toán một lần), bảo hiểm nhân thọ và chăm sóc y tế.
- Các phúc lợi dài hạn khác, ví dụ: chia sẻ lợi nhuận và tiền thưởng hoặc trả chậm được tính toán sau 12 tháng sau khi kết thúc năm, nghỉ dài hạn hoặc nghỉ phép.
- Trợ cấp thôi việc, ví dụ thanh toán hưu trí sớm và thanh toán dự phòng.

Các vấn đề về chuyển đổi

Nội dung		IFRS
IAS 19 - Phúc lợi cho người lao động		
Mục tiêu	Mục tiêu của IAS 19 là quy định các chính sách kế toán ghi nhận và thuyết minh các khoản phúc lợi cho người lao động.	
Quyền lợi ngắn hạn của người lao động	1.Đánh giá và ghi nhận •Phúc lợi người lao động ngắn hạn chưa thanh toán được ghi nhận như chi phí phải trả. Bất kỳ khoản thanh toán trước đều được ghi nhận là chi phí trả trước. •Chi phí cho phúc lợi người lao động ngắn hạn nên được ghi nhận là chi phí trong kỳ khi lợi ích kinh tế được mang lại. 2. Quyền lợi về ngày nghỉ phép •Nghỉ phép hưởng lương ngắn hạn được lũy kế mà người lao động sẽ được hưởng, và nếu quyền lợi này chưa sử dụng hết vào cuối kỳ, họ có thể được mang sang sử dụng vào kỳ tiếp theo. •Nghỉ phép hưởng lương ngắn hạn không được lũy kế mà người lao động sẽ được hưởng khi họ thực sự nghỉ, không mang tính lũy kế. •Chi phí phải trả lũy kế ngắn hạn cho ngày nghỉ phép nên được đánh giá đúng với tổng số tiền mà doanh nghiệp sẽ chi trả tại ngày cuối cùng của năm tài chính. 3. Chia sẻ lợi nhuận hoặc quỹ kế hoạch thưởng •Chia sẻ lợi nhuận hoặc tiền thưởng phải trả trong vòng 12 tháng sau khi kết thúc kỳ kế toán phải được ghi nhận là chi phí trích trước khi doanh nghiệp có nghĩa vụ hiện tại phải thanh toán. Việc đánh giá nghĩa vụ này sẽ phản ánh chính xác khả năng một số người lao động có thể nghỉ việc mà không nhận được tiền thưởng.	
Phúc lợi sau khi nghỉ việc	IAS 19 yêu cầu doanh nghiệp phân loại thành Chương trình hưu trí có mức đóng xác định (Defined Pension Plan) hoặc Chương trình hưu trí có mức hưởng xác định trước (Defined Benefit Plan), tùy thuộc vào các điều khoản: Chương trình hưu trí có mức đóng xác định Người sử dụng lao động đóng góp vào quỹ hưu trí là khoản cố định Lương hưu được trả chưa xác định Chương trình hưu trí có mức hưởng xác định trước Người sử dụng lao động đóng góp vào quỹ hưu trí không xác định Phúc lợi trả ra là 1 khoản được đảm bảo	

Ảnh hưởng chung

Phúc lợi sau khi nghỉ việc (tiếp)	Chương trình hưu trí có mức đóng xác định (DCP) • Người sử dụng lao động (và có thể cả người lao động) sẽ trả các khoản đóng góp thường xuyên vào các quỹ với một số tiền cố định hoặc được xác định mỗi năm. Khoản đóng góp được đầu tư và quy mô của các quỹ phúc lợi sau khi làm việc được trả cho người lao động cũ phụ thuộc vào kế hoạch đầu tư thực hiện của chương trình. • Nếu các khoản đóng góp quỹ hoạt động tốt, quỹ sẽ có thể mang lại phúc lợi cao hơn so với nếu các khoản góp quỹ hoạt động kém hơn. • Sau khi hoàn thành các khoản đóng góp, đơn vị không còn trách nhiệm pháp lý và không có rủi ro liên quan đến hiệu suất tài sản. • Đóng góp cho DCP phải được ghi nhận là một khoản chi phí trong giai đoạn mà họ phải trả (trừ trường hợp chi phí lao động có thể được bao gồm trong chi phí tài sản) • Bất kỳ trách nhiệm nộp thiếu/vượt quá đối với các khoản đóng góp/đóng góp chưa thanh toán vào cuối kỳ phải được ghi nhận là một khoản nợ (chi phí tích lũy)/một tài sản (chi phí trả trước). Chương trình hưu trí có mức hưởng xác định trước (DBP) • Mô hình của các khoản phúc lợi sau khi làm việc được xác định trước. • Nếu tài sản trong quỹ không đủ, người sử dụng lao động sẽ được yêu cầu đóng góp thêm. Nếu tài sản của quỹ có vẻ lớn hơn mức cần thiết, người sử dụng lao động có thể được phép có thời gian “nghỉ đóng góp”. • Tổ chức đang chịu trách nhiệm thêm và chịu rủi ro liên quan đến hiệu suất tài sản của chương trình. • Phúc lợi của người lao động trong tương lai phải được ước tính bằng kỹ thuật chuyên gia tính toán và được chiết khấu về giá trị hiện tại của nghĩa vụ phúc lợi được xác định và chi phí dịch vụ hiện tại. • Các khoản phúc lợi trong tương lai được chiết khấu về giá trị hiện tại sẽ phát sinh lãi theo thời gian và chi phí lãi phải được ghi nhận. • Giá trị hợp lý của bất kỳ tài sản kế hoạch nào sẽ được khấu trừ khỏi giá trị hiện tại của nghĩa vụ phúc lợi được xác định để xác định thặng dư hoặc thâm hụt. Thặng dư hoặc thâm hụt có thể phải được điều chỉnh nếu tài sản phúc lợi ròng phải bị hạn chế bởi mức trần tài sản.
Công bố	Cần phải công bố các thông tin như: a. Đặc điểm của các kế hoạch và rủi ro liên quan; b. Xác định và giải thích số tiền của quỹ được trình bày trong các Báo cáo tài chính; c. Mô tả quỹ có thể ảnh hưởng đến số lượng, thời gian và sự không chắc chắn của dòng tiền trong tương lai.
Những vấn đề khác	Kế toán phúc lợi cho người lao động được xem là có một số vấn đề dưới đây: • Vấn đề về báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, do sự phức tạp của việc trình bày làm vấn đề trở nên khó hiểu. • Giá trị hợp lý và biến động. Giá trị tương lai của tài sản kế hoạch có thể không ổn định và các giá trị trong Bảng cân đối kế toán có thể dao động. • Giá trị hợp lý và thực tế kinh tế. Giá trị tương lai có thể không phản ánh thực tế kinh tế, bởi vì Giá trị tương lai dao động trong ngắn hạn, trong khi tài sản chế độ lương hưu được giữ trong dài hạn. • Vấn đề trong việc xác định tỷ suất chiết khấu.

Phạm vi

IAS 19 (2011) không áp dụng cho các khoản phúc lợi của người lao động trong phạm vi IFRS 2 - Thanh toán trên cơ sở cổ phiếu hoặc Báo cáo theo chương trình phúc lợi của người lao động (xem IAS 26 Kế toán và báo cáo theo chương trình phúc lợi hưu trí).



Những việc cần thực hiện?

- Xác định tất cả các nghĩa vụ pháp lý và mang tính xây dựng theo các thỏa thuận phúc lợi.
- Chỉ định chuyên gia thống kê đáp ứng đủ điều kiện.
- Xác định nghĩa vụ/trách nhiệm trong tương lai của người lao động theo IAS 19 tại ngày chuyển đổi và sau đó tại tất cả các ngày báo cáo.
- Quyết định xem có nên áp dụng ghi nhận các khoản lãi và lỗ lũy kế không được điều chỉnh tích lũy trong vốn chủ sở hữu khi chuyển đổi sang IFRS.
- Chọn chính sách kế toán để xử lý các khoản lãi và lỗ trong tương lai (ví dụ: tỷ suất chiết khấu).

IAS 36 – Suy giảm giá trị tài sản

Ảnh hưởng chung

IAS 36 đảm bảo rằng tài sản của một doanh nghiệp không được ghi nhận cao hơn giá trị có thể thu hồi được (giá trị có thể thu hồi được là giá trị cao hơn giữa giá trị còn lại và giá trị hợp lý trừ chi phí thanh lý). Ngoài trừ lợi thế thương mại và một số tài sản vô hình được yêu cầu kiểm tra tổn thất hàng năm, các doanh nghiệp phải tiến hành các thử nghiệm suy giảm khi có dấu hiệu suy giảm giá trị tài sản, và thử nghiệm có thể được tiến hành cho một "đơn vị tạo ra tiền" khi một tài sản không tạo ra dòng tiền độc lập với các tài sản khác. Khái niệm về đơn vị tạo ra dòng tiền là nhóm tài sản có thể xác định nhỏ nhất tạo ra dòng tiền, phần lớn độc lập với dòng tiền từ các tài sản hoặc nhóm tài sản khác.

Áp dụng IAS 36 có thể tác động đáng kể đến giá trị tài sản của đơn vị, đặc biệt là đối với tài sản cố định hữu hình, với sự thay đổi giá trị hợp lý của tài sản và khấu hao trong tương lai cũng cần được điều chỉnh tương ứng.

Suy giảm giá trị được ghi nhận như một khoản chi phí (trừ khi nó liên quan đến một tài sản được đánh giá lại trong đó tổn thất được xem là giảm khi đánh giá lại). Việc ghi nhận suy giảm giá trị tài sản sẽ ảnh hưởng đáng kể đến kết quả kinh doanh của đơn vị trong kỳ kế toán, không chỉ là kết quả kinh doanh hiện tại mà còn là cả sự sụp đổ dự kiến trong tương lai của doanh nghiệp.

Tổng quan

Mục tiêu của IAS 36 là đảm bảo rằng các tài sản của doanh nghiệp được ghi nhận không vượt quá giá trị có thể thu hồi được của chúng.

Chuẩn mực cũng xác định khi nào tài sản bị suy giảm, cách nhận biết tổn thất giá trị tài sản, khi nào một doanh nghiệp nên hoàn nhập khoản lỗ này và thông tin nào liên quan đến việc suy giảm phải được trình bày trong báo cáo tài chính.

Các vấn đề về chuyển đổi

Nội dung		IFRS
IAS 36 - Suy giảm tài sản		
Xác định một tài sản có thể bị suy giảm		Doanh nghiệp sẽ đánh giá tại ngày báo cáo xem có bất kỳ dấu hiệu nào cho thấy một tài sản có thể bị suy giảm giá trị. Nếu có bất kỳ dấu hiệu nào như vậy tồn tại, doanh nghiệp sẽ ước tính giá trị có thể thu hồi được của tài sản. Bất kể có dấu hiệu suy giảm nào hay không, doanh nghiệp cũng sẽ thực hiện đánh giá suy giảm cho giá trị hữu ích vô thời hạn hoặc một tài sản cố định vô hình chưa có sẵn để sử dụng; lợi thế thương mại có được do hợp nhất kinh doanh. Nếu có bất kỳ dấu hiệu nào cho thấy một tài sản có thể bị suy giảm, giá trị có thể thu hồi được sẽ được ước tính cho từng tài sản riêng lẻ. Nếu không thể ước tính số tiền có thể thu hồi của tài sản riêng lẻ, doanh nghiệp sẽ xác định số tiền có thể thu hồi được của đơn vị tạo ra tiền mà tài sản đó thuộc về.
Ghi nhận giá trị suy giảm		Một khoản suy giảm giá trị được ghi nhận bất cứ khi nào giá trị có thể thu hồi được thấp hơn giá trị ghi sổ và phải được ghi nhận giảm giá trị ghi sổ của tài sản và chi phí tương ứng trong báo cáo kết quả kinh doanh. Khấu hao tài sản sẽ được điều chỉnh cho các giai đoạn trong tương lai. Nếu không thể xác định giá trị có thể thu hồi được của một tài sản riêng lẻ, thì giá trị có thể thu hồi được của đơn vị tạo ra tiền của tài sản đó sẽ được xác định. Thử nghiệm suy giảm cho lợi thế thương mại được thực hiện ở mức thấp nhất trong doanh nghiệp mà theo đó lợi thế thương mại được theo dõi cho mục đích quản lý nội bộ, với điều kiện đơn vị hoặc nhóm đơn vị phân bổ lợi thế thương mại không lớn hơn một bộ phận hoạt động (theo IFRS 8).

IAS 36 - Suy giảm tài sản	
Đo lường tổn thất	Giá trị có thể thu hồi của một tài sản hoặc một đơn vị tạo ra tiền là giá trị cao hơn giữa giá trị còn lại và giá thanh lý sau khi đã trừ đi chi phí bán. Giá trị hợp lý là giá sẽ được nhận để bán một tài sản hoặc giá phải trả để chuyển giao một khoản nợ trong một giao dịch có trật tự giữa những người tham gia thị trường tại ngày đo lường. Chi phí thanh lý là chi phí gia tăng liên quan trực tiếp đến việc thanh lý tài sản hoặc đơn vị tạo ra tiền mặt, trừ chi phí tài chính và chi phí thuế thu nhập. Giá trị sử dụng là giá trị hiện tại của các luồng tiền trong tương lai dự kiến thu được từ một tài sản hoặc một đơn vị tạo ra tiền.
Hoàn nhập tổn thất tài sản	Nếu có một dấu hiệu cho thấy sự suy giảm, giá trị có thể thu hồi sẽ được tính toán lại. Giá trị ghi sổ tăng lên do hoàn nhập không được nhiều hơn giá gốc đã khấu hao nếu việc suy giảm không được ghi nhận. Khoản hoàn nhập của khoản suy giảm giá trị được ghi nhận vào khoản lãi hoặc lỗ trừ khi nó liên quan đến một tài sản được đánh giá lại. Khấu hao sẽ được điều chỉnh cho các giai đoạn trong tương lai.

Phạm vi

Không áp dụng cho		Áp dụng cho
- Hàng tồn kho (IAS 2) - Tài sản tài chính (IFRS 9) - Thuế hoãn lại (IAS 12) - Lợi ích nhân viên (IAS 19) - Hợp đồng xây dựng (IFRS 15)	- Tài sản đầu tư tại FV (IAS 40) - Tài sản nông nghiệp tại FV (IAS 41) - Hợp đồng bảo hiểm (IFRS 4 hoặc IFRS 17) - Tài sản dài hạn để bán (IFRS 5)	- Tài sản cố định (IAS 16) - Tài sản đầu tư theo giá gốc (IAS 40) - Tài sản vô hình (IAS 38) - Lợi thế thương mại - Công ty con, liên kết theo giá gốc



Những việc cần thực hiện?

- Hàng năm đánh giá các dấu hiệu suy giảm từ các yếu tố bên ngoài và bên trong doanh nghiệp.
- Xác định đơn vị tạo ra tiền tương quan với bản chất của hoạt động kinh doanh.
- Kiểm tra lợi thế thương mại về sự suy giảm giá trị tại ngày chuyển đổi.
- Chọn xem có nên phân bổ lại các tài sản có thời gian dài khác (bao gồm cả tài sản vô hình) được xem là chi phí (giá trị hợp lý hoặc giá trị được đánh giá lại) vào ngày chuyển đổi.
- Đánh giá tác động tiềm năng đến báo cáo tài chính theo yêu cầu của chuẩn mực báo cáo tài chính, phối hợp với bộ phận tài chính phù hợp để đảm bảo tính khả thi của doanh nghiệp.
- Cải thiện hệ thống công nghệ thông tin, phát triển trung tâm chi phí và phòng ban, chi tiết cho từng đơn vị tạo ra tiền để đo lường hiệu suất và kiểm soát dòng tiền.

IAS 37 - Các khoản dự phòng, tài sản và nợ tiềm tàng

Ảnh hưởng chung

IAS 37 Các khoản dự phòng, tài sản và nợ tiềm tàng có thể ảnh hưởng đến Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Thuyết minh báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính tại ngày báo cáo sẽ phản ánh kết quả tiềm tàng của các sự kiện trong tương lai, có thể ảnh hưởng đến số tiền cần thiết để thanh toán nghĩa vụ của doanh nghiệp. Ngoài ra, báo cáo tài chính cũng bị ảnh hưởng bởi kết quả của các ước tính trước đó đã được ghi nhận trong những năm trước (ví dụ: hoàn nhập các khoản nợ tiềm tàng có thể xảy ra).

Tổng quan

Bản chất của kế toán tài chính là các quyết định trọng yếu được đưa ra hiện nay thường có ý nghĩa trong tương lai sau ngày báo cáo hiện tại. Điều này có nghĩa là tại ngày báo cáo, sự không chắc chắn có thể tồn tại liên quan đến kết quả của các quyết định hoặc giao dịch. Những điều này có thể được làm rõ trước ngày báo cáo tài chính được phê duyệt bởi Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên và các cấp tương đương, các số liệu có thể được thay đổi như được đề cập trong IAS 10 - Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc niên độ. Tuy nhiên, nếu vẫn chưa có đủ thông tin vào ngày phê duyệt thì cần phải có sự xét đoán cá nhân (chuyên nghiệp) do không chắc chắn trong tương lai, dẫn đến việc phát sinh các khoản dự phòng và tiềm tàng.

IAS 37 định nghĩa và xác định phương pháp kế toán và thuyết minh các khoản dự phòng phải trả (khoản nợ phải trả không chắc chắn về mặt thời gian hoặc giá trị), cùng với các khoản nợ tiềm tàng (có thể là nghĩa vụ và nghĩa vụ hiện tại không thể xác định được hoặc không thể đo lường được) và tài sản dự phòng (có thể là tài sản).

IAS 37 - Các khoản dự phòng, tài sản và nợ tiềm tàng, ban hành năm 1998, đã cải thiện đáng kể báo cáo tài chính tại thời điểm đó. Trước khi được ban hành, đã có phạm vi đáng kể cho việc thao túng lợi nhuận, ví dụ, các đơn vị có thể trích lập dự phòng cho các chi phí trong tương lai mà không có nghĩa vụ hiện tại. IAS 37 chỉ cho phép các khoản dự phòng đáp ứng định nghĩa về trách nhiệm pháp lý.

Vào ngày 14 tháng 5 năm 2020, IAS 37 được sửa đổi với hướng dẫn về Hợp đồng có rủi ro lớn - Chi phí hoàn thành hợp đồng (IAS 37 Sửa đổi) quy định các chi phí mà công ty được tính đến khi đánh giá liệu hợp đồng sẽ bị thua lỗ và có hiệu lực cho kỳ báo cáo năm bắt đầu vào hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2022. Trong bản sửa đổi, "chi phí hoàn thành" một hợp đồng bao gồm "chi phí liên quan trực tiếp đến hợp đồng". Chi phí liên quan trực tiếp đến hợp đồng có thể là chi phí gia tăng khi thực hiện hợp đồng đó (ví dụ là vật liệu, lao động trực tiếp) hoặc sự phân bổ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc thực hiện hợp đồng (ví dụ là phân bổ chi phí khấu hao cho một hạng mục tài sản, nhà máy và thiết bị được sử dụng để thực hiện hợp đồng).

Cả IAS 37 và VAS 18 đều có điểm tương đồng về việc ghi nhận, đánh giá, và trình bày các khoản dự phòng, tài sản và nợ tiềm tàng.

Nội dung	IFRS	VAS
IAS 37 vs VAS 18 – Các khoản dự phòng, tài sản và nợ tiềm tàng		
Phạm vi	Chuẩn mực này sẽ không được áp dụng cho các khoản dự phòng, tài sản và nợ tiềm tàng phát sinh từ hợp đồng cần thực hiện (là hợp đồng mà chưa bên nào thực hiện bất kỳ nghĩa vụ nào của mình hoặc cả hai bên đã thực hiện một phần nghĩa vụ của mình ở một mức độ như nhau), trừ khi hợp đồng là có rủi ro lớn.	Không đề cập.
Quy tắc đo lường và ghi nhận	Trong những trường hợp hiếm hoi, khi không rõ liệu có nghĩa vụ hiện tại để ghi nhận các khoản dự phòng hay không, một sự kiện trong quá khứ được coi là làm phát sinh nghĩa vụ hiện tại nếu, xét đến tất cả các bằng chứng có sẵn, nhiều khả năng không phải là nghĩa vụ hiện tại tồn tại vào cuối kỳ báo cáo. [IAS 37.15]	Trong cùng một trường hợp, các tiêu chí để ghi nhận dự phòng theo VAS 18 sẽ được dựa trên một ngưỡng nhất định có thể khác với “nhiều khả năng hơn” theo quy định của IAS 37.



Những việc cần thực hiện?

- Xem xét nếu có bất kỳ hợp đồng có rủi ro cần phải được ghi nhận.
- Vào ngày chuyển đổi, hiệu lực của việc áp dụng Chuẩn mực này sẽ được báo cáo như là sự điều chỉnh cho số dư đầu kỳ của của khoản mục Lợi nhuận chưa phân phối trong giai đoạn Chuẩn mực được áp dụng lần đầu tiên. Các đơn vị được khuyến khích, nhưng không bắt buộc, để điều chỉnh số dư đầu kỳ của Lợi nhuận chưa phân phối cho kỳ đầu tiên được trình bày và để trình bày lại thông tin so sánh; hoặc
- Nếu thông tin so sánh không được trình bày lại, sự kiện này phải được thuyết minh.

IFRS 9 - Công cụ tài chính

Ảnh hưởng chung

IFRS 9 - Công cụ tài chính cần được ghi nhận trong Bảng cân đối kế toán khi đơn vị trở thành một bên tham gia trong các điều khoản của hợp đồng công cụ tài chính. Theo quy định, đơn vị nên ghi nhận tất cả các quyền và nghĩa vụ theo hợp đồng dẫn đến tài sản tài chính hoặc nợ phải trả tài chính trên Bảng cân đối kế toán của mình khi doanh nghiệp trở thành một bên tham gia hợp đồng thay vì khi giao dịch được thực hiện. Do đó, nó cũng tác động đến Báo cáo thu nhập toàn diện khác, Báo cáo thay đổi về vốn chủ sở hữu và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ.

Tổng quan

IFRS 9 - Công cụ tài chính được ban hành vào ngày 24 tháng 07 năm 2014, là sự thay thế cho chuẩn mực số 39 của IASB – Công cụ tài chính – Ghi nhận và Đánh giá. Chuẩn mực này bao gồm các yêu cầu về ghi nhận và đánh giá, suy giảm giá trị, dừng ghi nhận, và các hạch toán phòng ngừa rủi ro tổng quát. IASB đã hoàn thành dự án của mình để thay thế IAS 39 theo từng giai đoạn, thêm vào chuẩn mực khi hoàn thành từng giai đoạn.

IFRS 9 không thay thế các yêu cầu đối với phương pháp kế toán phòng ngừa rủi ro cho giá trị danh mục đầu tư đối với rủi ro lãi suất (thường được gọi là yêu cầu 'kế toán phòng ngừa vĩ mô') do giai đoạn này của dự án được tách ra khỏi phạm vi IFRS 9 do tính chất dài hạn của dự án phòng ngừa rủi ro vĩ mô hiện đang ở giai đoạn thảo luận về quy trình. Do đó, ngoại lệ trong IAS 39 đối với giá trị hợp lý liên quan đến lãi suất của danh mục tài sản tài chính hoặc nợ phải trả tài chính tiếp tục được áp dụng.

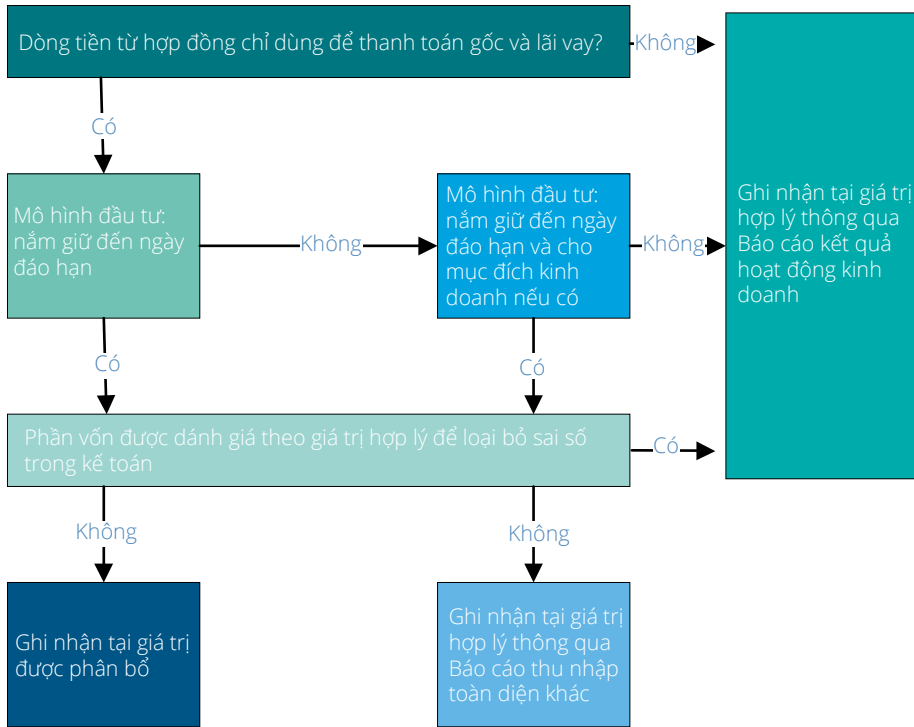
Các vấn đề về chuyển đổi

Nội dung	IFRS
IFRS 9 - Công cụ tài chính	
Mục tiêu	Phần hoàn thành của IFRS 9 cho đến nay đưa ra các yêu cầu ghi nhận và dừng ghi nhận, phân loại và đo lường đối với tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính. Cuối cùng, IFRS 9 sẽ là một chuẩn mực toàn diện về kế toán cho các công cụ tài chính.
Ghi nhận ban đầu của công cụ tài chính	Tất cả công cụ tài chính được ghi nhận ban đầu theo giá trị hợp lý, nếu trong trường hợp tài sản tài chính và nợ tài chính không được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua kết quả kinh doanh, chi phí giao dịch sau đó sẽ trực tiếp dựa trên cách đánh giá ban đầu.
Đánh giá tài sản tài chính sau khi ghi nhận	IFRS 9 phân loại toàn bộ tài sản tài chính thành hai nhóm: - Nhóm được ghi nhận theo giá trị được phân bổ; - Nhóm được ghi nhận theo giá trị hợp lý. Việc phân loại này được xác định ngay thời điểm ghi nhận ban đầu, thường là ngay tại thời điểm doanh nghiệp tham gia vào các hợp đồng liên quan đến công cụ tài chính.

Công cụ nợ	Một công cụ nợ thỏa mãn hai điều kiện dưới đây thì có thể được ghi nhận theo giá trị được phân bổ: (a) Điều kiện về mô hình kinh doanh: Mục đích của mô hình kinh doanh của doanh nghiệp là nắm giữ các tài sản tài chính nhằm mục đích thu được các dòng tiền cam kết (thay vì bán công cụ này trước khi đáo hạn để thu lợi từ thay đổi giá trị hợp lý). (b) Điều kiện về đặc điểm bản chất của dòng tiền Các điều khoản mang tính chất hợp đồng của tài sản tài chính làm phát sinh các dòng tiền bao gồm thanh toán thuần gốc và lãi (SPPI) tại ngày cụ thể dựa trên dư nợ gốc. Tất cả các công cụ nợ khác phải được đánh giá theo giá trị hợp lý và thể hiện trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (FVTPL).
Lựa chọn ghi nhận theo giá trị hợp lý	Kể cả khi một công cụ thỏa mãn hai điều kiện để ghi nhận theo giá trị được phân bổ, IFRS 9 cho phép việc doanh nghiệp ghi nhận thông qua kết quả hoạt động kinh doanh nếu theo phương pháp này có thể loại bỏ hoặc giảm thiểu việc không đồng nhất trong việc đánh giá giá trị hợp lý đối với các nhóm tài sản và nợ tài chính khác nhau.
Công cụ vốn	Tất cả các khoản đầu tư vốn nằm trong phạm vi của IFRS 9 được ghi nhận theo giá trị hợp lý trên Bảng cân đối kế toán, với thay đổi sẽ được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, ngoại trừ các khoản được yêu cầu ghi nhận vào Báo cáo thu nhập toàn diện. Không có trường hợp ngoại lệ đối với các hình thức vốn không được niêm yết. Nếu một khoản đầu tư vào công cụ vốn không được nắm giữ để chờ bán, một doanh nghiệp có thể thực hiện lựa chọn ghi nhận ban đầu khoản đầu tư đó theo giá trị hợp lý và sau đó ghi vào các khoản thu nhập toàn diện khác (FVOCI) và không được thay đổi lựa chọn đó, chỉ có cổ tức là được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Mặc dù yêu cầu sử dụng giá trị hợp lý cho tất cả các khoản đầu tư vào công cụ vốn, IFRS 9 có những hướng dẫn cho trường hợp giá gốc có thể được coi là ước tính tốt nhất về giá trị hợp lý và cho trường hợp giá gốc không được coi là giá trị hợp lý.
Đánh giá nợ phải trả tài chính sau khi ghi nhận	Hai phương pháp ghi nhận, bao gồm: - Giá trị hợp lý ghi nhận thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, và - Giá trị phân bổ. Đối với nợ phải trả tài chính nắm giữ để bán, được đo lường theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, và tất cả các khoản nợ phải trả tài chính khác sẽ được ghi nhận theo giá trị phân bổ. IFRS 9 yêu cầu chia tách lãi và lỗ đối với các khoản nợ phải trả tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh thành 2 nhóm: - Thay đổi của giá trị hợp lý tương ứng với những thay đổi về rủi ro tín dụng của khoản nợ phải trả được trình bày trong Báo cáo thu nhập toàn diện, và - Phần giá trị còn lại của sự thay đổi trong giá trị hợp lý của khoản phải trả được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Phần giá trị được trình bày trong Báo cáo thu nhập toàn diện khác sau đó sẽ không được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, doanh nghiệp chỉ có thể ghi nhận các khoản lãi hoặc lỗ lũy kế trong khoản mục nguồn vốn.

Dừng ghi nhận tài sản tài chính	Tiền đề cơ bản cho việc dừng ghi nhận theo IFRS là: (a) Một tài sản trong tổng thể toàn bộ tài sản hoặc; (b) Các dòng tiền được xác định cụ thể từ tài sản (hoặc một nhóm tài sản tài chính tương tự) hoặc; (c) Một tỷ lệ dòng tiền tương ứng từ một tài sản (hoặc một nhóm các tài sản tài chính) hoặc; (d) Một tỷ lệ dòng tiền tương ứng được xác định cụ thể từ một tài sản tài chính (hoặc một nhóm các tài sản tài chính tương tự). Một tài sản được chuyển giao nếu: - Doanh nghiệp đã chuyển giao quyền lợi theo hợp đồng để nhận được dòng tiền tương ứng, hoặc - Doanh nghiệp đã giữ lại quyền lợi theo hợp đồng để nhận được dòng tiền từ tài sản tương ứng, nhưng đã thừa nhận nghĩa vụ hợp đồng tương ứng với dòng tiền đó thu về theo thỏa thuận, thỏa mãn 3 điều kiện sau: (a) Doanh nghiệp không có nghĩa vụ thanh toán số tiền cho người nhận cuối cùng trừ khi doanh nghiệp thu thập số tiền tương đương trên tài sản ban đầu; (b) Doanh nghiệp không được phép bán hoặc cầm cố tài sản ban đầu (ngoài việc được sử dụng làm tài sản bảo đảm cho người nhận cuối cùng); (c) Doanh nghiệp có nghĩa vụ phải chuyển tiền mà không có sự trì hoãn đáng kể.
Dừng ghi nhận nợ phải trả tài chính	Một khoản nợ phải trả tài chính cần được loại trừ khỏi Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi nào nghĩa vụ quy định trong hợp đồng đã được hoàn thành, hoặc hủy bỏ, hoặc hết hiệu lực .
Công cụ phái sinh	Tất cả các công cụ phái sinh, bao gồm các công cụ liên quan đến các khoản đầu tư vào công cụ vốn không được niêm yết, được đo lường theo giá trị hợp lý. Sự thay đổi của giá trị này sẽ được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, trừ khi doanh nghiệp lựa chọn áp dụng công cụ phái sinh như là một công cụ phòng ngừa rủi ro theo như quy định của IFRS 9.
Phân loại lại	Đối với các công cụ nợ, việc phân loại lại theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và theo giá trị phân bổ, hoặc ngược lại, được thực hiện khi và chỉ khi mục đích của mô hình hoạt động của doanh nghiệp thay đổi, dẫn đến các phương pháp đánh giá trước đó không còn phù hợp. Nếu việc phân loại lại là phù hợp, doanh nghiệp nên được triển khai việc phân loại phi hồi tố từ ngày phân loại lại. Doanh nghiệp không được trình bày lại các khoản lãi lỗ đã được ghi nhận trước đó.
Trình bày	IFRS 9 sửa đổi một số yêu cầu của IFRS 7 về công cụ tài chính: Trình bày bao gồm việc bổ sung các yêu cầu trình bày các khoản đầu tư vào công cụ vốn với thay đổi giá trị hợp lý được ghi nhận vào Báo cáo thu nhập toàn diện.

Biểu đồ sau thể hiện cách mà tài sản tài chính được phân loại theo IFRS 9:



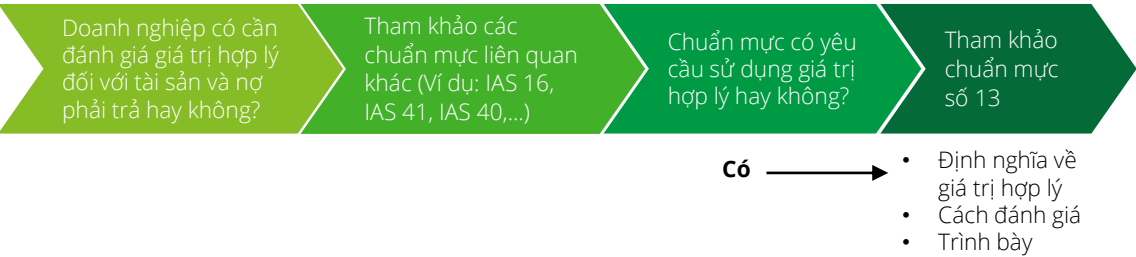
Những việc cần thực hiện?

- Áp dụng phương pháp ghi nhận và đánh giá hiện tại và thay đổi để phù hợp hơn với IFRS 9.
- Công bố các thông tin liên quan đến chuẩn mực này.
- Xử lý mọi điều chỉnh giữa Bảng cân đối kế toán tại ngày báo cáo của kỳ so sánh (ví dụ: Bảng cân đối kế toán bao gồm thông tin so sánh theo Các chuẩn mực kế toán được chấp nhận chung trước đó) và Bảng cân đối kế toán khi bắt đầu kỳ báo cáo IFRS đầu tiên (nghĩa là giai đoạn đầu tiên bao gồm thông tin tuân thủ IFRS 9 và IFRS 7) phát sinh từ thay đổi chính sách kế toán và đưa ra các thuyết minh theo yêu cầu của đoạn 28 (a) - (e) và (f) (i) của IAS 8. Đoạn 28 (f) (i) chỉ áp dụng cho các khoản được trình bày trong Bảng cân đối kế toán tại ngày báo cáo của kỳ so sánh.
- Áp dụng đoạn 17 (c) của IAS 1 để cung cấp thêm thông tin khi việc tuân thủ các yêu cầu cụ thể trong IFRS không đủ để cho phép người dùng hiểu tác động của các giao dịch cụ thể, các sự kiện và điều kiện khác đối với tình hình tài chính và hiệu quả tài chính của doanh nghiệp.
- Có thể đánh giá lại các giao dịch của bên liên quan.

IFRS 13 - Xác định giá trị hợp lý

Ảnh hưởng chung

Chuẩn mực IFRS số 13 về xác định giá trị hợp lý có tác động lớn đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, bao gồm Bảng cân đối kế toán, Báo cáo thu nhập toàn diện, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Thuyết minh báo cáo tài chính. Chuẩn mực này chỉ áp dụng đối với các khoản mục tài sản và nợ phải trả có giá trị được xác định theo giá trị hợp lý.



Mối liên kết giữa IFRS 13 với các chuẩn mực khác

IFRS	Yêu cầu	Cho phép	Diễn giải
IFRS 3	☑		Giá trị hợp lý tại ngày mua lại của giá trị khoản đầu tư và của các tài sản và nợ phải trả đã mua lại.
IFRS 5	☑		Sử dụng giá trị hợp lý trừ đi các chi phí để bán, cho các nhóm tài sản dài hạn nắm giữ để bán và nhóm tài sản thanh lý.
IAS 16		☑	Doanh nghiệp có quyền lựa chọn đánh giá lại tài sản theo giá trị hợp lý.
IAS 19	☑		Xác định lợi ích cố định trong tương lai phải trả cho người lao động được xác định theo giá trị hợp lý.
IAS 28 & IFRS 11	☑		Doanh nghiệp có quyền lựa chọn đánh giá các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và các hoạt động hợp tác kinh doanh theo giá trị hợp lý.
IAS 36	☑		Sử dụng giá trị hợp lý trừ cho các chi phí bán hàng liên quan để xác định giá trị có thể thu hồi.
IAS 38	☑		Doanh nghiệp có quyền được đánh giá lại theo giá trị hợp lý cho các tài sản vô hình.
IFRS 9	☑		Giá trị hợp lý sẽ được sử dụng có các loại công cụ tài chính khác nhau.
IAS 40	☑		Quyền được xác định giá trị của tài sản theo giá trị hợp lý.
IAS 41	☑		Tài sản sinh học và nông nghiệp được xác định theo giá trị hợp lý.

Tổng quan

Chuẩn mực IFRS số 13 Xác định giá trị hợp lý được ban hành vào tháng 5 năm 2011 và đưa ra định nghĩa về giá trị hợp lý, thiết lập một quy tắc để đo lường giá trị hợp lý và yêu cầu công bố thông tin liên quan đến đo lường giá trị hợp lý. Một điểm quan trọng cần xác định là cách đo lường giá trị hợp lý, chứ không phải thời điểm đo lường giá trị hợp lý.

IFRS 13 có hiệu lực cho các kỳ báo cáo hàng năm bắt đầu vào hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2013. Một hướng dẫn duy nhất cho việc xác định giá trị hợp lý được cung cấp trong IFRS 13, tập trung vào:

- Giảm độ phức tạp và cải thiện tính nhất quán trong việc áp dụng các nguyên tắc đo lường giá trị hợp lý bằng việc thiết lập một bộ quy tắc cho tất cả các phương pháp đo lường giá trị hợp lý; giúp người chuẩn bị và kiểm toán viên hoàn thành vai trò của họ và đóng góp cho người dùng hiểu về những gì giá trị hợp lý mang đến;
- Xác định một cách chính xác định nghĩa của giá trị hợp lý;
- Cung cấp tính minh bạch bởi các yêu cầu về thuyết minh và trình bày về giá trị hợp lý;
- Giúp người dùng bằng việc bổ sung các thuyết minh liên quan đến cách xác định giá trị hợp lý.

Các vấn đề về chuyển đổi

Nội dung		IFRS
IFRS 13 – Xác định giá trị hợp lý		
Mục tiêu		Để thay thế hướng dẫn về đo lường giá trị hợp lý trong các chuẩn mực IFRS hiện tại bằng một chuẩn mực duy nhất. IFRS 13 định nghĩa giá trị hợp lý, cung cấp hướng dẫn về cách xác định giá trị hợp lý và yêu cầu thuyết minh về đo lường giá trị hợp lý. Tuy nhiên, IFRS 13 không thay đổi các yêu cầu liên quan đến chỉ tiêu nào cần được đo lường hoặc thuyết minh giá trị hợp lý.
Các khái niệm quan trọng nhất		a) Giá trị hợp lý: Giá có thể nhận được khi bán một tài sản hoặc phải trả khi chuyển giao một khoản nợ trong một giao dịch bình thường giữa các bên tham gia thị trường tại ngày xác định giá trị giao dịch. b) Thị trường hoạt động: Một thị trường trong đó các giao dịch cho tài sản hoặc nợ phải trả diễn ra với tần suất và khối lượng đủ để cung cấp thông tin về giá trên cơ sở hoạt động liên tục. c) Thị trường chính yếu: Thị trường có khối lượng và mức độ hoạt động lớn nhất đối với tài sản hoặc nợ phải trả. d) Thị trường thuận lợi nhất: Thị trường tối đa hóa số tiền sẽ nhận được để bán tài sản hoặc tối thiểu sẽ phải trả để chuyển giao các nghĩa vụ, sau khi tính đến chi phí giao dịch và vận chuyển
Cấp độ của giá trị hợp lý Hệ thống phân cấp giá trị hợp lý		a) Cấp 1: Giá niêm yết trên thị trường hoạt động đối với các tài sản hoặc nợ phải trả cùng loại mà doanh nghiệp có thể tiếp cận vào ngày định giá b) Cấp 2: Giá có yếu tố đầu vào không phải giá niêm yết ở cấp độ 1 có thể quan sát được trên thị trường đối với các loại tài sản hoặc nợ phải trả, theo các phương pháp trực tiếp hoặc gián tiếp. c) Cấp 3: Giá có yếu tố đầu vào không quan sát được trên thị trường đối với tài sản và nợ phải trả.

Mục tiêu của việc xác định giá trị hợp lý	Để ước tính giá mà giao dịch bán tài sản hoặc chuyển giao trách nhiệm sẽ diễn ra giữa những người tham gia thị trường tại ngày đo lường trong điều kiện thị trường hiện tại.
Kỹ thuật định giá	(a) Phương pháp giá thị trường: Sử dụng giá cả và các thông tin liên quan khác, được tạo ra bởi các giao dịch thị trường liên quan đến các tài sản, nợ phải trả giống nhau hoặc tương đương (nghĩa là tương tự) hoặc một nhóm tài sản và nợ phải trả. (b) Phương pháp chi phí: Kỹ thuật định giá phản ánh giá trị yêu cầu hiện tại để thay thế khả năng sử dụng của tài sản (c) Phương pháp thu nhập: Chuyển đổi số tiền trong tương lai (dòng tiền hoặc thu nhập và chi phí) về một số tiền hiện tại (chiết khấu), phản ánh kỳ vọng của thị trường hiện tại về những khoản tiền trong tương lai. Trong một số trường hợp, một kỹ thuật định giá duy nhất sẽ là phù hợp, nhưng vẫn có những trường hợp có thể kết hợp nhiều kỹ thuật nếu thấy phù hợp.
Thuyết minh thông tin	IFRS 13 quy định doanh nghiệp thuyết minh thông tin giúp cho người sử dụng báo cáo tài chính có thể tiếp cận được: (a) Đối với tài sản và nợ phải trả được đo lường theo giá trị hợp lý trên cơ sở định kỳ hoặc không định kỳ trong Bảng cân đối kế toán sau khi ghi nhận ban đầu, các kỹ thuật định giá và thông tin đầu vào được sử dụng để phát triển các phép đo đó; (b) Đối với các phương pháp xác định giá trị hợp lý bằng cách sử dụng các thông tin đầu vào quan trọng nhưng không thể theo dõi được trên thị trường, ảnh hưởng của phương pháp này đến lợi nhuận hoặc thua lỗ hoặc thu nhập toàn diện khác trong kỳ; (c) IFRS 13 yêu cầu thuyết minh cụ thể đối với việc xác định giá trị hợp lý trong kỳ báo cáo, hệ thống phân cấp giá trị hợp lý.



Những việc cần thực hiện?

Bước đầu cần xác định giá trị hợp lý, cần xem xét 3 bước dưới đây để xác định chi tiết. Các bước này rất quan trọng trong việc minh họa mối quan hệ giữa IFRS chính với quy định khác khi cần đo lường giá trị hợp lý và IFRS 13:

- Bước 1: Xác định số dư hoặc giao dịch phải (có thể) được đo lường hoặc công bố theo giá trị hợp lý và khi việc đo lường (công bố) đó là cần thiết.
- Bước 2: Tham khảo IFRS 13 để được hướng dẫn về cách xác định giá trị hợp lý khi ghi nhận ban đầu.
- Bước 3: Tham khảo IFRS 13 để xác định xem việc đo lường tiếp theo số dư tài khoản có theo giá trị hợp lý hay không và/hoặc nếu cần phải thuyết minh về giá trị hợp lý.

IFRS 15 - Doanh thu từ các hợp đồng với Khách hàng

Ảnh hưởng chung

Tác động lên chính sách kế toán

- IFRS 15 “Doanh thu từ các hợp đồng với khách hàng”, cập nhật một số quy tắc mới về ghi nhận doanh thu. Chuẩn mực này yêu cầu các báo cáo cung cấp thông tin hữu ích về bản chất, số lượng, thời gian và sự không chắc chắn của doanh thu và dòng tiền từ hợp đồng với khách hàng.
- Theo yêu cầu của IFRS 15, doanh thu được ghi nhận khi nghĩa vụ được thực hiện bằng cách chuyển giao hàng hóa hoặc dịch vụ đã cam kết với khách hàng (đó là khi khách hàng có được quyền kiểm soát hàng hóa hoặc dịch vụ đó).
- Nghĩa vụ có thể được thực hiện tại một thời điểm (thường là cho các cam kết chuyển giao hàng hóa cho khách hàng) hoặc theo thời kỳ (thường là các cam kết cung cấp dịch vụ cho khách hàng). Đối với nghĩa vụ được thực hiện theo thời kỳ, doanh nghiệp nên lựa chọn cách thức đo lường hợp lý về quá trình để xác định chính xác giá trị doanh thu nên được ghi nhận tương ứng với phần nghĩa vụ đã được thực hiện. Các doanh nghiệp hoạt động trong ngành Viễn thông, Phát triển phần mềm và Bất động sản sẽ bị ảnh hưởng rất nhiều bởi chuẩn mực kế toán mới này.
- IFRS 15 cũng yêu cầu thay đổi cách xử lý kế toán cho bản chất giao dịch đặc biệt, chẳng hạn như quyền hoàn trả, phí trưng bày, bảo hành, v.v.

Ví dụ minh họa:

- Đối với các doanh nghiệp Phát triển phần mềm, bản quyền phần mềm thường được bán theo gói bao gồm các bản cập nhật, còn được gọi là hỗ trợ khách hàng sau hợp đồng. Thông thường, bản quyền phần mềm là một phần riêng biệt với doanh thu được ghi nhận tại thời điểm khi quyền sử dụng được chuyển giao, trong khi hỗ trợ sau hợp đồng thì được cung cấp theo thời kỳ.
- Doanh nghiệp sẽ cần xác định giá giao dịch riêng cho từng nghĩa vụ thực hiện trong hợp đồng và ghi nhận doanh thu khi hoàn thành mỗi nghĩa vụ. Tuy nhiên, có thể có những trường hợp ngoại lệ mà khi đó việc chuyển giao quyền sử dụng và các hỗ trợ cập nhật sau chuyển giao được kết hợp thành một nghĩa vụ thực hiện duy nhất.

Tổng quan

IFRS 15 giới thiệu mô hình năm bước về ghi nhận doanh thu, áp dụng cho tất cả các loại giao dịch, cho tất cả công ty và ngành công nghiệp. Tùy thuộc vào cách thức thực hiện nghĩa vụ, mô hình này sẽ được áp dụng trong hai phiên bản:

- (1) Doanh thu ghi nhận nhiều kỳ,
- (2) Doanh thu ghi nhận theo thời điểm (trong một thời điểm nhất định).

Thời điểm ghi nhận doanh thu, nguyên tắc cơ bản của IFRS 15 là ghi nhận doanh thu khi quyền kiểm soát đối với sản phẩm/dịch vụ được chuyển giao cho khách hàng. Kiểm soát là một thuật ngữ rộng hơn so với tiêu chí rủi ro và lợi ích được sử dụng trước đây để xác định khi nào doanh thu sẽ được ghi nhận.

Vấn đề cơ bản của các chuẩn mực hiện tại là có rất ít các hướng dẫn về cách tiếp cận thực tế đối với các vấn đề phức tạp như phân bổ thù lao cho các yếu tố bán hàng cụ thể, ghi nhận thù lao thay đổi, ghi nhận chi phí mua lại của khách hàng.... IFRS 15 sẽ giới thiệu cách thức ghi nhận mới cho các vấn đề này.

Các vấn đề chuyển đổi

Nội dung		IFRS	VAS
IFRS 15: Doanh thu từ các hợp đồng với khách hàng - VAS 14: Doanh thu			
Phạm vi	Hợp đồng với khách hàng sẽ nằm trong phạm vi của IFRS 15 nếu đáp ứng tất cả năm (5) điều kiện sau: a) Hợp đồng đã được các bên tham gia hợp đồng chấp thuận; b) Quyền của mỗi bên liên quan đến hàng hóa hoặc dịch vụ được chuyển giao có thể được xác định; c) Điều khoản thanh toán cho hàng hóa hoặc dịch vụ được chuyển giao có thể được xác định; d) Hợp đồng có bản chất thương mại; và e) Có thể có <u>sự trao đổi</u> mà doanh nghiệp được hưởng để đổi lấy hàng hóa hoặc dịch vụ sẽ được thu thập.	Việc ghi nhận doanh thu là quá trình kết hợp mà một mặt hàng đáp ứng định nghĩa về doanh thu trong Báo cáo kết quả kinh doanh khi thỏa mãn các điều kiện sau: a) Doanh nghiệp có khả năng nhận được lợi ích kinh tế liên quan đến khoản mục doanh thu này; và b) Giá trị doanh thu có thể được đo lường một cách đáng tin cậy.	
Nguyên tắc chính	Nguyên tắc cốt lõi của IFRS 15 là doanh nghiệp sẽ ghi nhận doanh thu tương ứng với việc chuyển giao hàng hóa hoặc dịch vụ đã cam kết với khách hàng theo giá trị phản ánh sự kỳ vọng mà doanh nghiệp dự kiến thu được từ việc trao đổi hàng hóa hoặc dịch vụ đó.	Không đề cập.	
Khung mô hình năm bước**	Nguyên tắc cốt lõi này được đưa ra trong khuôn khổ mô hình năm bước: 1. Xác định (các) hợp đồng với khách hàng; 2. Xác định nghĩa vụ thực hiện trong hợp đồng; 3. Xác định giá giao dịch: sử dụng số tiền gần nhất với giá trị kỳ vọng; 4. Phân bổ giá giao dịch cho các nghĩa vụ thực hiện trong hợp đồng; 5. Ghi nhận doanh thu <u>khi (hoặc tại thời điểm)</u> doanh nghiệp hoàn thành nghĩa vụ thực hiện.	Doanh thu phải được ghi nhận như sau: a) <u>Cung cấp hàng hóa:</u> Khi chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích sang người mua, người bán đã không còn kiểm soát hàng hóa và giá trị có thể được đo lường một cách đáng tin cậy. b) <u>Cung cấp dịch vụ:</u> Ghi nhận theo phương pháp tỷ lệ phần trăm hoàn thành. c) <u>Ghi nhận lãi:</u> Được ghi nhận trên cơ sở phân bổ. d) <u>Tiền bản quyền:</u> Được ghi nhận trên cơ sở dồn tích theo bản chất của hợp đồng. e) <u>Cổ tức:</u> Được ghi nhận khi cổ đông được quyền nhận cổ tức.	

Hướng dẫn thực hiện cụ thể	Chuẩn mực này bao gồm các hướng dẫn thực hiện cụ thể sau: (a) Các nghĩa vụ được thực hiện theo thời gian; (b) Phương pháp đo lường tiến độ nhằm xác định mức độ hoàn thành của nghĩa vụ thực hiện; (c) Doanh thu với quyền hoàn trả; (d) Bảo hành; (e) Nguyên tắc giao dịch bán hàng qua đại lý; (f) Quyền chọn của khách hàng cho hàng hóa hoặc dịch vụ bổ sung; (g) Quyền lợi không thực hiện của khách hàng; (h) Phí trả trước không hoàn lại; (i) Bản quyền; (j) Hợp đồng mua lại; (k) Hợp đồng ký gửi; (l) Hợp đồng đã xuất hóa đơn nhưng chưa giao hàng; (m) Chấp nhận của khách hàng; (n) Thuyết minh về phân tách doanh thu.	Không đề cập.
-----------------------------------	--	----------------------

****Khung mô hình năm bước:** Khung mô hình năm bước này áp dụng cho tất cả các loại hợp đồng với khách hàng, ngoại trừ các hợp đồng thuê trong phạm vi của IFRS 16 - Thuê tài sản, các công cụ tài chính và các quyền hoặc nghĩa vụ hợp đồng khác trong phạm vi của IFRS 9 - Công cụ tài chính, IFRS 10 - Báo cáo tài chính hợp nhất, IFRS 11 - Thỏa thuận liên doanh, IAS 27 - Báo cáo tài chính riêng và IAS 28 - Đầu tư vào các công ty liên kết và liên doanh, hợp đồng bảo hiểm trong phạm vi IFRS 4 - Hợp đồng bảo hiểm, và trao đổi phi tiền tệ giữa các chủ thể trong cùng ngành nghề kinh doanh để tạo điều kiện bán hàng cho khách hàng hoặc khách hàng tiềm năng. Mặt khác, VAS 14 mô tả các tiêu chí ghi nhận doanh thu tùy thuộc vào từng loại doanh thu, tức là hàng hóa, cung cấp dịch vụ, tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức.



Những việc cần thực hiện?

Cần thực hiện đánh giá tác động IFRS 15 cùng với các chuẩn mực khác, xem lại hợp đồng hiện tại với khách hàng và những xử lý kế toán có liên quan, đàm phán lại và sửa đổi hợp đồng, để phản ánh một cách thích hợp các điều khoản kinh tế của giao dịch, cùng với sự tham gia của các cố vấn pháp lý và kế toán để giải thích rõ hơn các điều khoản hợp đồng và khả năng áp dụng IFRS 15, điều chỉnh lại các hệ thống CNTT để tuân thủ các yêu cầu của chuẩn mực và các thay đổi cần thiết khác để đảm bảo sẵn sàng áp dụng IFRS 15.

Mô hình năm bước:

Bước 1	Xác định hợp đồng với khách hàng	Một hợp đồng được định nghĩa là một thỏa thuận (bao gồm cả bằng lời nói và ngầm ý), giữa hai hoặc nhiều bên, tạo ra các quyền và nghĩa vụ có thể thi hành và đưa ra các tiêu chí cho mỗi quyền và nghĩa vụ đó. Hợp đồng cần phải có tính chất thương mại và các doanh nghiệp có thể trao đổi và ghi nhận thu thập được hưởng.
Bước 2	Xác định nghĩa vụ thực hiện trong hợp đồng	Nghĩa vụ thực hiện trong hợp đồng là một lời hứa (bao gồm cả ngầm ý) để chuyển hàng hóa hoặc dịch vụ cho khách hàng. Mỗi nghĩa vụ thực hiện phải có khả năng tách biệt và được nhận dạng riêng trong hợp đồng.
Bước 3	Xác định giá giao dịch	Giá trị giao dịch là số tiền mà doanh nghiệp có thể được hưởng, để đổi lấy việc chuyển giao hàng hóa và dịch vụ đã cam kết với khách hàng, ngoại trừ số tiền được thu thay cho bên thứ ba.
Bước 4	Phân bổ giá giao dịch cho các nghĩa vụ thực hiện trong hợp đồng	Đối với hợp đồng có nhiều nghĩa vụ thực hiện, đơn vị sẽ phân bổ giá giao dịch cho từng nghĩa vụ thực hiện riêng, để đổi lấy việc đáp ứng từng nghĩa vụ thực hiện. Các phương pháp phân bổ giá giao dịch được chấp nhận bao gồm: • Phương pháp điều chỉnh theo đánh giá thị trường, • Chi phí ước tính cộng lãi, và • Cách tiếp cận còn lại trong một số trường hợp hạn chế. Giảm giá đưa ra phải được phân bổ tương ứng cho tất cả các nghĩa vụ thực hiện, trừ khi các tiêu chí nhất định được đáp ứng và không được phép phân bổ lại giá bán riêng lẻ sau giai đoạn ghi nhận ban đầu.
Bước 5	Ghi nhận doanh thu khi doanh nghiệp hoàn thành nghĩa vụ thực hiện	Doanh nghiệp nên ghi nhận doanh thu tại một thời điểm, ngoại trừ việc đáp ứng bất kỳ tiêu chí nào trong ba tiêu chí bên dưới sẽ yêu cầu ghi nhận doanh thu theo thời gian: • Doanh nghiệp thực hiện chế tạo hoặc nâng cấp tài sản được kiểm soát bởi khách hàng, • Khách hàng đồng thời nhận và thanh toán cho lợi ích tương đương phần đã thực hiện của doanh nghiệp, • Tài sản được tạo ra không có công dụng thay thế khác đối với doanh nghiệp và doanh nghiệp có quyền được thanh toán theo mức độ hoàn thành.

Ảnh hưởng chung

Tác động đến kế toán

IFRS 16 tạo ra một sự thay đổi đáng kể trong việc xử lý kế toán cho nghiệp vụ thuê hoạt động, thuê tài chính và các giao dịch phức tạp khác như bán và thuê lại, v.v..

- Đối với bên thuê: Chuẩn mực mới loại bỏ việc phân loại hợp đồng thuê là hợp đồng thuê hoạt động hoặc thuê tài chính. Thay vào đó, hầu hết tất cả các hợp đồng thuê đều được vốn hóa bằng cách ghi nhận trách nhiệm cho thuê và quyền sử dụng tài sản trên Bảng cân đối kế toán - kèm theo khấu hao tài sản và lãi suất tài chính đối với các khoản nợ thuê.
- Đối với bên cho thuê: Chuẩn mực yêu cầu bên cho thuê phải phân loại mỗi hợp đồng thuê là cho thuê hoạt động hay cho thuê tài chính. Khi bắt đầu thuê, bên cho thuê sẽ ghi nhận tài sản nắm giữ theo hợp đồng thuê tài chính như là một khoản phải thu với số tiền bằng với khoản đầu tư ròng trong hợp đồng thuê, và ghi nhận thu nhập tài chính trong thời hạn thuê của hợp đồng thuê tài chính, dựa trên mô hình phản ánh tỷ suất sinh lợi cố định theo kỳ trên khoản đầu tư ròng đó. Đối với hoạt động cho thuê, bên cho thuê ghi lại khoản thanh toán cho thuê dưới dạng thu nhập theo phương pháp đường thẳng.

Tác động đến các chỉ số tài chính

- Với việc công nhận các khoản nợ thuê (bao gồm các khoản nợ dài hạn và ngắn hạn) và Quyền sử dụng tài sản, chỉ số tài chính hiện tại của đơn vị có thể thay đổi khi áp dụng chuẩn mực mới, trong đó chủ yếu bao gồm ROCE/ROI/LIQUIDITY, v.v..... Những thay đổi này có thể ảnh hưởng đến kết quả đo lường tài chính của đơn vị cũng như điều kiện giao ước cho vay hiện tại.

Ví dụ minh họa

Bán và cho thuê lại giữa VAS và IFRS: Hoạt động bán hàng và cho thuê lại là một giao dịch quen thuộc đối với các đơn vị trong ngành Hàng không và Khách sạn. Theo yêu cầu của IFRS 16 và IFRS 15 "Doanh thu từ các hợp đồng với khách hàng" bên thuê và bên bán sẽ ghi lại quyền sử dụng tài sản phát sinh từ việc cho thuê lại, doanh thu và lỗ phát sinh từ giao dịch được phân loại thành: khoản tiền không được ghi nhận liên quan đến các quyền mà bên bán (bên thuê) giữ lại và khoản tiền được ghi nhận liên quan đến các quyền của bên mua (bên cho thuê) đối với tài sản thuê khi kết thúc hợp đồng thuê lại.

Tổng quan

Mục tiêu của IFRS 16 là báo cáo thông tin thể hiện trung thực các giao dịch cho thuê và cung cấp cơ sở cho người sử dụng báo cáo tài chính để đánh giá số tiền, thời gian và sự không chắc chắn của dòng tiền phát sinh từ hợp đồng thuê. Để đáp ứng mục tiêu đó, bên thuê phải ghi nhận tài sản và nợ phải trả phát sinh từ hợp đồng thuê.

Các vấn đề chuyển đổi

Nội dung		IFRS	VAS
IFRS 16 – Thuê tài sản (có hiệu lực từ ngày 1 tháng 1 năm 2019) và VAS 6 – Thuê			
Kế toán bên thuê – ghi nhận ban đầu		Ghi nhận tài sản có quyền sử dụng như một tài sản vô hình và nghĩa vụ thanh toán tương ứng. Nghĩa vụ thanh toán được định giá theo giá trị hiện tại của tất cả các khoản thanh toán tiền thuê trong tương lai được chiết khấu bằng lãi suất thực tế.	Bên thuê hoạt động chỉ ghi nhận tiền thuê định kỳ như một khoản chi phí. Bên thuê tài chính phải ghi nhận tài sản cho thuê tài chính và nợ thuê tài chính.
Kế toán bên thuê - ghi nhận tiếp theo		Quyền sử dụng tài sản phải được khấu hao trong suốt thời gian thuê. Nghĩa vụ thanh toán tiền thuê phải chịu chi phí khấu hao và chi phí tài chính được ghi nhận vào Báo cáo kết quả kinh doanh.	Không có quy định cho bên thuê hoạt động; Đối với bên thuê tài chính: khấu hao tài sản cho thuê tài chính và hạch toán nghĩa vụ thanh toán tiền thuê tài chính bằng phương pháp giá trị phân bổ.
Định nghĩa và yêu cầu mới theo IFRS 16			
Phạm vi		IFRS 16 áp dụng cho tất cả các hợp đồng thuê, bao gồm cả cho thuê lại, ngoại trừ: a) Cho thuê để khai thác hoặc sử dụng khoáng sản, dầu, khí tự nhiên và các tài nguyên không tái tạo tương tự; b) Cho thuê tài sản sinh học do bên thuê nắm giữ (xem IAS 41 - Nông nghiệp); c) Các thỏa thuận thực hiện dịch vụ (xem IFRIC 12); d) Quyền sở hữu trí tuệ do bên cho thuê cấp (xem IFRS 15 - Doanh thu từ các hợp đồng với khách hàng); và e) Các quyền do bên thuê nắm giữ theo thỏa thuận nhượng quyền đối với các mặt hàng như phim, video, bản phát thảo, bằng sáng chế và bản quyền trong phạm vi của IAS 38 – Tài sản vô hình.	
Ngoại trừ		Các trường hợp sau đây đủ điều kiện để được miễn IFRS 16: a) Cho thuê với thời hạn thuê từ 12 tháng trở xuống và không có quyền chọn mua; b) Cho thuê khi tài sản có giá trị thấp và là tài sản mới (theo đánh giá của nhà quản lý).	
Áp dụng lần đầu		Hai phương pháp áp dụng đầu tiên được IFRS 16 cho phép bao gồm: • Phương pháp hồi tố toàn bộ: Hồi tố tất cả các chỉ số trong giai đoạn so sánh. • Phương pháp hồi tố một phần: Không hồi tố cho giai đoạn so sánh.	
Xác định yếu tố chiết khấu		Yếu tố chiết khấu là lãi suất mà bên thuê phải trả để vay tiền nhằm có được: • Một tài sản có giá trị tương tự với tài sản xác định; • Trong một điều kiện tương tự; • Với một đảm bảo tương tự; • Trong một môi trường kinh tế tương tự. Ban đầu, doanh nghiệp có thể xác định một tỷ lệ lãi suất, ví dụ: tỷ lệ cho các khoản vay tương tự trước đây của doanh nghiệp hoặc các đề nghị thực tế từ ngân hàng cho các khoản vay với số tiền, đảm bảo và thời hạn tương tự, sau đó điều chỉnh rủi ro tiềm ẩn cụ thể đối với hợp đồng thuê, điều này gây ra sự khác biệt về các yếu tố chiết khấu giữa các tài sản cho thuê với nhau.	

Đánh giá lại	Nếu có các dấu hiệu về việc suy giảm giá trị của tài sản cho thuê, IAS 36 sẽ được áp dụng cho thử nghiệm suy giảm giá trị của quyền sử dụng tài sản.
Giao dịch bán và cho thuê lại	IFRS 16 yêu cầu đánh giá bản chất của các giao dịch, liệu "việc bán" có đủ điều kiện cho IFRS 15 hay không, trước khi xác định phương pháp xử lý kế toán phù hợp.
Thay đổi/sửa đổi hợp đồng cho thuê	IFRS 16 yêu cầu đánh giá xem liệu rằng việc thay đổi/sửa đổi có thể khiến bên thuê phải độc lập xem xét sự thay đổi/sửa đổi này như một hợp đồng thuê riêng biệt hay không.



Những việc cần thực hiện?

- Tổ chức cần chuẩn bị cho việc áp dụng chuẩn mực, bao gồm đào tạo nhân viên để thực hiện yêu cầu kế toán của chuẩn mực và cải thiện hệ thống nội bộ để nắm bắt hiệu quả hợp đồng cho thuê hiện tại.
- Doanh nghiệp cũng cần ước tính tác động của các thay đổi đối với dữ liệu tài chính mà công ty hiện đang sử dụng để đo lường hiệu suất, lập ngân sách và hoạt động cho vay.
- Cải thiện hệ thống công nghệ để giám sát hiệu quả yêu cầu hiện tại của chuẩn mực.
- Xác định tác động của chi phí bổ sung và khấu hao, xác định sự khác biệt chính giữa chi phí ảnh hưởng lên dòng tiền và lợi nhuận.
- Ước tính các tác động tiềm năng lên các tỷ số tài chính hiện tại, bao gồm cả điều kiện giao ước nợ.
- Tái đàm phán hợp đồng cho thuê - xác định các điều khoản chính của hợp đồng làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính để đáp ứng các mục tiêu kinh doanh.

Nhóm 3: Chuẩn mực kế toán về hợp nhất

IAS 27 - Báo cáo tài chính riêng

Tổng quan

IAS 27 - Báo cáo tài chính riêng đề cập các vấn đề liên quan đến kế toán đầu tư vào các công ty con, công ty liên doanh và công ty liên kết khi đơn vị lựa chọn hoặc được yêu cầu bởi các quy định của nước sở tại để lập báo cáo tài chính riêng theo IFRS.

Một đơn vị lập báo cáo tài chính riêng có thể hạch toán các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên doanh và công ty liên kết:

- Theo giá gốc; hoặc
- Áp dụng IFRS 9; hoặc
- Sử dụng phương pháp vốn chủ sở hữu như được mô tả trong IAS 28.

Các vấn đề chuyển đổi

Nội dung	IFRS	VAS
IAS 27 - Báo cáo tài chính riêng		
Mục đích	Phương pháp kế toán cho các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh liên kết trên BCTC riêng.	Không có VAS tương đương quy định vấn đề này. Các quy định cụ thể được thể hiện trong các chuẩn mực khác nhau.
Yêu cầu về lập BCTC riêng	IAS 27 không quy định loại doanh nghiệp phải lập BCTC riêng cho mục đích công bố ra công chúng. Chuẩn mực này được áp dụng khi đơn vị lập BCTC riêng theo IFRS. BCTC trong đó sử dụng phương pháp vốn chủ sở hữu không phải là BCTC riêng. Tương tự, BCTC của một công ty không có công ty con, công ty liên kết hay công ty liên doanh cũng không được coi là BCTC riêng.	Không có VAS tương đương quy định vấn đề này.
Phương pháp kế toán	Trong BCTC riêng của công ty mẹ, các khoản đầu tư vào công con, công ty liên kết và công ty liên doanh được trình bày theo: • Phương pháp giá gốc; • Theo IFRS 9 - Công cụ tài chính. Công ty phải áp dụng cùng chính sách kế toán cho các khoản đầu tư thuộc cùng một nhóm.	VAS 25 chỉ cho phép áp dụng phương pháp giá gốc để ghi nhận các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh và công ty liên kết trên BCTC riêng của công ty mẹ.

Ghi nhận cổ tức	Đơn vị ghi nhận cổ tức nhận được từ công ty con, công ty liên doanh hay công ty liên kết vào lỗ lãi trong BCTC riêng khi đơn vị có quyền nhận cổ tức từ việc góp vốn.	VAS 14 cũng áp dụng nguyên tắc tương tự khi ghi nhận cổ tức từ tất cả các khoản đầu tư.
Tái cấu trúc tập đoàn	Phương pháp kế toán riêng biệt sẽ được áp dụng để lập BCTC riêng của công ty mẹ trong trường hợp công ty mẹ thực hiện tái cấu trúc tập đoàn bằng cách thành lập một công ty mới trong đó công ty mẹ ban đầu là công ty con của công ty này. Công ty mẹ mới phải tuân theo các điều kiện ghi nhận cụ thể sau: • Khoản đầu tư vào công ty mẹ ban đầu được trình bày theo phương pháp giá gốc; • Công ty mẹ mới đo lường giá trị ghi sổ phần vốn góp của công ty mẹ mới trong vốn chủ sở hữu được trình bày tại BCTC riêng của công ty mẹ ban đầu tại ngày tái cấu trúc.	Không có VAS tương đương quy định vấn đề này.



Những việc cần thực hiện?

- Lựa chọn phương pháp kế toán;
- Áp dụng đồng nhất phương pháp kế toán cho các danh mục đầu tư;
- Áp dụng cho việc thiết lập một công ty trung gian trong một tập đoàn;
- Áp dụng cho một công ty không phải là công ty mẹ và thiết lập một công ty mẹ theo các tiêu chí đáp ứng IAS 27.

IAS 28 - Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết

Tổng quan

IAS 28 - Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết (sửa đổi năm 2011) đề cập đến cách áp dụng, với một số trường hợp ngoại lệ nhất định, phương pháp vốn chủ sở hữu để đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết. Chuẩn mực cũng định nghĩa một bên liên kết bằng cách tham chiếu đến khái niệm “ảnh hưởng đáng kể”, đòi hỏi quyền tham gia vào các quyết định chính sách hoạt động và tài chính của bên nhận đầu tư (nhưng không tham gia kiểm soát hoặc kiểm soát các chính sách đó).

Các vấn đề chuyển đổi

Nội dung	IFRS	VAS
IAS 28 – Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		
Mục đích	IAS 28 áp dụng cho tất cả các doanh nghiệp là bên đầu tư có quyền kiểm soát chung hoặc có ảnh hưởng đáng kể đến một bên nhận đầu tư (công ty liên kết hoặc liên doanh).	Vấn đề này được đề cập trong VAS 7 và VAS 8. Mục tiêu của chuẩn mực này là quy định các chính sách kế toán và thủ tục về đầu tư vào công ty liên kết, bao gồm ghi nhận đầu tư vào công ty liên kết trong báo cáo tài chính riêng của bên đầu tư và báo cáo tài chính hợp nhất làm cơ sở cho hạch toán, chuẩn bị và trình bày báo cáo tài chính.
Ảnh hưởng đáng kể	Ảnh hưởng đáng kể được giả định khi bên đầu tư có quyền tham gia vào các quyết định chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư, nhưng không tham gia kiểm soát hoặc kiểm soát các chính sách đó (thường là khi nắm giữ quyền sở hữu hơn 20% nhưng dưới 50%). Sự tồn tại và ảnh hưởng của quyền biểu quyết tiềm tàng có thể thực hiện hoặc chuyển đổi ở hiện tại, bao gồm quyền biểu quyết tiềm tàng của đơn vị khác, phải được xem xét khi đánh giá một đơn vị có ảnh hưởng đáng kể hay không.	Không đề cập.
Không tiếp tục áp dụng phương pháp vốn chủ sở hữu	Bên đầu tư sẽ ngừng áp dụng phương pháp vốn chủ sở hữu kể từ ngày ảnh hưởng đáng kể hoặc đồng kiểm soát không còn nữa. Nếu bên đầu tư nhận quá nhiều lỗ từ các công ty liên kết và số dư đầu tư vào công ty liên kết giảm xuống 0, nhà đầu tư nên ngừng áp dụng bao gồm cả cổ phần của các khoản lỗ trong tương lai. Các khoản lỗ bổ sung chỉ được ghi nhận nếu nhà đầu tư có nghĩa vụ thanh toán cho bên thứ ba thay mặt cho công ty liên kết (ví dụ: đảm bảo công nợ phải trả cho các công ty liên kết).	Chuẩn mực quy định ghi nhận giá trị ghi sổ của khoản đầu tư tại ngày bên đầu tư ngừng hạch toán khoản đầu tư vào công ty liên kết hoặc liên doanh là giá gốc mới.
Thay đổi lợi ích của bên đầu tư	Nếu lợi ích của nhà đầu tư trong công ty liên doanh/liên kết bị giảm , nhưng vẫn tiếp tục áp dụng phương pháp vốn chủ sở hữu thì nhà đầu tư phải phân loại sang lãi hoặc lỗ phần thu nhập đã ghi nhận kỳ trước trong Báo cáo thu nhập toàn diện khác <u>tương ứng với điều chỉnh giảm</u> trong lợi ích của nhà đầu tư.	Không đề cập.

Trường hợp ngoại lệ đối với việc áp dụng phương pháp vốn chủ sở hữu đối với các khoản đầu tư vào công ty liên kết	(a) Các khoản đầu tư vào công ty liên doanh/liên kết bị kiểm soát trực tiếp hoặc gián tiếp bởi công ty đầu tư mạo hiểm hay quỹ tương hỗ (hoặc các tổ chức tương tự) và được ghi nhận ban đầu cho mục đích nắm giữ cho mục đích kinh doanh theo IFRS 9; (b) Các khoản đầu tư phân loại là các khoản giữ để bán được kế toán theo IFRS 5 - Tài sản dài hạn nắm giữ để bán và hoạt động không liên tục; (c) Áp dụng ngoại trừ của chuẩn mực IFRS 10; hoặc khi tất cả bốn điều kiện sau được thỏa mãn: i. Nhà đầu tư là công ty con 100% hoặc thuộc sở hữu của một đơn vị khác và các chủ sở hữu trực tiếp, bao gồm cả các nhà đầu tư không có quyền biểu quyết, được thông báo về, hoặc không phản đối về việc nhà đầu tư không áp dụng phương pháp vốn chủ sở hữu; ii. Công cụ vốn và công cụ nợ của nhà đầu tư không giao dịch trên thị trường; iii. Nhà đầu tư đã không đệ trình, hoặc không trong quá trình chuẩn bị đệ trình BCTC của mình lên Ủy ban Chứng khoán hoặc một cơ quan quản lý nào khác cho mục đích phát hành các công cụ tài chính ra thị trường; và iv. Công ty mẹ của cả tập đoàn, hoặc công ty mẹ trực tiếp kiểm soát nhà đầu tư phải lập BCTC hợp nhất cho mục đích công bố đại chúng theo các IFRS.	(a) Khoản đầu tư được mua và giữ lại để bán trong tương lai gần (dưới 12 tháng); hoặc (b) Khoản vốn góp vào công ty liên kết hoạt động trong điều kiện có nhiều hạn chế khắt khe lâu dài làm giảm đáng kể khả năng chuyển vốn về bên góp vốn. Trong trường hợp này, khoản đầu tư vào công ty liên kết được hạch toán vào BCTC hợp nhất sử dụng phương pháp giá gốc.
Báo cáo tài chính riêng của bên đầu tư	Khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết được kế toán trong BCTC riêng của nhà đầu tư theo hướng dẫn của IAS 27 - Báo cáo tài chính riêng.	Các khoản đầu tư vào công ty liên kết chỉ được trình bày theo phương pháp giá gốc trên BCTC riêng của nhà đầu tư.



Những việc cần thực hiện?

- Đơn vị phải đảm bảo rằng bộ phận kế toán được đào tạo tốt để áp dụng IAS 28.
- Xem xét liệu các công ty liên doanh, liên kết sẽ triển khai IFRS trước hay sau đơn vị. Để dễ dàng chuyển đổi, chúng ta có thể xem xét thực hiện khi kết thúc năm.
- Đảm bảo các công ty con của Quý Công ty (và bất kỳ đơn vị nào) lập báo cáo tài chính theo IFRS khi cần.
- Xem xét liệu các sắp xếp về báo cáo mới có cần được đưa ra cho công ty liên doanh, liên kết hay không, thay vì những thay đổi dự kiến trong kế toán.

Nhóm 3: Chuẩn mực kế toán về hợp nhất

IFRS 3 - Hợp nhất kinh doanh

Ảnh hưởng chung

IFRS 3 - Hợp nhất kinh doanh có thể ảnh hưởng đến Bảng Cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Thuyết minh báo cáo tài chính.

Sự khác biệt giữa IFRS 3 và IFRS 10?

Mặc dù có vẻ như IFRS 10 - Báo cáo tài chính hợp nhất và IFRS 3 - Hợp nhất kinh doanh xử lý cùng một vấn đề, nhưng thực tế không hẳn là vậy.

Cả hai chuẩn mực đều đề cập đến hợp nhất kinh doanh và báo cáo tài chính.

Nhưng trong khi IFRS 10 định nghĩa về quyền kiểm soát và quy định cụ thể các thủ tục hợp nhất, IFRS 3 liên quan nhiều hơn đến việc đo lường các khoản mục trong báo cáo tài chính hợp nhất, như là lợi thế thương mại, lợi ích cổ đông không kiểm soát,...

Nếu công ty có yếu tố hợp nhất thì cần áp dụng cả hai chuẩn mực, không chỉ là chọn một trong hai.

Tổng quan

IFRS 3 - Hợp nhất kinh doanh đề cập đến phương pháp kế toán khi bên mua có quyền kiểm soát một doanh nghiệp (ví dụ: mua bán hoặc sáp nhập). Mục tiêu của chuẩn mực này là nhằm cải thiện sự liên quan, độ tin cậy và khả năng so sánh của thông tin mà một đơn vị báo cáo cung cấp trong báo cáo tài chính về sự hợp nhất kinh doanh và những tác động của nó. Để thực hiện điều đó, IFRS 3 thiết lập các nguyên tắc và yêu cầu về cách thức mà bên mua:

- Ghi nhận và xác định trong báo cáo tài chính các tài sản, các khoản nợ phải trả xác định được và bất kỳ lợi ích không kiểm soát nào trong việc mua lại;
- Ghi nhận và xác định lợi thế thương mại trong hợp nhất kinh doanh hoặc lợi ích từ việc mua bán; và
- Xác định thông tin nào sẽ được trình bày để người dùng báo cáo tài chính đánh giá bản chất và hiệu quả tài chính của hợp nhất kinh doanh.

IFRS 3 yêu cầu tài sản và nợ phải trả được mua cần phải thiết lập một hoạt động kinh doanh, nếu không, nó không phải là sự hợp nhất kinh doanh và bên đầu tư cần tính toán cho giao dịch phù hợp với IFRS khác.

Một hoạt động kinh doanh bao gồm 3 yếu tố:

- **Đầu vào:** bất kỳ nguồn lực kinh tế nào tạo ra hoặc có thể tạo ra đầu ra khi một hoặc nhiều quy trình được áp dụng, ví dụ: tài sản dài hạn,...;
- **Quá trình:** bất cứ hệ thống, chuẩn mực, giao thức, quy ước hoặc quy tắc khi được áp dụng cho (các) đầu vào sẽ tạo ra đầu ra, ví dụ: quy trình quản trị, lực lượng lao động,...;
- **Đầu ra:** kết quả của đầu vào và quy trình được áp dụng cho đầu vào được cung cấp hoặc có thể mang lại lợi nhuận dưới dạng cổ tức, chi phí thấp hơn hoặc lợi ích kinh tế khác trực tiếp cho bên đầu tư hoặc chủ sở hữu khác.

Các vấn đề chuyển đổi

Nội dung			IFRS	VAS
IFRS 3 với VAS 11 - Hợp nhất kinh doanh				
Ghi nhận và xác định lợi thế thương mại			Bên mua sẽ ghi nhận lợi thế thương mại là phần phụ trội giữa (a) và (b) tại ngày hợp nhất, trong đó: (a) bao gồm: i. Giá trị hợp lý tại ngày mua của các khoản thanh toán được chuyển giao; ii. Các khoản lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong công ty được mua xác định theo chuẩn mực IFRS 3; và iii. Giá trị hợp lý tại ngày mua của phần sở hữu vốn trước đây của bên đầu tư tại công ty được mua trong quá trình hợp nhất kinh doanh theo giai đoạn. (b) Giá trị thuần của tài sản và nợ phải trả xác định được tại ngày mua, xác định theo IFRS.	Tương tự như một khoản mục tài sản hình thành từ hợp nhất kinh doanh, tại ngày hợp nhất kinh doanh, lợi thế thương mại được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, là phần phụ trội giữa mức giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần lợi ích của bên mua trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của doanh nghiệp được mua lại tại ngày thực hiện nghiệp vụ đầu tư.
Yêu cầu áp dụng phương pháp lợi thế thương mại toàn phần trên BCTC hợp nhất			IFRS 3 quy định áp dụng phương pháp ghi nhận lợi thế thương mại toàn phần trên BCTC hợp nhất, nghĩa là lợi thế thương mại thuộc về lợi ích của cổ đông không kiểm soát (NCI) phải được xem xét đến; do đó, phần lợi thế thương mại tương ứng được tính trong NCI. IFRS 3 quy định việc xác định NCI dựa trên giá trị hợp lý (trong nhiều trường hợp là giá trị thị trường) của cổ phần của cổ đông không kiểm soát trong đơn vị được mua lại.	Không đề cập.
Phân bổ giá trị của lợi thế thương mại			IFRS 3 không cho phép phân bổ lợi thế thương mại. Thay vào đó, lợi thế thương mại phải được xem xét sự suy giảm giá trị của lợi thế thương mại tối thiểu một năm một lần theo quy định của IAS 36 – Tổn thất tài sản.	Lợi thế thương mại có thể được ghi nhận vào chi phí toàn bộ hoặc phân bổ dần nhưng không quá 10 năm.
Hợp nhất kinh doanh được hoàn thành trong từng giai đoạn			IFRS 3 quy định việc xác định lại chi phí đầu tư đã phát sinh trước đây theo giá trị hợp lý nếu phần đầu tư bổ sung mang lại cho nhà đầu tư quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và kinh doanh của đơn vị được mua lại. Giá trị hợp lý của khoản đầu tư trước đó được đánh giá lại dựa trên các thông tin sẵn có tại ngày thực hiện nghiệp vụ đầu tư”.	Hợp nhất kinh doanh có thể liên quan tới nhiều giao dịch trao đổi, như giao dịch mua cổ phiếu liên tiếp. Khi đó, mỗi giao dịch trao đổi sẽ được bên mua xử lý một cách riêng biệt bằng cách sử dụng giá phí của giao dịch và thông tin về giá trị hợp lý tại ngày diễn ra từng giao dịch trao đổi để xác định giá trị của lợi thế thương mại liên quan đến từng giao dịch đó. Do đó, việc so sánh giá phí của các khoản đầu tư đơn lẻ với lợi ích của bên mua trong giá trị hợp lý của tài sản, nợ phải trả và nợ tiềm tàng của bên được mua được thực hiện ở từng bước.

Xác định cấu phần tạo nên giao dịch hợp nhất kinh doanh	Chuẩn mực này đưa ra các ví dụ về các giao dịch riêng biệt không áp dụng phương pháp mua.	Không đề cập
Giá phí hợp nhất	IFRS 3 đưa ra các trường hợp trong đó các chi phí tư vấn, chi phí nghiên cứu thị trường,... không được tính vào giá phí hợp nhất kinh doanh khi thực hiện nghiệp vụ mua bán. Các chi phí này được ghi nhận ngay vào Báo cáo thu nhập toàn diện trong kỳ.	VAS 11 cho phép ghi nhận các chi phí trực tiếp liên quan đến việc mua doanh nghiệp vào giá phí hợp nhất kinh doanh.
Các khoản thanh toán tiềm tàng	IFRS 3 yêu cầu phải bao gồm các khoản thanh toán tiềm tàng trong giá phí hợp nhất kinh doanh khi hợp nhất. Các biến động của các khoản thanh toán tiềm tàng (nếu có) được xử lý như sau: (a) Nếu biến động do thu thập được thông tin liên quan đến điều kiện tại ngày mua, hoặc các thông tin này được công bố trong vòng một năm kể từ ngày mua, nhà đầu tư được phép thực hiện các điều chỉnh đối với lợi thế thương mại; (b) Nếu biến động do thu thập được thông tin liên quan đến điều kiện sau ngày mua và các thông tin này được công bố sau một năm kể từ ngày mua, các điều chỉnh phải được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.	Không đề cập
Xem xét lợi ích liên quan đến thuế thu nhập	IFRS 3 cho phép tính khoản lợi ích có được liên quan đến thuế phát sinh từ những khoản lỗ của đơn vị được mua lại vào giá trị hợp lý trong phần tài sản thuần của đơn vị được mua lại.	Khoản lợi ích kinh tế có được liên quan đến thuế phát sinh từ những khoản lỗ của doanh nghiệp được mua lại không được xem là một phần trong giá trị hợp lý của tài sản thuần của doanh nghiệp được mua lại do các quy định về thuế của Việt Nam không cho phép bù trừ lỗ lãi giữa các doanh nghiệp có tư cách pháp nhân trong cùng một tập đoàn.



Những việc cần thực hiện?

Quản lý các thay đổi của IFRS trong giai đoạn chuyển đổi - có thể mang đến sự hiệu quả trước ngày chuyển đổi. Mặt khác, cần nhắc các yếu tố bên dưới:

IFRS 1 cho phép lựa chọn giữa áp dụng hồi tố và phi hồi tố:

- **Ghi nhớ** rằng áp dụng hồi tố có thể không khả thi - có thể yêu cầu trình bày lại theo IFRS 3 cho toàn bộ hợp nhất kinh doanh trước đó.
- **Áp dụng phi hồi tố** đưa đến kết quả trong một phạm vi công việc giới hạn được yêu cầu khi chuyển đổi.
- **Kiểm tra sự suy giảm giá trị** của lợi thế thương mại tại ngày chuyển đổi. Sự kiểm tra này có thể làm giảm bớt công việc bổ sung cần thiết.
- **Ghi nhận và xác định** các tài sản, các khoản nợ phải trả xác định được và bất kỳ lợi ích không kiểm soát nào trong việc mua lại.
- **Ghi nhận và xác định** lợi thế thương mại trong hợp nhất kinh doanh hoặc lợi ích từ việc mua bán; và
- **Xác định** thông tin nào sẽ được trình bày về hợp nhất kinh doanh.

IFRS 10 - Báo cáo tài chính hợp nhất

Tổng quan

IFRS 10 *Báo cáo tài chính hợp nhất* đưa ra các yêu cầu cho việc **lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất**, yêu cầu các công ty hợp nhất các đơn vị mà họ kiểm soát. Sự kiểm soát đòi hỏi chịu rủi ro hoặc quyền lợi đối với kết quả hoạt động kinh doanh và có khả năng tác động đến kết quả này thông qua quyền kiểm soát tại bên nhận đầu tư.

IFRS 10 thay thế các hướng dẫn của IAS 27 liên quan đến báo cáo tài chính hợp nhất (IAS 27 sửa đổi hiện chỉ tập trung vào báo cáo tài chính riêng) và SIC 12 *Hợp nhất - Các đơn vị có mục đích đặc biệt*, và có hiệu lực cho các báo cáo thường niên bắt đầu vào hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2013. Áp dụng sớm được cho phép.

IFRS 10 được ban hành, với mục tiêu phát triển một **mô hình hợp nhất duy nhất** áp dụng cho tất cả các bên nhận đầu tư. Kể từ khi bắt đầu vào năm 2007, cuộc khủng hoảng tài chính toàn cầu đã nhấn mạnh **sự thiếu minh bạch** về những rủi ro mà các nhà đầu tư gặp phải từ sự tham gia của họ với “**các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán**”, bao gồm cả những đơn vị mà họ đã thiết lập hoặc tài trợ. Do đó, các nhà lãnh đạo G20, Hội đồng Bình ổn Tài chính và các tổ chức khác đã yêu cầu IASB xem xét các yêu cầu về kế toán và công bố thông tin đối với “các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán”.

Trong mô hình kiểm soát duy nhất này, quyền kiểm soát không được định nghĩa là quyền pháp lý hoặc quyền hợp đồng đối với các hoạt động liên quan trực tiếp mà dựa trên khả năng kiểm soát các hoạt động liên quan một cách đơn phương. Mô hình hợp nhất không phải là mô hình định lượng (dựa trên rủi ro và lợi ích) mà là mô hình định tính (dựa trên quyền kiểm soát, lợi nhuận và mối liên kết giữa hai yếu tố này). Mô hình kiểm soát được xây dựng trên các nguyên tắc (của ba yếu tố) hơn là dựa trên quy tắc được cung cấp cụ thể và rõ ràng.

Như vậy, việc áp dụng mô hình này sẽ đòi hỏi sự xét đoán bằng cách xem xét các sự kiện và hoàn cảnh có liên quan trong việc đưa ra các quyết định hợp nhất. Theo quan điểm của IASB, mô hình hợp nhất này sẽ phản ánh tốt hơn bản chất kinh tế của mối quan hệ với các đơn vị khác.

Các vấn đề chuyển đổi

Nội dung	IFRS	VAS
IFRS 10 với VAS 25 - Báo cáo tài chính hợp nhất		
Kiểm soát	Nhà đầu tư kiểm soát bên nhận đầu tư khi và chỉ khi nhà đầu tư có tất cả các yếu tố sau: (a) Có quyền kiểm soát bên nhận đầu tư, cụ thể nhà đầu tư có quyền điều hành các hoạt động liên quan mà những hoạt động này có ảnh hưởng đáng kể đến kết quả hoạt động kinh doanh của bên nhận đầu tư; (b) Chịu rủi ro và có quyền hưởng những lợi ích từ kết quả hoạt động do sự tham gia điều hành hoạt động kinh doanh của bên nhận đầu tư; (c) Có khả năng sử dụng quyền kiểm soát để gây ảnh hưởng lên phần được chia từ kết quả hoạt động kinh doanh của bên nhận đầu tư.	Khi bên đầu tư nắm giữ (trực tiếp hay qua các công ty con) hơn 50% quyền biểu quyết ở bên nhận đầu tư thì bên đầu tư sẽ được coi là nắm quyền kiểm soát bên nhận đầu tư. Trong các trường hợp sau đây, quyền kiểm soát còn được thực hiện ngay cả khi nhà đầu tư nắm giữ ít hơn 50% quyền biểu quyết: (a) Có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động theo quy chế thỏa thuận; (b) Có quyền bổ nhiệm hoặc bãi miễn đa số các thành viên Hội đồng quản trị hoặc cấp quản lý tương đương; hoặc (c) Có quyền bỏ đa số phiếu tại các cuộc họp của Hội đồng quản trị hoặc cấp quản lý tương đương.

Các tổ chức quản lý đầu tư	Là các tổ chức mà: a) Huy động vốn từ một hoặc nhiều nhà đầu tư với mục đích cung cấp dịch vụ quản lý đầu tư; b) Cam kết với nhà đầu tư rằng mục đích kinh doanh là đầu tư vốn chỉ nhằm hưởng lợi từ biến động giá hoặc thu nhập đầu tư, hoặc cả hai; c) Đo lường và đánh giá các khoản đầu tư trên cơ sở giá trị hợp lý.	Không đề cập
Trường hợp miễn trừ hợp nhất các đơn vị quản lý đầu tư	IFRS 10 đề cập đến những yêu cầu đặc biệt về mặt kế toán cho các đơn vị quản lý đầu tư. Khi đơn vị đáp ứng chuẩn mực của một “đơn vị quản lý đầu tư” (như trên) thì không thực hiện hợp nhất như các công ty con, hoặc áp dụng chuẩn mực IFRS 3 - Hợp nhất kinh doanh khi đơn vị có quyền kiểm soát một tổ chức khác. Việc miễn trừ hợp nhất chỉ áp dụng cho bản thân tổ chức quản lý đầu tư. Theo đó, công ty mẹ của một đơn vị quản lý đầu tư phải thực hiện hợp nhất tất cả các tổ chức mà công ty mẹ nắm quyền kiểm soát, bao gồm cả các tổ chức mà công ty mẹ sở hữu thông qua một công ty con, trừ khi bản thân công ty mẹ cũng là một đơn vị quản lý đầu tư.	Không đề cập
Không yêu cầu lập BCTC hợp nhất khi	Công ty mẹ không cần lập BCTC hợp nhất nếu đáp ứng tất cả các điều kiện sau: a) Công ty mẹ bị sở hữu toàn bộ hay sở hữu một phần bởi công ty khác và những người chủ sở hữu khác của công ty đó, bao gồm cả những thành viên không có quyền biểu quyết được thông báo và không phản đối việc công ty mẹ không trình bày BCTC hợp nhất; b) Công cụ nợ và công cụ vốn của công ty mẹ không được giao dịch trên thị trường; c) Công ty mẹ không đệ trình hoặc không trong quá trình đệ trình hồ sơ cho ủy ban chứng khoán hay tổ chức quản lý khác cho mục đích phát hành bất kỳ công cụ tài chính trên thị trường; và d) Công ty mẹ của tập đoàn hay công ty mẹ của công ty mẹ đã tiến hành lập BCTC hợp nhất cho mục đích sử dụng rộng rãi theo quy định của Chuẩn mực BCTC Quốc tế.	Công ty mẹ bị sở hữu toàn bộ hoặc gần như toàn bộ bởi công ty khác với sự chấp thuận từ cổ đông thiểu số.

Quy trình hợp nhất	Lợi ích của cổ đông không kiểm soát được trình bày trong phần nguồn vốn trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất, riêng biệt với vốn chủ của công ty mẹ.	Thuật ngữ “ lợi ích của cổ đông thiểu số ” được dùng thay thế cho thuật ngữ “ lợi ích của cổ đông không kiểm soát ” và phải được trình bày trong mục Nguồn vốn trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất, và trình bày riêng biệt với khoản mục vốn chủ sở hữu của công ty mẹ.
	Những thay đổi trong tỷ lệ lợi ích của công ty mẹ tại công ty con mà không dẫn đến sự mất đi quyền kiểm soát được hạch toán là các giao dịch trong khoản mục nguồn vốn (cụ thể: các giao dịch với chủ sở hữu với vai trò là chủ sở hữu).	Không đề cập
Thay đổi tỷ lệ lợi ích (không mất quyền kiểm soát)	Giá trị ghi sổ lợi ích của công ty mẹ và cổ đông không kiểm soát được điều chỉnh để phản ánh sự thay đổi tương ứng về lợi ích trong công ty con. Bất kỳ sự chênh lệch giữa phần lợi ích cổ đông không kiểm soát đã điều chỉnh với giá trị hợp lý của giá trị thanh toán nhận được hoặc trả đi được ghi nhận trực tiếp vào nguồn vốn và thuộc về các chủ sở hữu của công ty mẹ.	Không đề cập
Thay đổi tỷ lệ sở hữu (mất quyền kiểm soát)	Chuẩn mực đưa ra phương pháp kế toán khi công ty mẹ mất quyền kiểm soát ở công ty con với hoặc không với sự thay đổi hoàn toàn hoặc tương đối trong các mức sở hữu.	Không đề cập



Những việc cần thực hiện?

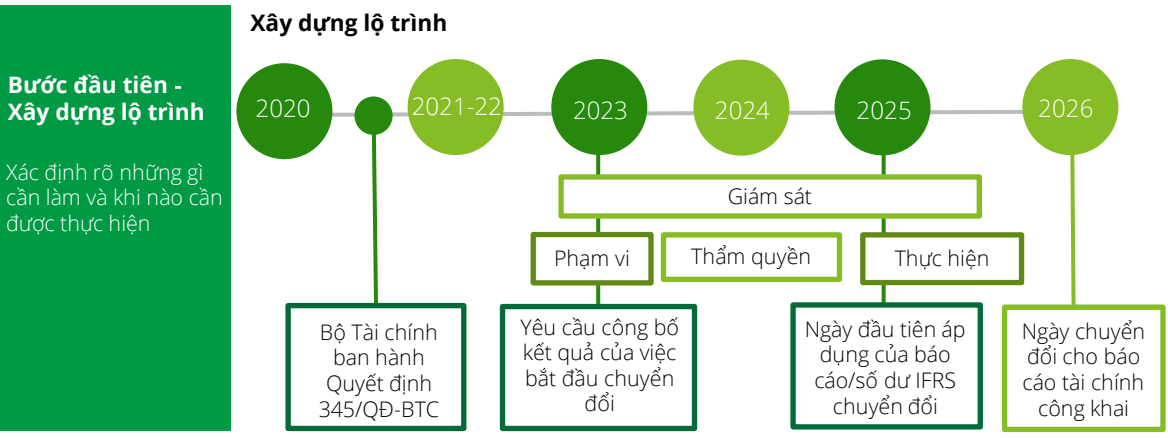
- Xác định các công ty con, công ty liên doanh và các đối tượng nhận đầu tư theo phương pháp vốn chủ áp dụng trước hoặc sau. Để dễ dàng chuyển đổi, chúng ta có thể xem xét thực hiện khi kết thúc năm.
- Đảm bảo các công ty con của Quý Công ty (và bất kỳ đơn vị nào) lập báo cáo tài chính theo IFRS khi cần.
- Để áp dụng mô hình kiểm soát, một số bước ban đầu là cần thiết trước khi đánh giá liệu một trong ba yếu tố kiểm soát có tồn tại hay không. Các bước này là:
 - Xác định bên nhận đầu tư.
 - Hiểu mục đích và cấu trúc của bên nhận đầu tư.
 - Xác định các hoạt động liên quan của bên nhận đầu tư và cách ra quyết định về các hoạt động liên quan này.



Phần 3:

Xem lại các vấn đề chuyển đổi một góc nhìn toàn diện

Xem lại các vấn đề chuyển đổi: Một góc nhìn toàn diện



Bước tiếp theo sẽ là gì? Sau khi đã xác định được mục tiêu chuyển đổi IFRS thì bước tiếp theo chính là lập một kế hoạch rõ ràng cho một lộ trình hiệu quả và hợp lý nhất.

Câu hỏi “Chúng ta sắp đến đích chưa?” có quen thuộc với bạn không? Bạn đã bao giờ cảm thấy mất phương hướng trên chuyến đi của cuộc đời mình? Hãy thử hình dung về câu chuyện bạn đứng giữa một bình xăng rỗng và một chiếc xe đầy ắp lời phàn nàn từ hành khách về một cú rẽ sai lầm, chắc hẳn ai cũng có thể nhìn thấy hình bóng mình trong câu chuyện ấy.

Kinh nghiệm ở Canada, Châu Âu và Châu Á – Thái Bình Dương cho thấy những cạm bẫy tương tự có thể nằm ở phía trước trên lộ trình chuyển đổi IFRS: có thể là “chi phí vượt qua lợi ích”, hay “quá trình này tốn quá nhiều thời gian”.

Một số đơn vị chọn ngày chuyển đổi IFRS quá cận kề, và điều này khiến cho họ không có đủ thời gian để thực hiện tốt. Tuy nhiên, đối với những đơn vị đã lên kế hoạch và bắt đầu thực hiện từ sớm, lộ trình chuyển đổi sẽ trở nên dễ dàng hơn rất nhiều... thậm chí vẫn còn dư thời gian cho họ hoàn thành những việc khác nữa.

Bước 1: Xác định phạm vi công việc

- Xác định một lãnh đạo, một đội nhóm có năng lực và trách nhiệm
- Xác định các mốc thời gian chính – chúng ta cần đạt được những gì tại những thời điểm ấy?
- Xác định nhiệm vụ - lập ra một cơ chế phù hợp để nắm bắt và hoàn thành tốt từng nhiệm vụ: các chi nhánh và phòng ban, các bên nhận đầu tư, doanh nghiệp liên doanh, các doanh nghiệp hoạt động với mục đích đặc biệt
- Xác định các nguyên tắc kế toán chuyên ngành và thu thập những thông tin cần thiết
- Những vấn đề cần xem xét bao gồm việc chuẩn bị Bảng cân đối kế toán đầu kỳ trước ngày chuyển đổi một năm, công khai số liệu so sánh cả năm và cả báo cáo tài chính giữa niên độ nếu cần thiết

Bước 2: Chuẩn bị các nguồn lực

- Xác định những điểm cần lưu ý cũng như những thông tin cần phải công khai trước thời điểm chuyển đổi
- Lập kế hoạch cho những báo cáo tài chính dài hạn và các điểm cần chú ý
- Đánh giá mức độ hiểu biết về IFRS của nhân viên và tổ chức các chương trình đào tạo.
- Xác định các điều kiện liên quan – Kiểm soát nội bộ, bộ phận Hệ thống thông tin/ Công nghệ thông tin, bộ phận Ngân quỹ, bộ phận Thuế

Bước 3: Thực hiện kế hoạch

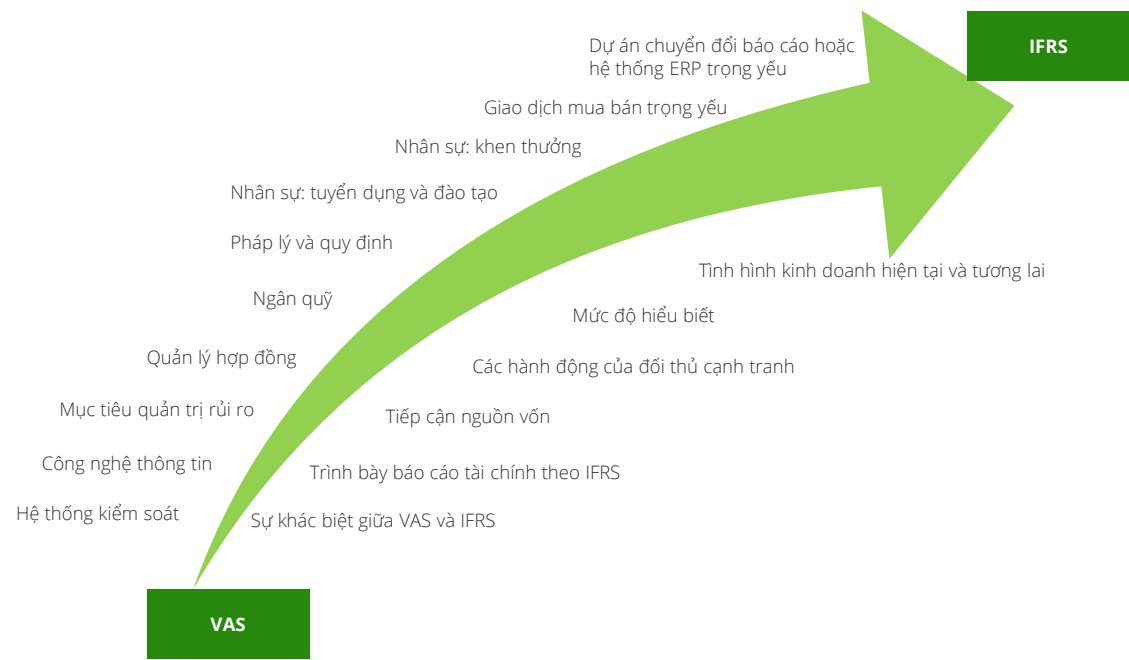
- **Chuẩn bị** một văn bản thuyết minh công khai trước khi chuyển đổi vào năm 2022 và 2023
- **Chuẩn bị** Bảng cân đối kế toán đầu kỳ theo IFRS 1 tại ngày chuyển đổi
- **Hạch toán** các bút toán theo IFRS 1 tại ngày chuyển đổi
- **Chuẩn bị một văn bản** thuyết minh chuyển đổi theo IFRS 1 bao gồm đối chiếu vốn chủ sở hữu và thu nhập ròng
- **Lưu ý** các yêu cầu giữa niên độ - yêu cầu đối chiếu áp dụng cho báo cáo tài chính hàng quý
- **Chuẩn bị** những buổi trao đổi giữa Ban Lãnh đạo và các nhà đầu tư khác.
- **Hoàn thiện và áp dụng** các chính sách kế toán theo IFRS.

Bước 4: Giám sát quá trình

- **Luôn chuẩn bị trước** cho những thay đổi – tổ chức các chương trình đào tạo thường xuyên, các quy trình kiểm soát nội bộ, và báo cáo thường xuyên cho Ban Lãnh đạo trong toàn bộ quá trình.

Có thể thấy, mỗi doanh nghiệp đều có khả năng kiểm soát quá trình chuyển đổi và hoàn thành mục tiêu đặt ra thông qua một kế hoạch tỉ mỉ với những điểm dừng cần thiết. Nếu bắt tay vào thực hiện quá trình chuyển đổi sớm, các doanh nghiệp cũng hoàn toàn có thể kiểm soát những mốc thời gian quan trọng.

Lộ trình chuyển đổi IFRS



Thế nào là quy trình chuyển đổi được chuẩn bị tốt?

Nếu doanh nghiệp mong muốn thực hiện chuyển đổi một cách nhanh chóng, đây là một vài gợi ý để thiết lập một lộ trình chuyển đổi tốt:

Tận dụng các dự án hiện có: Nếu đang thực hiện – hoặc đã hoàn thành – một dự án chuyển đổi tài chính hoặc hệ thống ERP, đây là lúc có thể xem là thời gian thích hợp để triển khai IFRS. Các phiên bản mới nhất của hệ thống ERP được thiết kế để phù hợp với IFRS và thường tiết kiệm đáng kể chi phí.

Tiến hành chạy thử

Việc áp dụng trên diện rộng có thể dễ dàng hơn nếu bắt đầu với một quốc gia duy nhất hoặc một đơn vị báo cáo. Sử dụng các yêu cầu báo cáo hiện có và yêu cầu của chế độ kế toán của quốc gia đó để tạo lợi thế cho công ty của doanh nghiệp.

Ví dụ: Các công ty con ở cùng một quốc gia áp dụng IFRS trong ba năm tới có thể là ứng cử viên sáng giá cho việc chạy thử vì báo cáo được lập theo IFRS sẽ được yêu cầu vào năm 2025. Chúng ta có thể tìm hiểu và áp dụng những kinh nghiệm từ việc áp dụng chuyển đổi sớm cho việc áp dụng cho toàn bộ tập đoàn trên toàn cầu.

Trung tâm dịch vụ chung

IFRS đưa ra một lý do thuyết phục để thiết lập “Trung tâm dịch vụ chung” có khả năng hợp nhất các nguyên tắc kế toán được chấp nhận chung (GAAP) tại nhiều địa phương thành một chuẩn mực báo cáo duy nhất. Các bộ phận tài chính phân bổ theo khu vực địa lý có thể được cắt giảm theo hướng có lợi cho bộ phận tài chính trung tâm, đồng thời đưa ra chiến lược để tận dụng ưu đãi về thuế, cắt giảm chi phí và nhân công. Trong nhiều trường hợp, mô hình này đã được điều chỉnh phù hợp với các ngân hàng chiến lược, và các tổ chức thị trường đã thực hiện hoặc hiện đang xem xét liên quan đến chức năng tài chính của họ.

Tăng cường kiểm soát

Đối với những ngân hàng và định chế tài chính thị trường vốn đang hoạt động tại rất nhiều quốc gia khác nhau trên toàn thế giới, một cấu trúc phi tập trung đôi khi có thể dẫn đến sự sụt giảm mức độ giám sát và kiểm soát. IFRS cung cấp cơ hội cho doanh nghiệp để áp dụng các mô hình và quy trình được chuẩn hóa để tăng cường môi trường kiểm soát tổng thể.

Tái thiết lập các chính sách của tổ chức

Chuyển đổi sang IFRS thúc đẩy nhu cầu đánh giá lại nguyên tắc ghi nhận doanh thu, đánh giá suy giảm giá trị, thanh toán trên cơ sở cổ phần, vốn hóa chi phí và các chính sách kế toán khác. Nói cách khác, IFRS cung cấp một yêu cầu để thực hiện tái thiết lập chính sách kế toán mới, với mục đích cung cấp báo cáo tài chính chính xác và kịp thời hơn.

Học hỏi kinh nghiệm trong quá khứ từ các quốc gia khác

Các bài học rút ra từ kinh nghiệm thực tiễn bao gồm:

- 1

Phạm vi công việc ban đầu đôi khi chưa được đánh giá đầy đủ. Nhận thức ban đầu rằng việc chuyển đổi chỉ là một vấn đề kế toán nay đã được thay thế bởi sự nâng cao trong nhận thức rằng quá trình này có quy mô lớn hơn và phức tạp hơn nhiều.
- 2

Các dự án thường thiếu sự tiếp cận toàn diện. Do quan điểm hạn chế nêu trên, các công ty thường không xem xét các hiệu ứng tài sản thế chấp, chẳng hạn như các ảnh hưởng của Công nghệ thông tin, Nhân sự và Thuế.
- 3

Một sự khởi đầu muộn thường dẫn đến sự gia tăng của chi phí. Một số ít công ty dự đoán và thực hiện các bước chuẩn bị từ trước sẽ ở một tình trạng tốt hơn nhiều so với các công ty bắt đầu việc chuyển đổi chậm trễ. Các công ty trì hoãn quá trình này sẽ chịu tổn thất về mặt chi phí cao và vấn đề phân chia nguồn lực lớn.
- 4

Nhiều công ty không đạt được trạng thái “hoạt động bình thường” cho báo cáo IFRS. Dữ liệu tài chính với chất lượng cao nhất chỉ có được khi các công ty tích hợp hoàn toàn IFRS vào hệ thống vào quy trình của họ. Những áp lực về thời gian đã loại trừ khả năng này; thay vào đó, năm tài chính đầu tiên thường có các yếu tố bất thường, thâm dụng lao động và không bền vững.
- 5

Rất khó để đạt được mục tiêu ngay lần đầu tiên thực hiện. Ngay cả trong hoàn cảnh lý tưởng về thời gian, nguồn lực và kiến thức, một quá trình chuyển đổi thường sẽ khó khăn và dễ thất bại. Một số công ty châu Âu hiện chỉ bắt đầu nhận lợi ích từ việc triển khai IFRS. Do nhiều ràng buộc, nỗ lực trong năm đầu tiên ở châu Âu đã tập trung nhiều hơn vào việc “hoàn thành áp dụng IFRS”. Lợi ích tiềm năng về việc giảm độ phức tạp, tăng hiệu quả, giảm chi phí và cải thiện tính minh bạch phải được xem xét sau.

Ảnh hưởng và sự chuẩn bị về Công nghệ thông tin (IT)

IFRS được kỳ vọng sẽ có tác động trên phạm vi rộng đến hạ tầng hệ thống IT ở các mức độ khác nhau. Việc sắp xếp lại tổ chức hệ thống thông tin doanh nghiệp sẽ đặt ra một thách thức thực sự cho IT (cùng với các bộ phận khác). Hầu như tất cả các ứng dụng và giao diện trong hạ tầng hệ thống IT đều có thể bị ảnh hưởng, từ nguồn dữ liệu đầu vào đến các công cụ báo cáo. Như vậy, nhu cầu về thời gian và nguồn lực là đáng kể. Khi công ty lên kế hoạch thay đổi hệ thống IT, doanh nghiệp sẽ cần xem xét các yếu tố bên ngoài như quy định của quốc gia sở tại và quốc tế, hợp nhất tài chính của các công ty con, thị trường chứng khoán và kiểm toán viên độc lập. Quá trình chuyển đổi này không nên được xem là dự án đơn giản. Có thể cần phải thực hiện các sáng kiến được thiết kế mang tính chiến lược trong ngắn hạn để tạo ra một giải pháp dài hạn hiệu quả cho công ty.

Các tác động công nghệ tiềm năng			
Sự khác biệt trong xử lý kế toán giữa các chuẩn mực kế toán hiện hành và IFRS sẽ tạo ra nhu cầu về dữ liệu đầu vào mới.	Sự khác biệt trong xử lý kế toán giữa các chuẩn mực kế toán hiện hành và IFRS có thể sẽ dẫn đến những thay đổi đối với thiết kế sổ nhật ký chung, hệ thống tài khoản, cũng như sổ phụ và nguồn cấp dữ liệu.	IFRS có các yêu cầu công bố rộng rãi hơn nhiều, yêu cầu báo cáo và sử dụng dữ liệu tài chính thường xuyên mà có thể không được chuẩn hóa trong các mô hình dữ liệu hiện tại.	Sự khác biệt trong xử lý kế toán giữa các chuẩn mực kế toán hiện hành và IFRS sẽ tạo ra nhu cầu thay đổi trong báo cáo.
Dữ liệu và giao dịch được thu thập, lưu trữ và cuối cùng được gửi đến hệ thống tài chính có thể không có tất cả các thuộc tính hoặc chất lượng cần thiết.	Các công ty đa quốc gia cuối cùng có thể nhận ra nhu cầu phát triển lại các nền tảng sổ nhật ký chung hoặc các sổ sách bổ sung để đảm bảo tuân thủ nhiều yêu cầu của báo cáo tài chính.	Nhu cầu ngày càng tăng đối với các ước tính, phân tích độ nhạy; các yếu tố tiềm năng có thể ảnh hưởng đến sự phát triển trong tương lai mà có thể mở rộng phạm vi thông tin được quản lý bởi các hệ thống tài chính.	Các ước tính thay đổi theo từng giai đoạn có thể dẫn đến sự biến động đáng kể và yêu cầu hỗ trợ chi tiết cho lý do thay đổi, yêu cầu thiết kế các báo cáo bổ sung.
Sổ cái trong ERP có thể có chức năng bổ sung để hỗ trợ IFRS hiện không được sử dụng nhưng có thể được triển khai.	Chức năng kế toán đa sổ cái trong các bản cập nhật mới của ERP có thể được xem xét là các giải pháp dài hạn.	Kho dữ liệu báo cáo cung cấp cho các công cụ tính toán có thể cần được điều chỉnh theo cách chuẩn hóa để hỗ trợ các quy trình báo cáo.	Các biểu mẫu báo cáo có thể sẽ được yêu cầu sửa đổi để phản ánh các yêu cầu theo IFRS.
Lớp biến đổi không có khả năng được thiết kế với IFRS; hệ thống của người gửi/người nhận dữ liệu có thể cần phải được điều chỉnh.	Các thay đổi đối với IFRS có thể sẽ yêu cầu thiết kế lại các quy trình kế toán, báo cáo, hợp nhất báo cáo và thủ tục đối chiếu, có thể ảnh hưởng đến cấu hình của các ứng dụng tài chính.	Các chức năng quản trị dữ liệu và kho lưu trữ siêu dữ liệu (có thể bao gồm từ điển dữ liệu, ETL và các công cụ kinh doanh thông minh) có thể cần được điều chỉnh để phản ánh các mô hình dữ liệu đã sửa đổi.	Các yêu cầu công bố thông tin như kiểm tra độ nhạy và kéo dài kỳ hạn có thể yêu cầu các báo cáo bổ sung.
Theo thời gian, tiềm năng mua lại các công ty sử dụng IFRS sẽ tăng lên; thay đổi hệ thống nguồn và các công cụ Trích xuất, Chuyển đổi và Lưu trữ vào kho dữ liệu (ETL) để cung cấp tất cả các yếu tố dữ liệu cần thiết sẽ giúp việc tích hợp hiệu quả hơn đáng kể.	Sự khác biệt phát sinh trong xử lý kế toán giữa các chuẩn mực kế toán hiện hành và IFRS có thể tạo ra nhu cầu phân bổ chi phí mới và các tính toán khác.	Các hệ thống định giá hiện tại có thể không có chức năng để xử lý các yêu cầu theo IFRS.	

Phần 4: Hỗ trợ từ phía Deloitte Việt Nam



Hỗ trợ từ phía Deloitte Việt Nam

Tại khu vực châu Á Thái Bình Dương nói chung và thị trường Việt Nam nói riêng, mạng lưới các chuyên gia IFRS của Deloitte sẵn sàng hỗ trợ doanh nghiệp trong quá trình thực hiện chuyển đổi từ VAS sang IFRS. Ngoài ra, chúng tôi còn có mạng lưới các chuyên gia đã tham gia hỗ trợ vào quá trình chuyển đổi IFRS trên phạm vi toàn cầu. Các dịch vụ mà chúng tôi cung cấp cũng có thể hỗ trợ doanh nghiệp giải quyết những khó khăn trong quá trình chuyển đổi bao gồm: các buổi đào tạo cho nhân viên, tư vấn xác định các vấn đề chính cần thực hiện trong quá trình chuyển đổi hoặc hỗ trợ giải quyết những khó khăn ngoài công việc kế toán, chúng tôi có đội ngũ các chuyên gia sẽ giúp tìm ra giải pháp phù hợp với nhu cầu cụ thể của Quý Công ty.

Do các yêu cầu khắt khe về tính độc lập, phạm vi của các dịch vụ chúng tôi có thể cung cấp có thể bị giới hạn đối với khách hàng kiểm toán và có thể cần sự phê duyệt của Ủy ban kiểm toán.



Dịch vụ đảm bảo doanh nghiệp của Deloitte

- Triển khai các chuẩn mực kế toán phức tạp: Triển khai các chuẩn mực kế toán hiện hành và mới (IFRS 9, IFRS 15, IFRS 16 và IFRS 17 ...); Chuyển đổi GAAP và các vấn đề kế toán khác.
- Hỗ trợ trong những sự kiện có thể gây gián đoạn kinh doanh: chiến lược phát hành cổ phiếu ra công chúng lần đầu (IPO), mua bán & sáp nhập (M&A) và dịch vụ thoái vốn.
- Thực hiện các dịch vụ đảm bảo về vận hành kế toán: Đánh giá, soát xét và cung cấp các nhận định liên quan đến kế toán, tài chính và hệ thống kiểm soát nội bộ.
- Các dịch vụ đảm bảo khác: Dịch vụ đảm bảo các công ty về truyền thông, dịch vụ đảm bảo chuỗi cung ứng, đảm bảo bảo mật hóa dữ liệu, đảm bảo chuyển đổi báo cáo doanh nghiệp.



Dịch vụ tư vấn IFRS của Deloitte

- Deloitte có các chuyên gia IFRS trên khắp Châu Á Thái Bình Dương, những người tập trung vào việc hỗ trợ các công ty trong tất cả các khía cạnh của việc chuyển đổi từ VAS sang IFRS bao gồm đào tạo, quản lý dự án và quản lý thay đổi.
- Một số cách thức mà chúng tôi có thể hỗ trợ Quý Công ty, mỗi giai đoạn cụ thể của quy trình chuyển đổi đã được xác định ở các phần trước trong tài liệu này và được cung cấp trên những ấn phẩm tiếp theo.
- Chúng tôi có thể hỗ trợ cung cấp các dịch vụ khác như:
 - Nghiên cứu tác động kinh doanh/phân tích sự khác biệt giữa IFRS và VAS
 - Dịch vụ tư vấn, triển khai chuyển đổi IFRS
 - Hội thảo cập nhật IFRS cho Cấp quản lý cấp cao và cấp trung
 - Phát triển sổ tay kế toán
 - Thiết kế lại hệ thống tài khoản
 - Triển khai IFRS-ERP với báo cáo kép IFRS và VAS
 - Các mô-đun học tập trực tuyến về IFRS (bao gồm các bài kiểm tra)

Chúng tôi có thể thiết kế các dịch vụ chuyển đổi IFRS của mình để đáp ứng nhu cầu chuyển đổi IFRS cụ thể của Quý Công ty.

Khách hàng sử dụng dịch vụ Đảm bảo:

Nếu Quý công ty hiện đang là khách hàng dịch vụ Kiểm toán của Deloitte thì cần có những quy trình cần được tuân theo để đảm bảo tính độc lập giữa khách hàng và nhà cung cấp dịch vụ Đảm bảo. Các phương thức bao gồm: được sự chấp thuận từ hội đồng kiểm toán, đảm bảo rằng Ban Quản lý là người đưa ra quyết định, sử dụng nhân viên kiểm toán để cung cấp thông tin, hướng dẫn cũng như ví dụ về cách áp dụng hơn là đưa ra quyết định ngay từ ban đầu, đồng thời thiết lập các quy định quản lý nội bộ cho các nhân viên kiểm toán xem xét, tham khảo như trong trường hợp của những doanh nghiệp đăng ký niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán.

Ví dụ về các quy trình mà Deloitte có thể hỗ trợ ở mỗi giai đoạn IFRS



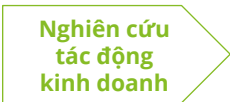
Giai đoạn 1: Phạm vi

- Đánh giá sự tác động đến hoạt động kinh doanh của việc chuyển đổi IFRS để xác định và ưu tiên các vấn đề chuyển đổi IFRS - điều gì cần chú ý trong thời điểm hiện tại?
- Hỗ trợ xây dựng kế hoạch dự án xem xét tất cả các khía cạnh của IFRS (trên phương diện tài chính và hoạt động).
- Cung cấp thành viên trong ban chỉ đạo IFRS của Quý Công ty.
- Phát triển và cung cấp các chương trình đào tạo tập trung cho nhóm IFRS của Quý Công ty và các nhân viên khác.
- Cung cấp quyền truy cập vào Deloitte E-learning và các ấn phẩm để xây dựng nhận thức về IFRS.



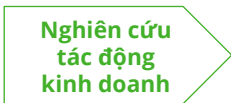
Giai đoạn 2: Tập trung nguồn lực

- Đánh giá với sự phát triển của “hệ thống cảnh báo sớm” trong nội bộ và bên ngoài doanh nghiệp nhằm giải quyết các tác động ước tính của IFRS đối với kết quả tài chính của đơn vị?
- Hỗ trợ xây dựng các mẫu báo cáo tài chính IFRS phù hợp với đặc điểm riêng từng ngành
- Xác định các yêu cầu công bố thông tin mới và bản chất của các thông tin yêu cầu.
- Xem xét lựa chọn chính sách kế toán IFRS thay thế với ban quản trị.
- Hỗ trợ thiết kế và triển khai hệ thống mới và sổ tay chính sách kế toán
- Hỗ trợ phân tích những ưu và nhược điểm đối với các miễn trừ khác nhau của IFRS 1



Giai đoạn 3: Kích hoạt nguồn nhân lực

- Đánh giá và phát triển của mẫu Bảng cân đối kế toán, đồng thời xem xét các mục nhập Bảng cân đối kế toán theo IFRS do ban quản lý chuẩn bị.
- Xem xét các điều chỉnh IFRS được đề xuất và xem xét tác động của các chính sách thay thế
- Hỗ trợ chuyển đổi hàng tồn kho tại ngày chuyển đổi áp dụng
- Giúp Quý Công ty thực hiện một hệ thống/quy trình để nắm bắt dữ liệu liên tục và các yêu cầu được công bố.
- Làm việc với Quý Công ty trong việc giải quyết các yêu cầu kiểm soát nội bộ đang diễn ra



Mẫu cung cấp dịch vụ đào tạo

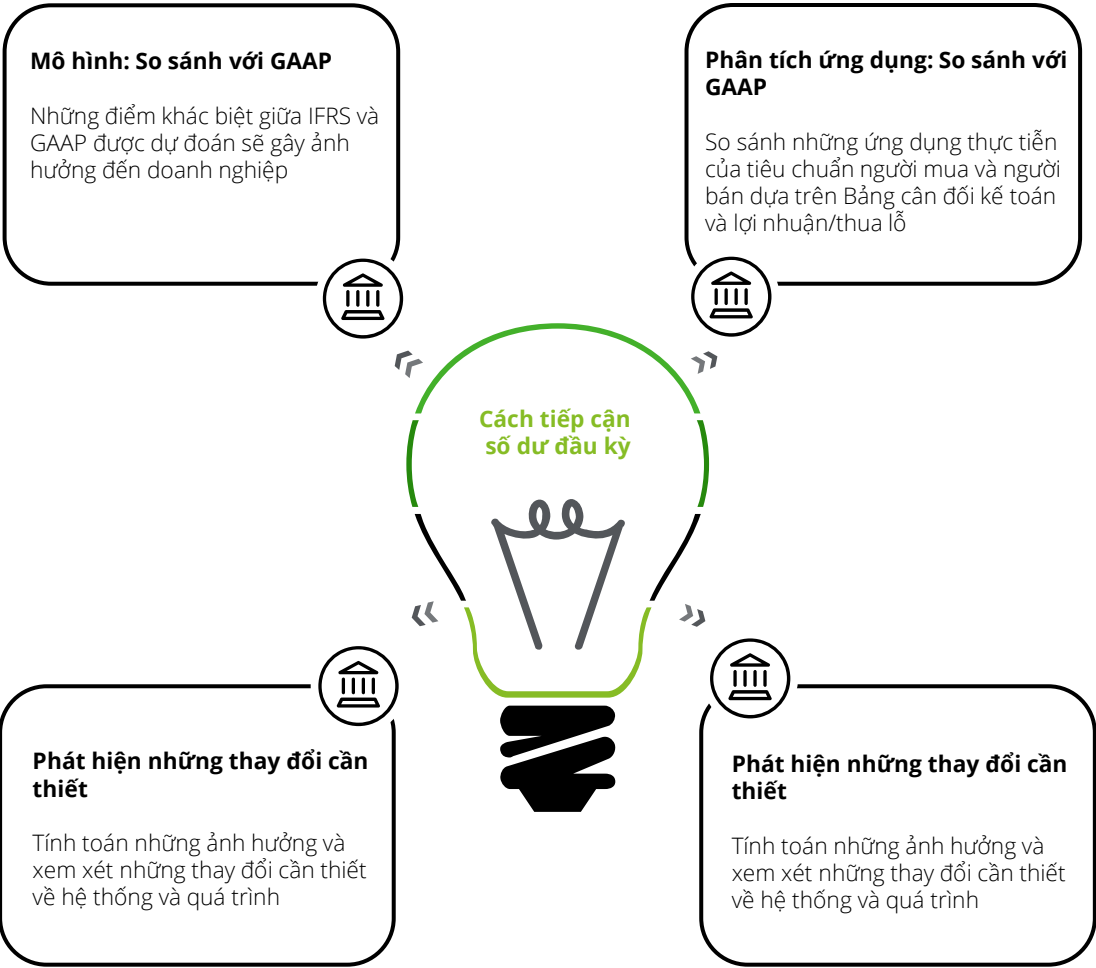
Ngày thứ nhất	
9:00 - 10:00	Tổng quan về chuyển đổi IFRS ở Châu Á Thái Bình Dương - Việt Nam
10:00 - 10:45	IAS 16 – Bất động sản, nhà xưởng và thiết bị
	IAS 23 – Chi phí lãi vay
10:45 - 11:00	Nghỉ giữa giờ
11:00 - 12:15	IAS 40 – Bất động sản Đầu tư
	IFRS 8 – Bộ phận kinh doanh
	IAS 36 – Tổn thất tài sản
12:15 - 13:15	Nghỉ trưa
13:15 - 14:45	IFRS 3 – Hợp nhất kinh doanh
	IAS 37 – Các khoản dự phòng, nợ phải trả và tài sản tiềm tàng
14:45 - 15:00	Nghỉ giữa giờ
15:00 - 16:45	IAS 12 – Thuế thu nhập doanh nghiệp
	IFRS 16 – Thuê tài sản
	IAS 19 – Phúc lợi cho người lao động
16:45 - 17:00	Chuyên mục hỏi đáp

Ngày thứ hai	
9:00 - 10:00	VAS và IFRS – Sự đồng điều hay khó khăn?
10:00 - 10:45	SIC 12 – Hợp nhất các doanh nghiệp có mục đích đặc biệt
	IAS 31 – Lợi nhuận góp vốn liên doanh
	IAS 33 – Lãi trên cổ phiếu
10:45 - 11:00	Nghỉ giữa giờ
11:00 - 11:45	IFRS 7 – Công cụ tài chính
	IAS 21 – Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá đối hoái
	IAS 34 – Báo cáo soát xét giữa niên độ
11:45 - 12:15	Làm thế nào để giải quyết vấn đề theo chuẩn mực IFRS?
	Tìm hiểu ở đâu và như thế nào?
12:15 - 13:15	Nghỉ trưa
13:15 - 14:00	IFRS 1 – Lần đầu áp dụng IFRS
14:00 - 14:45	Quá trình triển khai IFRS một cách hiệu quả
14:45 - 15:00	Nghỉ giữa giờ
15:00 - 16:00	Chuyên mục hỏi đáp

Tổng quan về cam kết triển khai IFRS-ERP

	Nội dung	Hình thức	Ảnh hưởng
Hệ thống Tài khoản	Hệ thống tài khoản (CoA) là công cụ mà các thông tin tài chính được ghi nhận và báo cáo trong hệ thống ERP.	Một hệ thống tài khoản được thiết kế hiệu quả: - Hỗ trợ thông tin doanh nghiệp, báo cáo và yêu cầu kế toán; - Được xây dựng dựa trên một nền tảng định nghĩa nhất quán cho các doanh nghiệp và yếu tố dữ liệu; và - Tạo điều kiện thuận lợi cho việc báo cáo, cho phép các nhân viên tài chính dành nhiều thời gian hơn cho việc phân tích.	Hệ thống ERP cần được điều chỉnh cấu hình sao cho phù hợp với cấu trúc Hệ thống tài khoản (CoA).
Chính sách Kế Toán	Chính sách kế toán chính là hướng dẫn để ghi nhận các giao dịch vào hệ thống tài khoản. Các chính sách này được thiết lập dựa trên chuẩn mực IFRS và lựa chọn của doanh nghiệp.	Các chính sách kế toán được sàng lọc bao gồm: - Bảo đảm các giao dịch được ghi nhận dựa trên bản chất của chúng; - Thể hiện hoạt động kinh doanh dựa trên thực tiễn tốt nhất, và so sánh với các doanh nghiệp tương tự; - Cải thiện, nâng cao năng suất của đội ngũ kế toán và báo cáo.	Các chính sách kế toán cần được sẵn có để tạo điều kiện tốt nhất trong việc thiết kế quá trình kinh doanh.
Quy trình Tài Chính	Thiết kế của các quy trình tài chính hướng đến việc lưu giữ các quy trình tài chính hiện hành và/ hoặc trong tương lai. Điều này sẽ ghi nhận lại các bước đi quan trọng, tích hợp hệ thống, các chốt chặn kiểm soát chính và các điểm liên quan khác.	Thông thường, mục tiêu của quy trình tài chính sẽ là tối ưu hóa quy trình và đồng thời, tận dụng ưu thế của công nghệ tài chính mới.	- Cung cấp thông tin về hệ thống cho việc thiết kế nói chung và tích hợp hệ thống nói riêng; - Cung cấp khả năng quản lý hệ thống

Dịch vụ sau khi sáp nhập – Chuyển đổi IFRS



Liên hệ – Các chuyên gia IFRS của chúng tôi

Khi Quý Công ty có nhu cầu triển khai IFRS, hãy tham khảo những lợi ích nếu phương pháp này được kết hợp với cách tiếp cận từ Quý công ty. Quá trình áp dụng IFRS sẽ phức tạp nhưng vô cùng cần thiết nếu Quý công ty muốn có được những dữ liệu chuyên sâu về hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp và sự liên kết như mong muốn thông qua một nền tảng thông tin chung.

Nếu Quý công ty đang cân nhắc chuyển sang IFRS hoặc đã bắt đầu áp dụng IFRS và muốn tìm hiểu thêm về các phương pháp tiếp cận khả thi, vui lòng liên hệ với chúng tôi để biết thêm thông tin chi tiết.



Trần Thị Thúy Ngọc

Phó Tổng Giám đốc

Thị trường & Khách hàng

Dịch vụ Kiểm toán & Đảm bảo

+84 24 71 050 234

ntran@deloitte.com



Bùi Văn Trịnh

Phó Tổng Giám đốc

Dịch vụ Kiểm toán & Đảm bảo

+84 28 7101 4025

trabui@deloitte.com



Đỗ Hồng Dương

Phó Tổng Giám đốc

Dịch vụ Kiểm toán & Đảm bảo

+84 24 7105 0317

duongdo@deloitte.com



Phạm Hoài Nam

Phó Tổng Giám đốc

Dịch vụ Kiểm toán & Đảm bảo

+84 24 7105 0599

npham@deloitte.com



Nguyễn Thị Thu Sang

Phó Tổng Giám đốc

Dịch vụ Kiểm toán & Đảm bảo

+84 28 7101 4027

sangnguyen@deloitte.com

Văn phòng

Văn phòng Hà Nội

Tầng 15, Tòa nhà Vinaconex,
34 Láng Hạ, Phường Láng Hạ,
Quận Đống Đa, Hà Nội
SĐT: +84 24 7105 0000
Fax: +84 24 6288 5678

Văn phòng TP. Hồ Chí Minh

Tầng 18, Tòa nhà Times Square,
57-69F Đồng Khởi, Quận 1,
TP. Hồ Chí Minh
SĐT: +84 28 7101 4555
Fax: +84 28 3910 0750

Vui lòng liên hệ với chúng tôi để biết thêm thông tin chi tiết:

Website : www.deloitte.com/vn

Email : deloittevietnam@deloitte.com



Tên Deloitte được dùng để chỉ một hoặc nhiều thành viên của Deloitte Touche Tohmatsu Limited (“DTTL” hay “Deloitte Toàn cầu”), và mạng lưới các hãng thành viên trên toàn cầu (gọi chung là Tổ chức Deloitte). DTTL và mỗi thành viên trực thuộc là một pháp nhân riêng biệt và độc lập về mặt pháp lý, không bị ràng buộc lẫn nhau đối với các bên thứ ba. DTTL và mỗi thành viên trực thuộc chỉ chịu trách nhiệm cho hành vi và thiếu sót của mình, chứ không phải chịu trách nhiệm lẫn nhau. DTTL không cung cấp dịch vụ cho các khách hàng. Vui lòng xem tại www.deloitte.com/about để biết thêm thông tin chi tiết.

Deloitte Châu Á Thái Bình Dương là một hãng thành viên của Deloitte Toàn cầu. Các thành viên và các đơn vị trực thuộc của Deloitte Châu Á Thái Bình Dương cung cấp dịch vụ cho khách hàng tại hơn 100 thành phố trong khu vực, bao gồm Auckland, Bangkok, Bắc Kinh, Hà Nội, Hồng Kông, Jakarta, Kuala Lumpur, Manila, Melbourne, Osaka, Seoul, Thượng Hải, Singapore, Sydney, Đài Bắc và Tokyo. Tại các nước thành viên, các hoạt động kinh doanh được thực hiện độc lập bởi các pháp nhân riêng biệt.

Deloitte Việt Nam

Tại Việt Nam, dịch vụ chuyên ngành được cung cấp bởi từng pháp nhân riêng biệt, và chi nhánh của pháp nhân đó, được gọi chung là Deloitte Việt Nam.

Tài liệu này chỉ chứa đựng những thông tin chung và nhằm mục đích tham khảo, do vậy, không một hãng Deloitte Touche Tohmatsu Limited, hay bất kỳ một hãng thành viên hay công ty con (sau đây được gọi chung là “Tổ chức Deloitte”) và các nhân viên của họ được xem là, trong phạm vi nội dung của tài liệu này, cung cấp dịch vụ hay đưa ra những ý kiến, tư vấn về chuyên môn cho người đọc. Tài liệu này không cấu thành ý kiến tư vấn đối với người đọc và sẽ không ảnh hưởng đến các ý kiến tư vấn khác do bất kỳ nhân viên của Tổ chức Deloitte cung cấp. Những thông tin thể hiện trong tài liệu này không áp dụng đối với các trường hợp riêng biệt của doanh nghiệp. Trước khi đưa ra bất kỳ một quyết định hay hành động nào có thể ảnh hưởng tới tình hình tài chính hoặc hoạt động kinh doanh, người đọc nên tham khảo ý kiến chuyên gia tư vấn.

Không có tuyên bố, bảo đảm hoặc cam kết nào (rõ ràng hay ngụ ý) được đưa ra về tính chính xác hoặc tính đầy đủ của thông tin trong tài liệu này, và không một hãng thành viên nào thuộc Mạng lưới các công ty Deloitte chịu trách nhiệm đối với bất kỳ thiệt hại, tổn thất xảy ra trực tiếp hay gián tiếp do kết quả của việc người đọc sử dụng, công bố, phát tán ra bên ngoài hoặc dựa vào tài liệu này để hành động, không hành động hoặc ra bất kỳ quyết định nào. DTTL và mỗi thành viên là một pháp nhân riêng biệt và độc lập về mặt pháp lý.